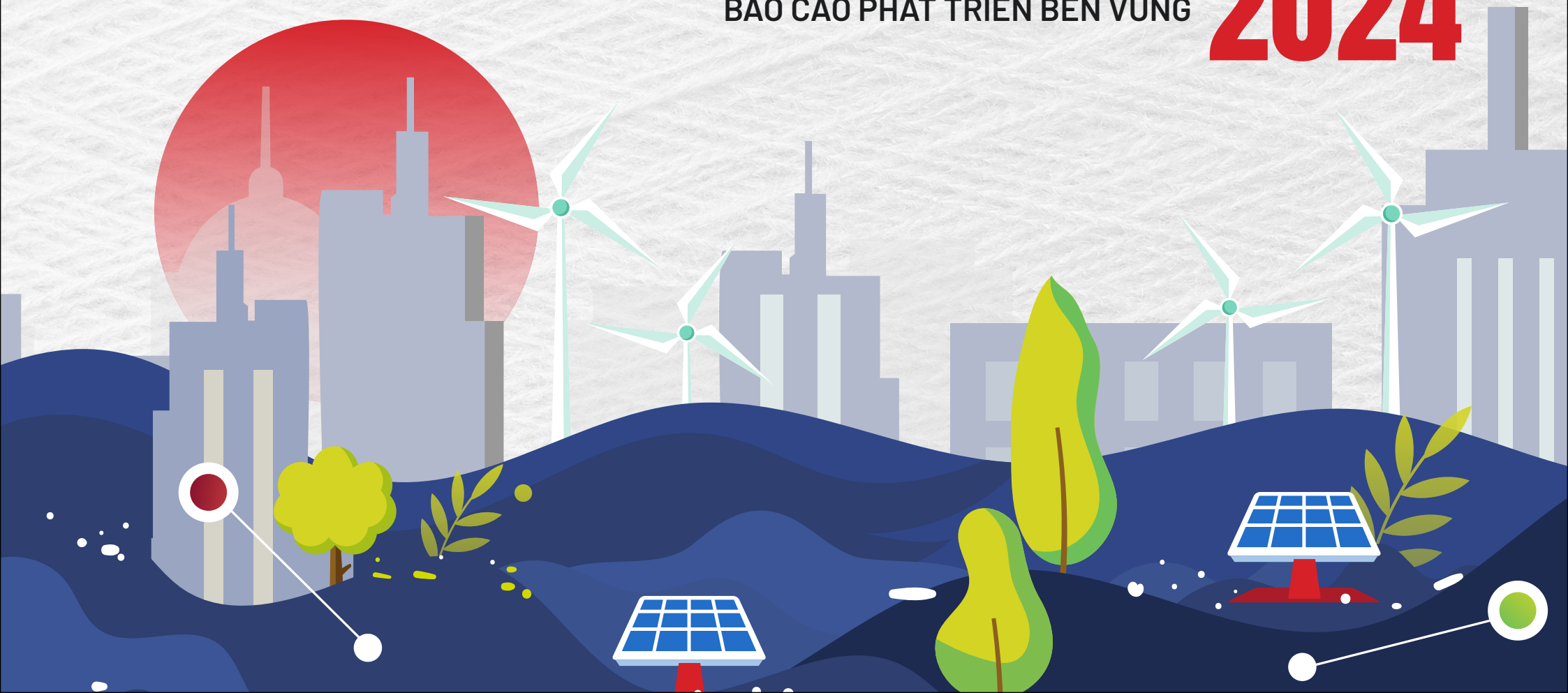


VỮNG VÀNG THÍCH ỨNG BỨT PHÁ TĂNG TRƯỞNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2024



NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GRI 2

- THÔNG điệp TÔNG GIÁM ĐỐC
- THÔNG TIN CƠ BẢN
- TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024
- TẦM NHÌN – SỨ MẠNG
- GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY
- CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK
- CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO
- GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH
- SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2018 – 2024
- VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT
- BAN ĐIỀU HÀNH
- BAN KIỂM SOÁT
- NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
- BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY
- NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
- CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY
- NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN
- THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN
- GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN
- ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2025-2028
- HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

Chương 2

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GRI 2-12

- VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP
- CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO
- DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Chương 3

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

GRI 3

- CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU
- DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Chương 4

HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

GRI 200

- HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 2024
- SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG
- TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

Sustainable Fashion



Chương 5

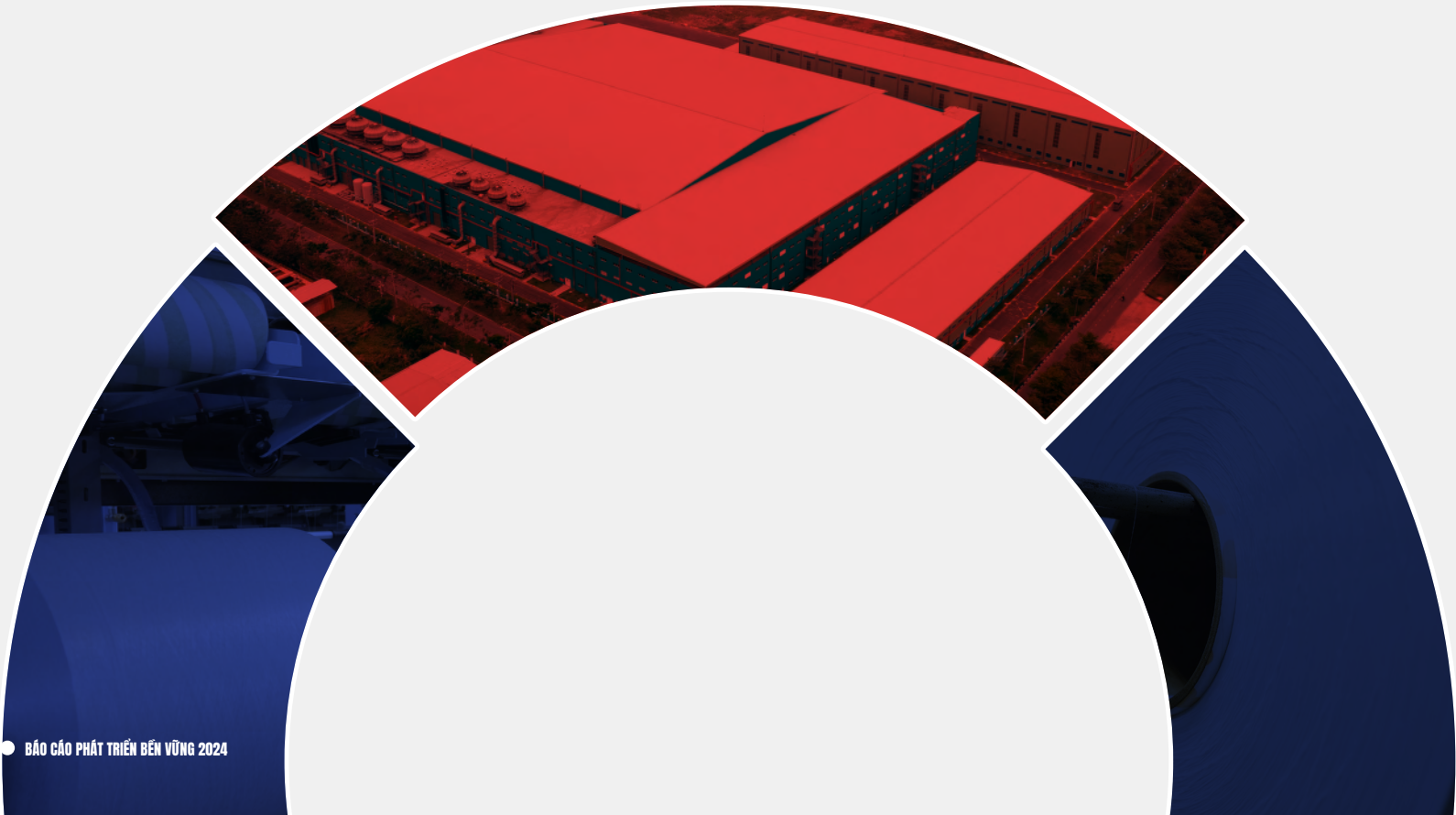
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢM KHÍ THẢI NHÀ KÍNH GRI 300

VẬT LIỆU
NĂNG LƯỢNG
NGUỒN NƯỚC
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG ỨNG
PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH
PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM – TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG

Chương 6

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC GRI 400

VIỆC LÀM
AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG
VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG
QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
DỰ ÁN XANH TẠI SỢI THỂ KỸ
BẢNG TUÂN THỦ GRI



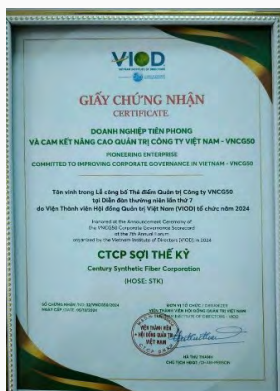
CÁC THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG STK ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2023



CSI 100: Đạt danh hiệu 100 doanh nghiệp PTBV của Việt Nam năm 2024-đạt top 10 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất, 9 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của Việt Nam **giai đoạn 2016-2024.**



Báo cáo thường niên đạt top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm phi tài chính và **giải Nhì Báo cáo Phát triển bền vững** tốt nhất 2024 trong khuôn khổ Cuộc Bình Chọn Doanh Nghiệp niêm yết năm 2024



STK được Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) vinh danh là **một trong 42 doanh nghiệp** trong danh sách **VNC50** (Bộ thẻ điểm quản trị ASEAN)



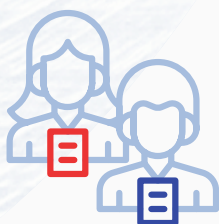
Giải khuyến khích **hiệu quả năng lượng trong công nghiệp năm 2024** do Bộ Công Thương và VECEA đồng tổ chức



Doanh thu
2024 **1.210** tỷ đồng



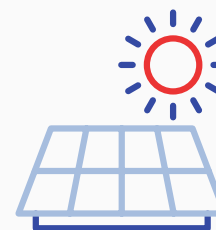
Lợi nhuận
sau thuế 2024 **12,4** tỷ đồng



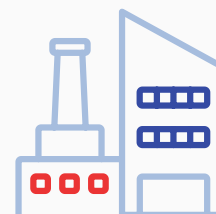
Số lượng
nhân viên **999** người



Số lượng chai nhựa
được gián tiếp tái chế **0,433** tỷ chai nhựa trong năm 2024,
tương đương **43,4** triệu chiếc áo.



Sử dụng năng lượng mặt trời giúp giảm phát thải
Tương đương lượng **CO₂** giảm thiểu **17.040** tấn tính
từ năm 2021 khi sử dụng NLMT.
Tương đương **1.704.036** cây xanh được trồng.



Giai đoạn 1 của Nhà máy Unitex với công suất **36.000**
tấn/năm đã được đưa vào vận hành và đang chạy thử nghiệm.



THÔNG DIỆP

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 2-22) (MD)

Thông điệp Tổng Giám Đốc

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Đến cuối năm 2024, các cuộc xung đột ở châu Âu và Trung Đông vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, tiếp tục diễn biến phức tạp và gây ra những hệ lụy sâu rộng. Áp lực lạm phát gia tăng tại nhiều quốc gia buộc các ngân hàng trung ương phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, trong khi bất ổn địa chính trị làm xói mòn niềm tin của nhà đầu tư, kéo theo những tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Đáng chú ý, cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vừa qua với chiến thắng của Donald Trump đã làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gia tăng hàng rào thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu. Kịch bản một cuộc chiến thương mại mới có thể xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành xuất khẩu, đặc biệt là dệt may và da giày của Việt Nam khi tiếp cận thị trường Mỹ trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Mặc dù vậy, các tổ chức kinh tế lớn vẫn dự báo kinh tế thế giới năm 2025 sẽ duy trì đà tăng trưởng ổn định, trong khi lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt. Nhìn chung, bức tranh kinh tế năm 2025 mở ra cả cơ hội lẫn thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải linh hoạt thích ứng để duy trì sự phát triển bền vững.

Năm 2024 được ghi nhận là năm nóng nhất trong lịch sử, đánh dấu một cột mốc đáng lo ngại về biến đổi khí hậu. Hoạt động của con người đã đẩy nhanh tốc độ ấm lên toàn cầu, khiến số ngày nắng nóng nguy hiểm gia tăng đáng kể. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán và cháy rừng diễn ra với tần suất dày đặc, gây tổn thất nghiêm trọng về người và tài sản. Điển hình là những trận cháy rừng dữ dội bùng phát vào đầu năm 2025 tại California, Mỹ, khiến nhiều người thiệt mạng và hàng trăm nghìn cư dân phải sơ tán. Đây là minh chứng rõ nét cho tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Trước tình hình này, nhiệm vụ cắt giảm khí nhà kính trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, không chỉ đối với các cường quốc mà còn đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Sự cấp thiết đó đã thúc đẩy các chính phủ, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp đẩy mạnh cam kết cũng như hành động cụ thể nhằm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu một cách quyết liệt hơn. Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ đã có những chiến lược và cam kết cụ thể trong việc cắt giảm khí nhà kính, nhà máy Trảng Bàng của Công ty đã kí cam kết SBTi với một nhãn hàng thương hiệu cam kết cắt giảm 29,4% khí thải nhà kính trong giai đoạn 2023-2027, bên cạnh đó Công ty cũng đang kiện toàn hoạt động, kiểm soát rủi ro, củng cố nguồn lực nội bộ và khai thác lợi thế sẵn có để duy trì hoạt động, đồng thời duy trì mục tiêu phát triển bền vững chung của thế giới.

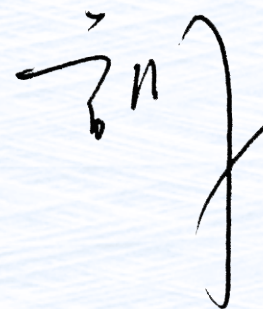
Kiên định thực hiện và giữ vững chiến lược phát triển bền vững của STK từ những ngày đầu tiên, cụ thể tập trung vào việc phát triển và cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi

trường ra thị trường đã giúp Công ty vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của Công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). STK vẫn đang cho thấy sự thích ứng linh hoạt, sức chống chịu tốt, ghi nhận các điểm sáng như việc thu hút các đơn hàng sợi tái chế có giá trị gia tăng cao với khách hàng Nhật Bản, tiếp tục mở rộng thêm được tệp khách hàng khi có thêm 35 khách hàng mới trong năm 2024.

Trong dài hạn, Công ty vẫn tiếp tục duy trì định hướng phát triển bền vững phù hợp với xu hướng chung của ngành dệt may thế giới khi ngày càng nhiều các nhãn hàng thời trang thế giới đang có những cam kết mạnh mẽ hơn trong việc biến chống biến đổi khí hậu, giảm thải khí thải nhà kính, bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu net-zero đến 2050 của Liên Hợp Quốc và cân bằng trách nhiệm xã hội. Với sự giám sát ngày càng chặt chẽ của các cơ quan quản lý đối với các tuyên bố về tính bền vững và nhận thức của người tiêu dùng về đóng góp của ngành thời trang trong việc phát triển bền vững ngày càng cao. Các thương hiệu ngày nay, hầu hết đều có các cam kết và đã thực hiện chiến dịch truyền thông mạnh mẽ hơn về trách nhiệm của họ hướng đến môi trường, nhân quyền, xã hội. Bởi vậy, những doanh nghiệp Việt Nam, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn ESG, sẽ có cơ hội lớn để trở thành đối tác cung ứng chiến lược cho các thương hiệu này, qua đó vươn tầm phát triển và hội nhập tốt ngay khi điều kiện thị trường chín muồi. STK được các thương hiệu đánh giá cao về các tiêu chí ESG (chứng chỉ GRS, điểm số cao trong đánh giá ESG bởi các nhà đánh giá độc lập, sản xuất hiệu quả đi đôi tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu, hệ thống năng lượng áp mái và được cộng đồng doanh nghiệp địa phương đánh giá cao). Với lợi thế đó, cùng với khả năng cung ứng các sản phẩm có chất lượng cao (bao gồm sợi tái chế, sợi màu, sợi mang tính năng đặc biệt), STK sẽ chủ động nắm bắt các cơ hội đang phát triển này để thúc đẩy doanh số bán hàng và tối ưu hóa lợi nhuận của mình.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội trong thời gian tới.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG TRIỆU HÒA

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 01 THÔNG TIN TỔ CHỨC
- 02 TẦM NHÌN – SỨ MẠNG CỦA CÔNG TY
- 03 GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY
- 04 CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK
- 05 QUY MÔ HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU
- 06 TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024
- 07 MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN HƯỚNG TỚI PTBV CỦA STK
- 08 QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY
- 09 CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 10 THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO
- 11 GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH
- 12 SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- 13 CƠ CHẾ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PTBV
- 14 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 15 BAN ĐIỀU HÀNH
- 16 BAN KIỂM SOÁT
- 17 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 18 NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (GRI 2-15)

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ

Được thành lập từ năm 2000 dưới hình thức công ty TNHH, Century Corp chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài chất lượng cao như sợi POY (Partially Oriented Yarn), DTY (Drawn Texturized Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn). Sản phẩm của chúng tôi là nguồn nguyên liệu đầu vào cho chính các nhà máy dệt sản xuất ra vải để phục vụ cho các nhà sản xuất các mặt hàng thể thao cao cấp. Chúng tôi đã và đang thực hiện các hoạt động này trong suốt 24 năm qua. Năm 2005, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần với mục đích tạo nguồn vốn để phát triển mở rộng trong tương lai. Ngày 30/09/2015, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã cổ phiếu STK. STK là công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sợi xơ dài với quy mô công suất trên 99 nghìn tấn sợi hàng năm, chúng tôi luôn kết hợp những thành tựu kinh tế với việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội thông qua chiến lược phát triển là các sản phẩm cao cấp, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế và sợi màu. Sợi tái chế (được làm từ recycled polyester chip từ chai nhựa cũ tái chế) là động lực phát triển chính của STK do nhu cầu lớn đến từ sản phẩm sợi thân thiện với môi trường của thị trường. Mục tiêu đến năm 2026-2027 STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 60%-70% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu. Công ty đã chinh phục những khách hàng khó tính tại các thị trường như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Trong năm 2024, doanh thu từ thị trường nội địa chiếm 69%, trong khi thị trường xuất khẩu đóng góp 31%.

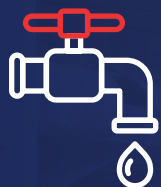
NỔ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHẶN ĐƯỜNG 24 NĂM CỦA SỢI THẾ KỲ (2000-2024)



Giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (Solar) với công suất thực tế là 7,4 Mwp cho 2 nhà máy hiện hữu. Ký kết và tăng thêm công suất năng lượng mặt trời với dự án DPPA Trảng Bàng.



Trong năm 2024 lượng carbon footprint giảm từ việc sử dụng điện lưới là 22 % so với năm 2023



Tiết giảm sử dụng nguồn nước sạch thông qua việc tái sử dụng nước sinh hoạt trong sản xuất; Tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng vật liệu ống giấy POY trong sản xuất;



Mở rộng công suất và tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương thông qua dự án nhà máy sợi dệt tự động Unitex với quy mô giai đoạn 1 (36.000 tấn/năm), giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm). Tăng thu nhập cho người lao động và phát triển giáo dục địa phương.



Tăng tỷ lệ sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế, tăng tỷ trọng sợi Recycle trong tổng doanh thu mục tiêu là 60%-70% đến năm 2026-2027;



Phát triển thêm các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, thúc đẩy nhu cầu sợi Recycle thông qua việc tích hợp nhiều tính năng đặc biệt;

STK đã đạt được và duy trì các chứng chỉ quốc tế, khẳng định cam kết tuân thủ tiêu chuẩn toàn cầu cho đến nay.



2012 - nay



2016 - nay



2017 - nay



2020 - nay

THÔNG TIN TỔ CHỨC

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (GRI 2-1)
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation (GRI 2-1)
Tên giao dịch	Century Corp
Mã chứng khoán	STK (HOSE)
Lĩnh vực kinh doanh	STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY. (GRI 2-6)
Hình thức pháp lý và quyền sở hữu	Công ty cổ phần (GRI 2-1)
Trụ sở chính	B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 2-1)
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (GRI 2-1)
Công ty con	Công Ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX, Lô A17.1, đường C1, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (GRI 2-1)
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 2-1)
Vốn điều lệ	966.369.240.000 VNĐ
Điện thoại	+ 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9537
Fax	84.8 3790 7566 / +84.66 389 9536
Email	csf@century.vn
Website	www.thekey.vn
Mã số doanh nghiệp	0302018927 (GRI 2-1)
Vốn chủ sở hữu (31/12/2024)	1.707,36 tỷ đồng

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng



ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung



LIÊN TỤC CẢI TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống



CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY



CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŮ STK

“Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc”

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG VÀ SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU : (GRI 2-6)



Nội địa và xuất
khẩu tại chỗ

69%

Xuất khẩu
trực tiếp

31%

Thị trường của Sợi Thế Kỳ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm thị trường nội địa và xuất khẩu trực tiếp như: Mỹ, Thái Lan, Nhật Bản, Hồng Kông...

QUY MÔ SẢN XUẤT: (GRI 2-6)

- Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng, tổng diện tích là 80.000 m² và tổng số lao động hiện tại là 679 người. Tại thời điểm 31/12/2024, tổng công suất của Công ty (2 nhà máy) là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX với công suất thiết kế giai đoạn 1 (36.000 tấn sợi/năm). Tổng số lao động của Công ty con tại thời điểm 31/12/2024 là 320 người.
- 1 Dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.
- Hiện tại nhà máy Unitex đang vận hành thử nghiệm, dự kiến sẽ hoạt động chính thức vào quý 2/2025. Dự án Unitex (KCN Thành Thành Công) tập trung sản xuất và phát triển các loại sợi có giá trị gia tăng và chất lượng cao (với công suất giai đoạn 1 là 36.000 tấn sợi/năm).

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024

CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG STK TẠO RA ĐẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN

NGUỒN LỰC SỬ DỤNG STK



Vốn chủ sở hữu
1.707,36 tỷ VNĐ



Số lượng nhân viên
999 người



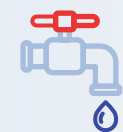
Tổng thời gian đào tạo
222.907 giờ



Chi phí đào tạo
785,03 triệu đồng



Vật liệu dầu tẩm sợi
518,2 tấn



Nước
202 nghìn m³



Năng lượng
83.824 Mwh

Vật liệu tái chế (Recycle PET chip)
tương đương **0,43** tỷ chai nhựa được gián tiếp tái chế trong năm 2024

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mô hình hoạt động 4Ms:

MÁY MÓC: Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng).

NGUỒN NHÂN LỰC: Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự.

NGUYÊN VẬT LIỆU: Mua nguyên vật liệu chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

QUẢN LÝ: Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành sản phẩm.

GIÁ TRỊ TẠO RA

Doanh thu thuần **1.210** tỷ VNĐ

Lợi nhuận sau thuế **12.4** tỷ VNĐ

Đóng góp thuế **152.14** tỷ VNĐ

Số lượng chai nhựa góp phần tái chế 2016-2024 **5.01** tỷ chai

Số vụ tai nạn lao động **0** vụ

Mức tăng/giảm lương bình quân **9.9%**

Cổ tức cho cổ đông
Cổ tức bằng cổ phiếu: **45%** trên mệnh giá - sẽ được chi trả sau khi công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Hệ số phát thải khí nhà kính từ điện EVN (CO2) giảm **22%** so với cùng kỳ năm 2023

- Báo Cáo Phát Triển Bền Vững (“BCPTBV”) của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm và trong thời gian tiếp theo của Công ty. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được STK chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Chúng tôi luôn hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để tiếp tục rà soát và cải tiến những lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm.
- Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2024 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2028 của Công ty.
- BCPTBV là một công cụ hữu hiệu giúp ích cho Công ty để rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững thực hiện trong năm, góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

1. Phạm vi và ranh giới của báo cáo:

Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

2. Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

- Công ty đã có nhiều năm lập báo cáo theo các tiêu chuẩn của hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất hiện nay liên quan đến việc lập BCPTBV Công ty thực hiện lập báo cáo theo tiêu chuẩn mới nhất và tiếp tục duy trì trong năm 2024.
- Tiêu chuẩn GRI được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Năm 2019 Công ty cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCB) hướng dẫn cách lập báo cáo theo chuẩn GRI và đánh giá xác nhận báo cáo đã được lập theo tiêu chuẩn GRI.
- Nội dung của báo cáo xoay quanh 5 chủ đề tiêu chuẩn: GRI 2 Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung; GRI 3 các vấn đề trọng yếu; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề môi trường; GRI 400 Vấn đề xã hội.



¹CSRCB là chương trình do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.



3. Kỳ báo cáo:

Báo cáo được lập theo niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 (GRI 2-3)

4. Chất lượng báo cáo:

Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong nội dung báo cáo như sau:

Nội dung báo cáo (nguyên tắc xác định)	Chất lượng báo cáo
Gắn kết các mối quan tâm của bên liên quan với Công ty	Chính xác
Bối cảnh phát triển bền vững của Công ty và thế giới	Rõ ràng
Tầm ảnh hưởng của các mối quan tâm đến Công ty	So sánh
Tính toàn vẹn của nội dung báo cáo	Tin cậy
Số liệu báo cáo	Cập nhật

5. Chỉ tiêu được các phòng ban nội bộ của Công ty đánh giá bao gồm:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (GRI – 404);
- Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương (GRI – 413);
- Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng (GRI – 401);
- Ngân sách đào tạo trong năm (GRI – 404);
- Mức tiêu thụ năng lượng; (GRI – 302 và 305)
- Mức tiêu thụ nước; (GRI – 303)

6. Chu kỳ báo cáo: 1 năm/lần

7. Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

Phòng Quan Hệ Cổ Đông – CTCP Sợi Thế Kỷ – Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Người chịu trách nhiệm biên soạn: Ngô Đình Bảo – Chuyên viên Phát triển doanh nghiệp

Chịu trách nhiệm biên tập và nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám Đốc Chiến Lược

Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN HƯỚNG TỚI PTBV CỦA STK

TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG

- Tái sử dụng ống giấy POY trong sản xuất.
- Tái sử dụng nước giải nhiệt, nước cấp trong sản xuất.
- Tái chế sợi phế phẩm thành nguyên liệu PET chip.
- Gián tiếp tái chế chai nước nhựa thông qua tăng tiêu thụ lượng recycle PET chip.

BÁN HÀNG VÀ PHÂN PHỐI

- Xe nâng nội bộ chuyển đổi không sử dụng nguồn nhiên liệu Diesel
- Luân chuyển việc sắp xếp xe giao hàng và các tuyến vận chuyển

ĐẦU TƯ CỦA STK

- Sử dụng máy móc và công nghệ từ Đức (Oerlikon Barmag) thân thiện với môi trường (e-saving).
- Đầu tư dự án mở rộng nhà máy (Unitex factory).
- Sử dụng vật liệu recycle (recycle PET chip).
- Nguồn lao động giàu kinh nghiệm.
- Liên tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thân thiện với môi trường như sợi màu dope dye.

SẢN XUẤT

- Sản xuất hiệu quả, giảm tiêu hao nguồn năng lượng điện, nước
- Giảm tỷ lệ phế phẩm bảo vệ môi trường
- Tối ưu hóa sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất
- Giảm phát thải khí nhà kính (CO₂).

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Phát triển sản phẩm sợi recycle plus (nhiều tính năng) thân thiện môi trường
- Phát triển sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng giảm sử dụng màu nhuộm/hóa chất và tiết kiệm tiêu thụ nước.
- Triển khai hệ thống năng lượng mặt trời-năng lượng tái tạo
- Sáng kiến tiết kiệm năng lượng, nước sử dụng.

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG

LỒNG GHÉP YẾU TỐ PTBV TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

1

Lập kế hoạch
sản xuất

- Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nước cho 1 đơn vị sản phẩm.
- Lập kế hoạch tái sử dụng vật liệu, nguyên liệu, phế phẩm.
- Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng.

- Bố trí máy móc sản xuất để tối ưu hiệu quả theo từng loại sản phẩm.
- Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, đổi máy, tiết kiệm chi phí.

- Đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn cho nhân viên kế hoạch sản tiêu.
- Trang bị an toàn-lao động cho công nhân, tác nghiệp viên.
- Sử dụng nguồn cung ứng nguyên vật liệu/lao động địa phương.

2

Nhập nguyên
vật liệu

- Đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đáp ứng tiêu chí trách nhiệm môi trường, xã hội.
- Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu.
- Sửa chữa và tái sử dụng công cụ, dụng cụ.

- Đàm phán giá hiệu quả.
- Sắp xếp hàng hoá, tối ưu hoá kho bãi và nhà kho, tiết kiệm chi phí.
- Đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức ít nhất.

- Bồi dưỡng kiến thức cho nhân viên thu mua, cung ứng.
- Sử dụng dịch vụ vận chuyển địa phương.

3

Sản xuất

- Tiết kiệm điện, nước sử dụng.
- Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.
- Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng.

- Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm.
- Máy móc được bảo trì định kỳ.
- Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm.
- Phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng.

- Bố trí nguồn nhân sự phù hợp.
- Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc, năng lương.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Xây dựng văn hóa ứng xử tốt.
- Đảm bảo công bằng- bình đẳng.

4

Bán hàng và tiêu
thụ sản phẩm

- Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm.
- Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe.
- Tái sử dụng pallet để giao hàng.

- Linh hoạt trong chi phí xuất hàng.
- Đàm phán giá cả với các đơn vị vận chuyển, tối ưu hoá chi phí vận chuyển.

- Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu.
- Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs.
- Tăng thu nhập cho lao động địa phương.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi.

Thành lập ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm.

2000

2003

Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược

Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

2005

2008

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/ năm và 37.000 tấn DTY & FDY/ năm.

2011

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất.

Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600 tấn sợi DTY/ năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/ năm.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.
IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

2014

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2016

Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2015

Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công

Nâng tổng công suất lên 63.300 tấn/năm.

2017

Kiên định thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.
Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.

2019

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vượt qua khó khăn

Hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu 2020.

Hoàn thành 109,9% mục tiêu lợi nhuận 2020.

Nâng tỷ lệ sợi recycle trên tổng doanh thu chiếm 44,7%.

Quản trị rủi ro, vượt qua nghịch cảnh

Kiên định với mục tiêu phát triển kinh tế. Hoàn thành 81% doanh thu và 80% lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch 2022.

Bắt đầu xây dựng nhà máy Unitex.

Vững vàng thích ứng, bứt phá tăng trưởng

Năm 2024, kết quả kinh doanh của STK chưa đạt được các mục tiêu đã đề ra tuy nhiên STK tiếp tục khẳng định bản lĩnh vững vàng trước những biến động của thị trường, linh hoạt thích ứng để cố gắng duy trì hoạt động ổn định. Bằng sự đổi mới và cam kết mạnh mẽ, STK hướng tới bứt phá tăng trưởng, tạo nền tảng vững chắc cho tương lai.

2020

2021

2022

2023

2024

Phục hồi đà phát triển bền vững

Duy trì mục tiêu phát triển kinh tế, hoàn thành 87% doanh thu và 112% lợi nhuận kế hoạch 2021.

Mở rộng công suất thông qua dự án Unitex, Liên minh sợi-dệt may.

Khó khăn song hành cơ hội.

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành dệt may, Sợi Thế Kỳ cũng gặp không ít khó khăn trong năm 2023. Tuy nhiên công ty vẫn duy trì sản xuất và kiện toàn bộ máy quản lý. Nhà máy Unitex dự kiến đi vào hoạt động quý 3/2024 góp phần làm tăng sản lượng giúp công ty đón đầu những cơ hội mới.

THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO

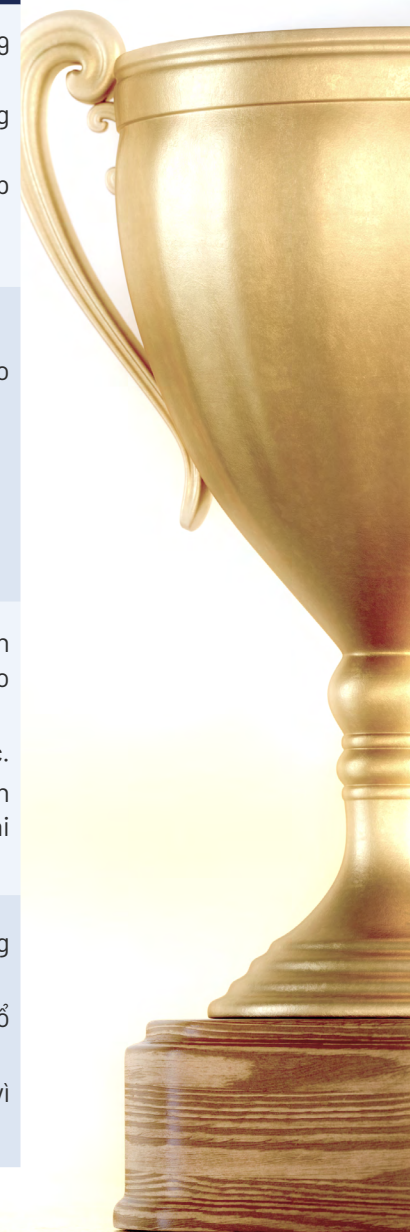
Những điều chỉnh bổ sung trong báo cáo PTBV năm 2024 so với báo cáo PTBV năm

- Cập nhật quản trị để phát triển bền vững.
- Nêu chi tiết phần quản trị công ty.
- Bổ sung phần xây dựng bộ quy tắc ứng xử.
- Sơ lược các chính sách và luật có thể tác động đến xu hướng ngành dệt may trong các năm tới.
- Cập nhật kinh tế tuần hoàn của EU và cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM).
- Cập nhật Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2024.
- Bổ sung đánh giá STK theo Ma trận Lộ trình Tiến triển Quản trị Khí hậu của IFC.
- Cập nhật dự án Smart factory, dự án kho tự động, kiểm soát POY lên giàn tự động.
- Bổ sung xây dựng chính sách năng lượng và mục tiêu năng lượng trong năm 2025.

GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH

CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

2024	- Đạt danh hiệu 100 doanh nghiệp PTBV của Việt Nam năm 2024- đạt top 10 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất, 9 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của Việt Nam giai đoạn 2016-2024. - Báo cáo thường niên đạt top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm phi tài chính và giải Nhì Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất 2024 trong khuôn khổ Cuộc Bình Chọn Doanh Nghiệp niêm yết năm 2024. - STK được Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) vinh danh là một trong 42 doanh nghiệp trong danh sách VNCG50 (Bộ thẻ điểm quản trị ASEAN). - Giải khuyến khích hiệu quả năng lượng trong công nghiệp năm 2024 do Bộ Công Thương và VECEA đồng tổ chức.
2023	- Đạt top 19/100 DN bền vững trong khuôn khổ chương trình CSI100 (8 năm liên tiếp VCCI tổ chức và trao giải). - Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023 theo bình chọn của Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty lần thứ 6 (AF6) do Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức. - Báo cáo thường niên đạt top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm phi tài chính. - Đạt giải khuyến khích báo cáo PTBV. - Top 10 nhóm mid cap Giải quản trị công ty tốt nhất 2023. - Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023.
2022	- Giải nhất Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. Trong 6 năm liên tiếp, Báo cáo phát triển bền vững của Công ty luôn nằm trong Top báo cáo phát triển bền vững có chất lượng cao nhất của thị trường. - Top 5 Báo cáo quản trị tốt nhất 2022 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. - Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2022 (CSI 100)- Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD) trao tặng, xếp hạng 13, đây là lần thứ 7 trong 7 năm hành trình liên tục STK được vinh dự nhận giải thưởng này, góp phần khẳng định chiến lược xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững theo mục tiêu lâu dài của STK.
2021	- Giải nhì Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 5 năm liên tiếp. - Top 4 Báo cáo thường niên tốt nhất 2021 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. - Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2021 (CSI 100), 6 năm liên tiếp. Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD) trao tặng.





CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

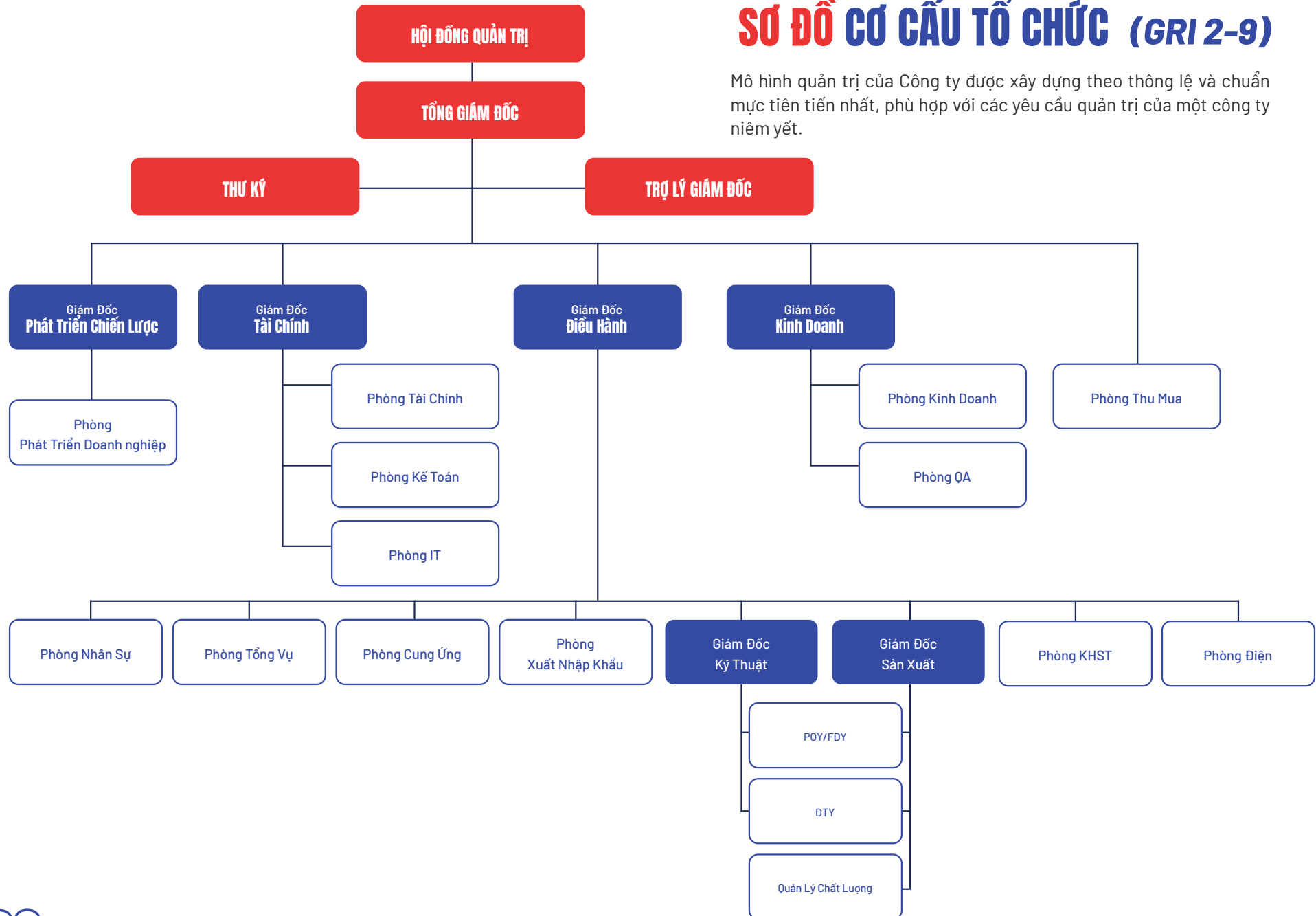
2020	• Top 15 thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2020 (CSI 100), 5 năm liên tiếp. • Top 3 Báo cáo phát triển bền vững - Báo cáo đáng tin cậy nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 4 năm liên tiếp. • Top 5 Báo cáo thường niên - Báo cáo quản trị tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức.
2019	• Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp. • Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức. • Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất.
2018	• Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp. • Top 10 Báo Cáo PTBV. • Top 90 Báo Cáo TN.
2017	• Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. • Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet. • Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100). • IR Award 2017 - Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin. • Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).

¹VBCSD do VCCI Việt nam thành lập.

²VBCSD was established by VCCI Vietnam.

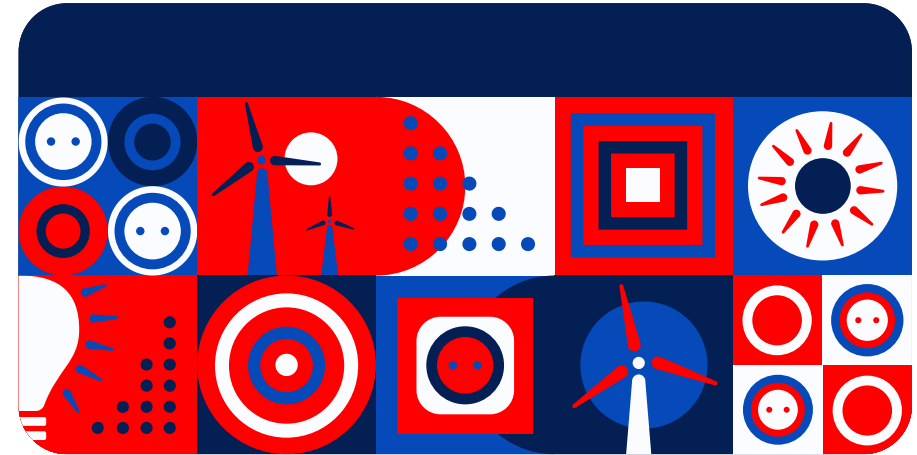
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC (GRI 2-9)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

STK luôn đặt quản trị doanh nghiệp làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, đảm bảo minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong mọi hoạt động. Công ty không ngừng cải thiện hệ thống quản trị theo các thông lệ tốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và đối tác. Đồng thời, STK cam kết gắn kết chặt chẽ yếu tố quản trị với các mục tiêu về môi trường và xã hội, hướng tới tăng trưởng bền vững dài hạn.



17 năm STK là thành viên của **hiệp hội bông sợi.**



9 được vinh danh trong top **CSI100.**



9 thực hiện tiêu chuẩn **GRI.**



8 năm liên tiếp Công ty luôn nằm trong Top báo cáo phát triển bền vững có chất lượng cao nhất của thị trường.

STK ĐƯỢC GHI NHẬN VÀ ĐƯA VÀO DANH SÁCH VNCG50

Tại Diễn đàn AF7 diễn ra vào ngày 5/12/2024, VIOD đã giới thiệu sáng kiến VNCG50. Đây là bộ thẻ điểm được phát triển dựa trên các tiêu chí đánh giá của ACGS theo những thông lệ tốt, đồng thời phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam. Hội đồng đánh giá VNCG50 do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) chủ trì, với sự tham gia của các chuyên gia đến từ HoSE, HNX, đại diện quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và chuyên gia độc lập.

Bộ chỉ số này vinh danh 50 doanh nghiệp Việt Nam tiên phong, cam kết áp dụng các thực hành quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế. STK tự hào được VIOD ghi nhận và đưa vào danh sách VNCG50.

Thẻ điểm VNCG50 hướng đến việc hỗ trợ doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam nâng cao thực hành quản trị công ty, phù hợp với chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, đồng thời thu hẹp khoảng cách với khu vực Đông Nam Á. Quản trị công ty hiệu quả không chỉ nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình mà còn là yếu tố cốt lõi giúp doanh nghiệp gia tăng năng lực cạnh tranh. Gắn liền với ESG, Quản trị công ty (G) đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của thị trường, đối tác và phản ánh cam kết của doanh nghiệp đối với môi trường (E) và xã hội (S). Bên cạnh đó, việc nâng cao mật độ quản trị của từng doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp thêm cơ hội hút vốn từ thị trường. Trong bối cảnh chuyển đổi xanh và phát triển bền vững đang trở thành xu thế, đầu tư vào quản trị công ty có ý nghĩa vô cùng quan trọng với không chỉ doanh nghiệp mà còn cả người tiêu dùng và nhà đầu tư.



³AF7: 7th Annual Forum (AF7)- Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 7

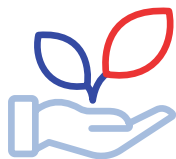
⁴VIOD: The Vietnam Institute of Directors (VIOD)- Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam.

⁵ACGS: The ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS)- Dự án Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN



CƠ CHẾ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PTBV

Xây dựng chiến lược sản phẩm bền vững



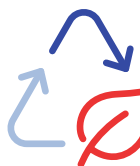
MÔI TRƯỜNG

- Sử dụng công nghệ hiện đại giảm tỷ lệ hàng phế phẩm và không lãng phí nguyên liệu đầu vào.
- Sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời).
- Áp dụng hệ thống tự động trong quá trình sản xuất, ít sai sót và giảm tỷ lệ phế phẩm.



KINH TẾ

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.
- Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Phát triển thị trường xuất khẩu.



TÁI CHẾ

- Đầu tư dây chuyền tái chế phế phẩm.
- Máy móc tiết kiệm điện, tăng tỷ lệ tái chế sợi phế.
- Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu ống giấy, bao bì, pallet và nước sinh hoạt trong sản xuất.



XÃ HỘI

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan và người lao động.
- Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo.
- Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh, lao động.

⁶Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO₂e/tấn chip và 2,36 tấn CO₂e/tấn chip.



SẢN PHẨM THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐÓN NHẬN NHƯ SỢI RECYCLE VÀ SỢI MÀU DOPE DYE



Nhằm cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan cũng như các cân PTBV, tại Sợi Thế Kỷ, trọng tâm chiến lược phát triển bền vững là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (sử dụng hạt nhựa tái chế trong quá trình sản xuất giúp giảm khoảng 79%⁶ carbon footprint so với sử dụng hạt nhựa nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế. Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). Đạt chứng nhận OEKO – TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện nước, tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Đầu năm 2024, Công ty đã triển khai Smart Factory cho nhà máy Trảng Bàng 3. Khi áp dụng dự án này, nhà máy kiểm soát theo thời gian thực dòng chảy hàng hóa, từ tính năng giám sát xe hàng đến kiểm soát được tình trạng lỗi phát sinh khi chạy sản phẩm. Trí thông minh nhân tạo (AI) sẽ phân tích học dạng lỗi, qua việc học này AI sẽ biết dạng lỗi là gì mà không cần con người thực hiện, từ đó đưa ra dự báo xu hướng lỗi sắp tới giúp nhà máy can thiệp kịp thời sẽ giảm số lượng hàng lỗi xuống gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng. Trong năm 2025, Phòng Công nghệ Thông tin dự kiến sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý sản xuất bằng cách kiểm soát chặt chẽ quá trình đưa POY lên giàn. Cụ thể, dữ liệu POC tại POY sẽ được tận dụng để đồng bộ và giám sát quy trình nạp sợi vào máy DTY, đảm bảo đúng mã hàng, đúng chủng loại và kiểm soát thời gian lên sợi một cách chính xác. Cải tiến này không chỉ tăng tính tự động hóa, mà còn giảm thiểu sai sót, nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm.

Dự án kho tự động: STK đã triển khai hệ thống kho tự động tại công ty con Unitex để nâng cao hiệu quả lưu trữ và quản lý hàng hóa. Kho tự động là hệ thống lưu trữ và quản lý hàng hóa sử dụng công nghệ tự động hóa để giảm thiểu sự can thiệp của con người. Hệ thống này bao gồm các robot, kệ hàng và phần mềm quản lý để tối ưu hóa việc xuất nhập kho. Kho tự động giúp tăng tốc độ xử lý, giảm sai sót, giảm nhân công và tiết kiệm không gian lưu trữ. Nhờ ứng dụng công nghệ này, STK có thể giám sát hàng tồn kho theo thời gian thực và cải thiện hiệu suất vận hành. Đây là giải pháp hiện đại giúp nâng cao hiệu quả logistics và giảm chi phí nhân công. UNITEX đã triển khai hệ thống tự động hóa tại POY, tối ưu hóa quy trình sản xuất qua các công đoạn sau (1) Xuống giàn tự động, giúp vận chuyển sợi từ khu vực sản xuất đến khu kiểm hàng một cách nhanh chóng và chính xác. (2) Bốc cối sợi lên xe trên đường ray tự động, được thực hiện bằng xe vận chuyển chuyên dụng và cánh tay robot, giảm thiểu sự can thiệp thủ công. (3) Quy trình kiểm hàng hiện đại, bao gồm kiểm tra ngoại quan để phát hiện lỗi, cân trọng lượng đảm bảo đúng tiêu chuẩn, kiểm tra bằng đèn UV, giúp phát hiện và loại bỏ cối sợi có hiện tượng dạ quang. Hệ thống này giúp tối ưu nhân công, nâng cao hiệu suất sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường.

Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.



Phân công triển khai và thực hiện theo từng đơn vị

PHÒNG NHÂN SỰ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

- Xây dựng định biên nhân sự, đáp ứng nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
- Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
- Thực hiện đào tạo, đề bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
- Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
- Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
- Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

PHÒNG TỔNG VỤ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

- Đề xuất và ban hành các chính sách an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
- Giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường khác tại Công ty;
- Huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường định kỳ cho CBCNV;
- Định kỳ đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
- Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn – vệ sinh – môi trường tại nơi làm việc.
- Báo cáo trực tiếp với TGD về các vấn đề an toàn – vệ sinh – môi trường;

PHÒNG KINH DOANH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- Tham mưu TGD lập kế hoạch kinh doanh;
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
- Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh chiến lược marketing;
- Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGD để có chính sách bán hàng hợp lý;
- Báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty;

PHÒNG TÀI CHÍNH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ.

- Tham mưu TGD và phòng kinh doanh về giá bán và price gap;
- Quản lý và kiểm soát ngân sách toàn Công ty;
- Báo cáo Ban TGD về các chi phí phát sinh và vượt định mức sử dụng;
- Thúc đẩy phòng kinh doanh bám sát mục tiêu lợi nhuận Công ty đã đặt ra;
- Kiểm soát tình hình tồn kho và cung cấp thông tin cho ban TGD;

PHÒNG KẾ HOẠCH SẢN TIÊU – PHỤ TRÁCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

- Đáp ứng nhu cầu lịch giao hàng của Công ty;
- Sắp xếp máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực để tiến hành sản xuất các đơn hàng;
- Lên kế hoạch sản xuất và kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc nhận đơn hàng và đáp ứng lịch giao hàng;

PHÒNG THU MUA – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- Tìm kiếm nhà cung ứng nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc và dịch vụ chất lượng;
- Đảm bảo giá cả hợp lý, tiết giảm chi phí Công ty;
- Đảm bảo lịch giao hàng của nhà cung ứng đúng thời hạn để phục vụ nhu cầu sản xuất Công ty;
- Phát triển mạng lưới nhà cung ứng để giảm thiểu rủi ro hụt nguồn cung;

BỘ PHẬN SẢN XUẤT – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Vận hành và quản lý chất lượng sản phẩm được sản xuất;
- Đảm bảo không gây lãng phí tài nguyên Công ty trong quá trình sản xuất;
- Giảm thiểu tối đa tỷ lệ phế phẩm;
- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp mới để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm;

BỘ PHẬN ĐIỆN/UTILITY – PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

- Vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị hoạt động đúng chuẩn.
- Kiểm soát và thay đổi giải pháp để sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Nghiên cứu, áp dụng nhiều sáng kiến đổi mới giúp tiết kiệm và sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.

PHÒNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

- Tư vấn HĐQT trong việc xây dựng chiến lược PTBV.
- Quản trị doanh nghiệp, điều phối các hoạt động PTBV.

THÀNH TỰU PTBV ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024 (GRI 2-18)

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ:

1. Dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động – xã hội, báo cáo tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng.
2. HĐQT nhận xét và đưa ra đánh giá các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua,
3. HĐQT cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo (xem thêm mục III.6.5).

TẦN SUẤT ĐÁNH GIÁ:

Giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý, đưa ra đánh giá hàng năm

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

- Năm 2024, dù hoạt động kinh doanh chưa đạt kỳ vọng do nhu cầu thị trường suy yếu và áp lực cạnh tranh về giá, dẫn đến đơn hàng sụt giảm, sản lượng sản xuất giảm và doanh thu thấp, công ty vẫn chú trọng đến đời sống nhân viên. Để khích lệ tinh thần làm việc, công ty đã thực hiện chính sách tăng lương cho CBCNV trong năm 2024 với mức tăng bình quân 9,9% so với năm 2023;
- Tặng quà tết, xây dựng các quỹ và đóng góp trực tiếp nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án mở rộng sản xuất (nhà máy Unitex).
- Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

- Doanh thu thuần năm 2024 đạt 1.210 tỷ hoàn thành 45% so với kế hoạch năm 2024.
- Tỷ trọng doanh thu từ sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2024 đạt 44,5%, giảm 5% so với mức 49,5% của năm 2023 do nhu cầu hàng cao cấp sụt giảm và áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác. Tuy nhiên, công ty đang đẩy mạnh chiến lược gia tăng tỷ trọng này hàng năm, hướng tới mục tiêu đạt 60%-70% vào giai đoạn 2026-2027;
- Lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 12,4 tỷ VND và hoàn thành 4,1% mục tiêu năm 2024;
- Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu có sự tăng nhẹ từ mức 0,63x năm 2023 lên mức 0,97x năm 2024 ghi nhận ngày 31/12/2024 do nợ vay tài trợ dự án Unitex;
- Phát triển thành công các loại sợi có giá trị gia tăng cao (sợi Dope dye, Soft package, Full dull, High CR, CD Mix, Quick Dry) cho thị trường nội địa và xuất khẩu như Nhật Bản, Thái Lan;

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: Sản xuất sợi tái chế không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn là động lực tăng trưởng quan trọng của STK, nhờ vào nhu cầu ngày càng cao đối với các sản phẩm sợi thân thiện với môi trường. Được làm từ chip polyester tái chế từ chai nhựa, sợi tái chế là xu hướng tất yếu trong ngành dệt may bền vững. STK đặt mục tiêu nâng tỷ trọng sợi tái chế lên 60%-70% trong tổng doanh thu từ các nhà máy hiện hữu đến năm 2026-2027, khẳng định cam kết phát triển xanh và bền vững;
- Dự án năng lượng mặt trời và các sáng kiến tiết kiệm điện giúp STK cắt giảm lượng carbon footprint qua các năm 2022, 2023, 2024 lần lượt là 4.913, 4.927 và 5.407 tấn CO2. Lũy kế từ năm 2022-2023 là 15.247 tấn CO2 tương đương mức cắt giảm 7,5% trong giai đoạn này; Công ty đã kí hợp đồng với đối tác để mua thêm năng lượng tái tạo với tổng công suất 75 Mwp trong các năm sắp tới;
- Tái chế sợi phế phẩm thành hạt PET chip đầu vào, giúp giảm phát thải ra môi trường tỷ lệ tái chế hơn 74,5% lượng sợi phế được sản xuất trong kỳ;
- Phát triển và thương mại sợi màu dope dye, giúp giảm lượng nước sạch, hóa chất tiêu thụ và bảo vệ môi trường;
- Trong năm 2024, số lượng ống giấy POY sử dụng là 792.815 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3 lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là 1.585.631 ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là 3.171.262 ống).
- Chỉ số carbon footprint từ điện năng năm 2024 giảm 22% so với năm 2023, chủ yếu do mức tiêu thụ điện giảm. Nguyên nhân chính là việc Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất tại nhà máy Củ Chi từ Q2.2024 đến hết Q3.2024, dẫn đến lượng điện sử dụng thấp hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, công suất thực tế của nhà máy TB và nhà máy CC không đạt mức tối đa, khiến nhiều máy móc không vận hành hết công suất, góp phần làm giảm tổng điện năng tiêu thụ trong năm.
- Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2024, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 5,01 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (GRI 2-9,2-10,2-11,2-17)

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ CÁC CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 2-13,2-14)

- HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.
- Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban Điều Hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban Điều Hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.
- HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.



BÀ ĐẶNG MỸ LINH (53 TUỔI)

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Chủ tịch HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020



ÔNG ĐẶNG TRIỆU HÒA (56 TUỔI)

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung. Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020



Ông ĐẶNG HƯỚNG CƯỜNG (50 TUỔI)

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2005



Bà CAO THỊ QUẾ ANH (59 TUỔI)

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 12/01/2015



Ông VÕ QUANG LONG (47 TUỔI)

Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư văn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



Ông CHEN CHE JEN (63 TUỔI)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



Ông NGUYỄN QUỐC HƯƠNG (54 TUỔI)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

Trình độ chuyên môn: Tài chính

Vị trí: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018

BAN ĐIỀU HÀNH (GRI 2-9, 2-10, 2-11, 2-17)



ÔNG ĐẶNG TRIỆU HOÀ

Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1969, Nam

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

- 06/2000 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- 1995 - 2000 Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- 1991 - 1995 Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

BÀ NGUYỄN PHƯƠNG CHI

Giám đốc Chiến Lược

Năm sinh: 1972, Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

- Giám đốc Chiến lược, STK 01/2015 - nay
- Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín. 03/2008 - 12/2014
- Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd. 04/2005 - 02/2008
- Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF"). 10/2004 - 02/2005
- Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd. 10/2002 - 10/2004
- Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội. 03/1997 - 03/2000



ÔNG PHAN NHƯ BÍCH

Giám đốc Tài Chính kiêm Kế Toán trưởng

Năm sinh: 1970, Nam

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

- 10/2016 Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
- 11/2010 Kế toán trưởng, STK.
- 03/2004 - 03/2010 Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- 1997 - 03/2004 Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

BAN KIỂM SOÁT (GRI 2-9, 2-10, 2-11, 2-17)



ÔNG NGUYỄN TỰ LỰC

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1952, Nam

Trình độ học vấn: Cử nhân kế toán

Quá trình làm việc:

- 01/2015 - nay Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ
- 2007 - nay Trưởng Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - nay Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
- 2000 - 2006 Kế toán trưởng, STK
- 1984 - 2000 Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
- 1979 - 1984 Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn

BÀ HÀ KIẾT TRẦN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1986, Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

- Trưởng Bộ phận Đầu Tư - Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt 2018 - nay
- Trưởng Bộ phận IB Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư - Ngân hàng TMCP Phương Đông 2015 - 2017
- Chuyên viên Phòng Đầu Tư - Công ty CP Chứng Khoán Đông Á. 2013 - 2015



BÀ ĐINH NGỌC HOA

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979, Nữ

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành kinh doanh tiền tệ.

Quá trình làm việc:

- 2005 - 2024 Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
- 2002 - 2004 Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty (G) đóng vai trò then chốt trong chiến lược ESG, là nền tảng để STK đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị hiện đại. Nhận thức rõ tầm quan trọng này, STK không ngừng cập nhật, cải tiến và áp dụng các quy định mới nhất/những thông lệ tốt nhất nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị bền vững. Trong thời gian tới, Công ty định hướng triển khai các tiêu chí ESG trong quản trị theo các mục tiêu sau:

- Tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh với mục tiêu cụ thể hàng năm, đảm bảo nội dung này được thảo luận và giám sát tại các cuộc họp HĐQT.
- Bổ nhiệm một thành viên HĐQT chuyên trách giám sát ESG.
- Đưa các yếu tố quản trị công ty và ESG vào chương trình họp định kỳ của HĐQT và Ban Điều hành.
- Xây dựng cấu trúc quản trị đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
- Thiết lập quy trình đo lường, quản lý rủi ro chặt chẽ ở các cấp độ quản lý khác nhau.

Những nỗ lực này nhằm hướng đến một hệ thống quản trị hiện đại, thúc đẩy sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị lâu dài cho Công ty.

(Xem thêm mục 4. **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY- BCTN 2024**)

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (GRI 2-18)



Vào năm 2016, Công ty đã ban hành Bộ Quy tắc Ứng xử nhằm thiết lập các chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc hành xử trong mọi hoạt động kinh doanh. Bộ quy tắc này không chỉ củng cố những giá trị cốt lõi mà còn định hướng cho toàn thể nhân viên và đối tác về cách ứng xử chuyên nghiệp, minh bạch và trách nhiệm. Việc áp dụng nghiêm túc các nguyên tắc này giúp nâng cao uy tín doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Bộ Quy tắc Ứng xử được xây dựng như một chuẩn mực cốt lõi, áp dụng cho tất cả thành viên của Công ty, bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV STK. Mọi thành viên đều có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc này, đồng thời cam kết phổ biến và khuyến khích các đối tác, bao gồm nhà cung cấp, khách hàng và bên thứ ba, tôn trọng và thực hiện theo tinh thần của Bộ Quy tắc.

Các nguyên tắc ứng xử đối với cổ đông, khách hàng, người lao động, nhà cung ứng, đối thủ cạnh tranh, cơ quan nhà nước, truyền thông... được STK đề ra nhằm thiết lập các chuẩn mực đạo đức và hành vi chuyên nghiệp trong mọi hoạt động kinh doanh. Những nguyên tắc này giúp đảm bảo tính minh bạch, công bằng và trách nhiệm trong mối quan hệ với các bên liên quan, đồng thời củng cố niềm tin và uy tín của công ty trên thị trường.

Bộ quy tắc này phản ánh cam kết của STK trong việc duy trì đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật và thúc đẩy môi trường làm việc công bằng, tôn trọng và hợp tác. Tinh thần cốt lõi của bộ quy tắc là trách nhiệm, minh bạch và bền vững, hướng đến sự phát triển dài hạn và hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và các bên liên quan. Việc áp dụng Bộ Quy tắc Ứng xử giúp STK nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các thông lệ tốt, đặc biệt trong việc tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản lý rủi ro. Điều này không chỉ giúp công ty tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến mà còn góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, thu hút sự tin tưởng của nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

(Xem thêm mục 10. **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN- BCTN 2024**)

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024

ESG

- 39 BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI
- 51 BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY THẾ GIỚI
- 66 BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM
- 78 CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY
- 78 NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
- 78 TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024
- 78 SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP BÁO CÁO PTBV

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI

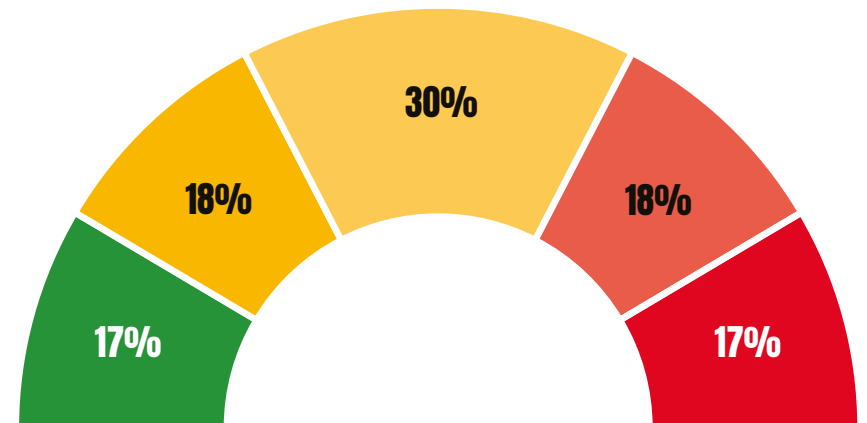
Hội nghị thượng đỉnh Tương lai diễn ra từ ngày 22-23/09/ 2024 tại TP New York (Mỹ) với chủ đề “Giải pháp đa phương vì một tương lai tốt đẹp hơn”. Sự kiện này nối tiếp Hội nghị Thượng đỉnh về Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) năm 2023, đánh dấu cột mốc giữa chặng đường hướng đến thời hạn năm 2030 để hoàn thành 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững. Hội nghị thượng đỉnh Tương lai là một sự kiện cấp cao, quy tụ các nhà lãnh đạo thế giới tạo sự đồng thuận quốc tế mới nhằm xây dựng cuộc sống hiện tại tốt đẹp hơn và bảo vệ tương lai.



Theo Liên Hợp Quốc, Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai giữ vai trò quan trọng trong bối cảnh thế giới đang lệch hướng so với các mục tiêu đã đề ra. Đồng thời, sự chuẩn bị để đối mặt với thách thức và tận dụng cơ hội mới vẫn chưa thực sự đạt yêu cầu. Tốc độ và mức độ phức tạp của những vấn đề toàn cầu đang vượt quá khả năng hợp tác và ứng phó hiện có. Bên cạnh đó, tình trạng nghèo đói cùng cực vẫn tiếp diễn, lượng khí thải toàn cầu và làn sóng di cư đạt mức cao chưa từng có. Những thách thức lớn như biến đổi khí hậu, xung đột, an ninh lương thực, vũ khí hủy diệt hàng loạt, đại dịch và khủng hoảng y tế, cùng các rủi ro từ công nghệ mới, đang ngày càng gia tăng.

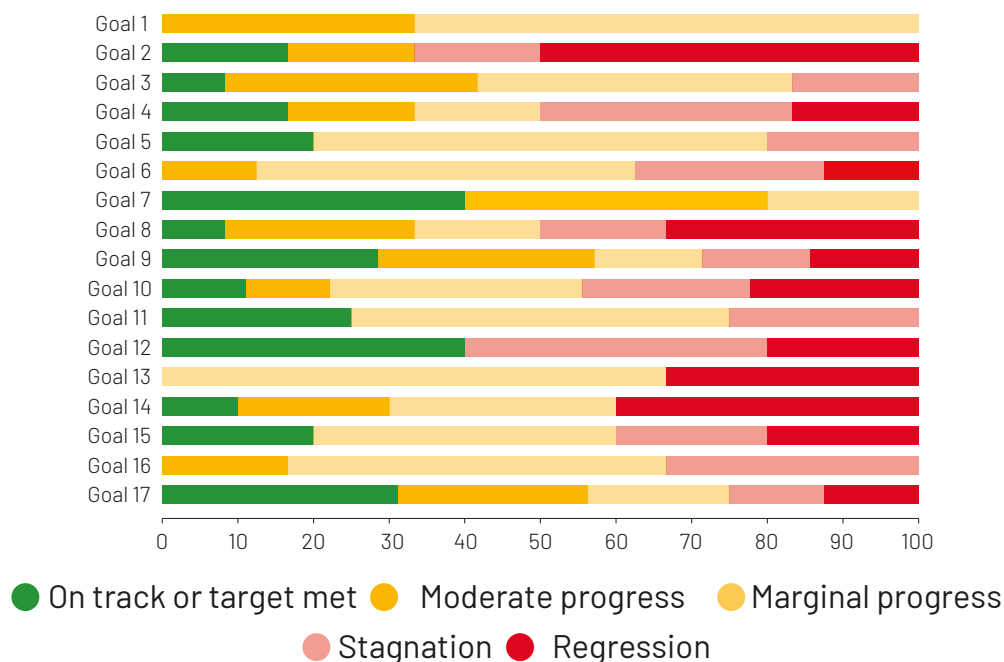
Đánh giá tiến độ thực hiện năm 2024 cho thấy thế giới đang đi lệch hướng nghiêm trọng trong việc đạt được Chương trình Nghị sự 2030. Trong số 169 mục tiêu, 135 mục tiêu có thể được đánh giá dựa trên dữ liệu xu hướng toàn cầu từ năm 2015 đến nay, cùng với phân tích của các cơ quan giám sát, trong khi 34 mục tiêu vẫn thiếu dữ liệu hoặc thiếu sự phân tích đầy đủ. Trong các mục tiêu có thể đánh giá, chỉ 17% đang tiến triển đủ nhanh để có thể đạt được vào năm 2030. Gần một nửa (48%) đang có mức độ lệch hướng từ trung bình đến nghiêm trọng, với 30% tiến bộ rất ít và 18% có tiến độ trung bình. Đáng lo ngại, 18% mục tiêu không có tiến triển và 17% thậm chí còn tụt lùi so với năm cơ sở 2015.

Tiến độ tổng thể trên các mục tiêu dựa trên dữ liệu tổng hợp toàn cầu giai đoạn 2015-2024.



● On track or target met ● Moderate progress ● Marginal progress
● Stagnation ● Regression

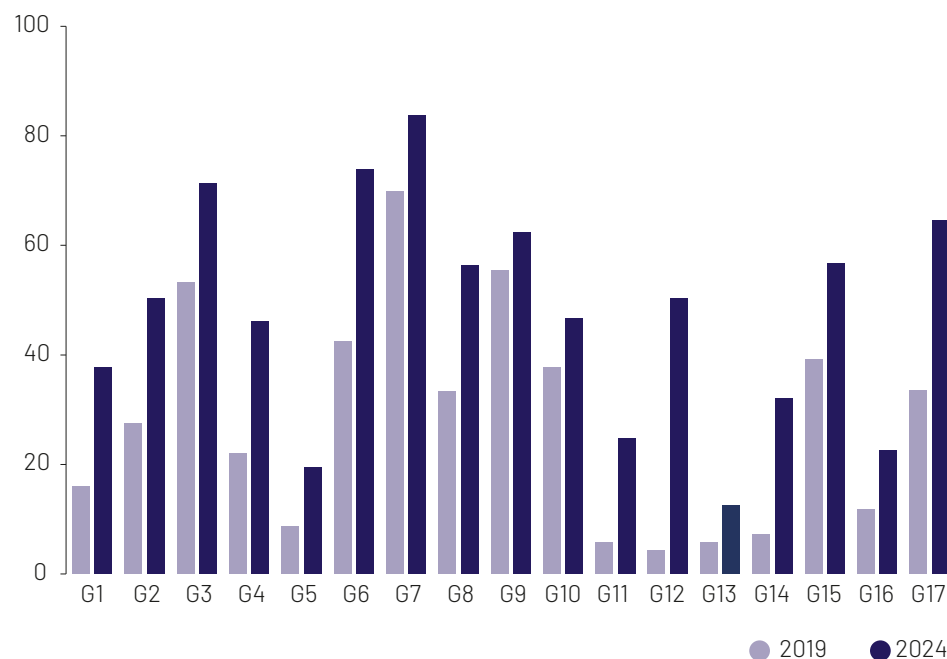
Đánh giá tiến độ của 17 Mục tiêu dựa trên các chỉ tiêu đã được đánh giá, theo từng Mục tiêu (tỷ lệ phần trăm).



Nguồn: The Sustainable Development Goals Report 2024–United Nations

Đánh giá toàn diện này nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách phải đẩy mạnh nỗ lực để đưa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) trở lại đúng quỹ đạo.

Tỷ lệ các quốc gia hoặc khu vực có dữ liệu xu hướng, so sánh cơ sở dữ liệu năm 2019 và 2024, theo Mục tiêu (tỷ lệ phần trăm).



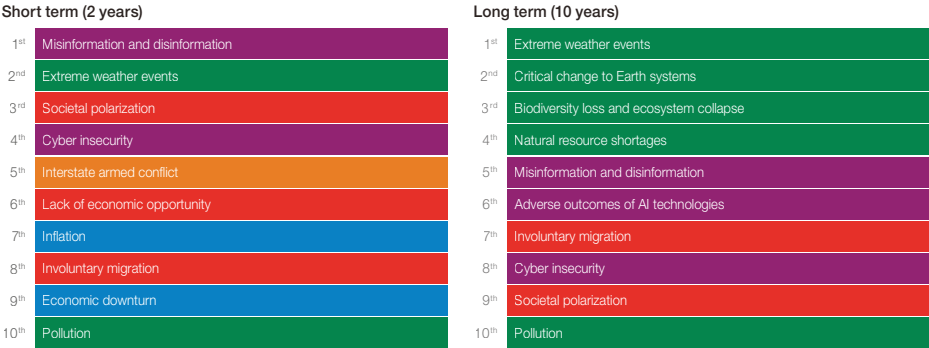
Đánh giá tiến độ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) gặp khó khăn do thách thức trong việc có sẵn và kịp thời dữ liệu giám sát 17 Mục tiêu. Tuy nhiên, công tác cải thiện dữ liệu so sánh quốc tế đã có những bước tiến quan trọng. Vào năm 2016, khi khuôn khổ chỉ số toàn cầu được thông qua, chỉ khoảng một phần ba số chỉ số có dữ liệu đầy đủ cho hơn 50% quốc gia, và 39% thiếu các phương pháp chuẩn quốc tế. Đến nay, 68% các chỉ số đã có dữ liệu đầy đủ, với tất cả 231 chỉ số có phương pháp luận rõ ràng và thống nhất quốc tế từ 2020. Tuy nhiên, mức độ bao phủ dữ liệu vẫn còn chênh lệch giữa các Mục tiêu, với sự thiếu hụt lớn ở các lĩnh vực ưu tiên như bình đẳng giới (Mục tiêu 5), hành động khí hậu (Mục tiêu 13) và hòa bình, công lý (Mục tiêu 16). Hơn nữa, tính kịp thời của dữ liệu vẫn là vấn đề lớn. Khoảng một phần ba các chỉ số thiếu dữ liệu trong ba năm qua, gây khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách trong việc đưa ra quyết định chính xác và điều chỉnh kịp thời.

Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), năm 2024, biến đổi khí hậu tiếp tục gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến hàng triệu người trên thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển. Đây được xem là rủi ro toàn cầu

lớn nhất trong thập kỷ tới, gắn liền với những thách thức lớn khác về địa chính trị, xã hội và kinh tế như xung đột, dịch bệnh và khủng hoảng chi phí sinh hoạt. Dù vậy, con người vẫn có cơ hội thay đổi diễn biến của cuộc khủng hoảng khí hậu. Liên Hợp Quốc đã tuyên bố giai đoạn 2024-2033 là Thập niên Khoa học Quốc tế vì Phát triển Bền vững nhằm thúc đẩy các giải pháp ứng phó hiệu quả.

Khảo sát Nhận thức về Rủi ro Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2023-2024 đã thu thập ý kiến từ các chuyên gia và lãnh đạo trên toàn cầu về các rủi ro trong tương lai. Các rủi ro được cho là cấp bách nhất bao gồm thời tiết cực đoan, xung đột địa chính trị và khủng hoảng môi trường. Dữ liệu từ khảo sát này nhấn mạnh tầm quan trọng của hành động khẩn cấp để đối phó với các rủi ro toàn cầu ngày càng gia tăng.

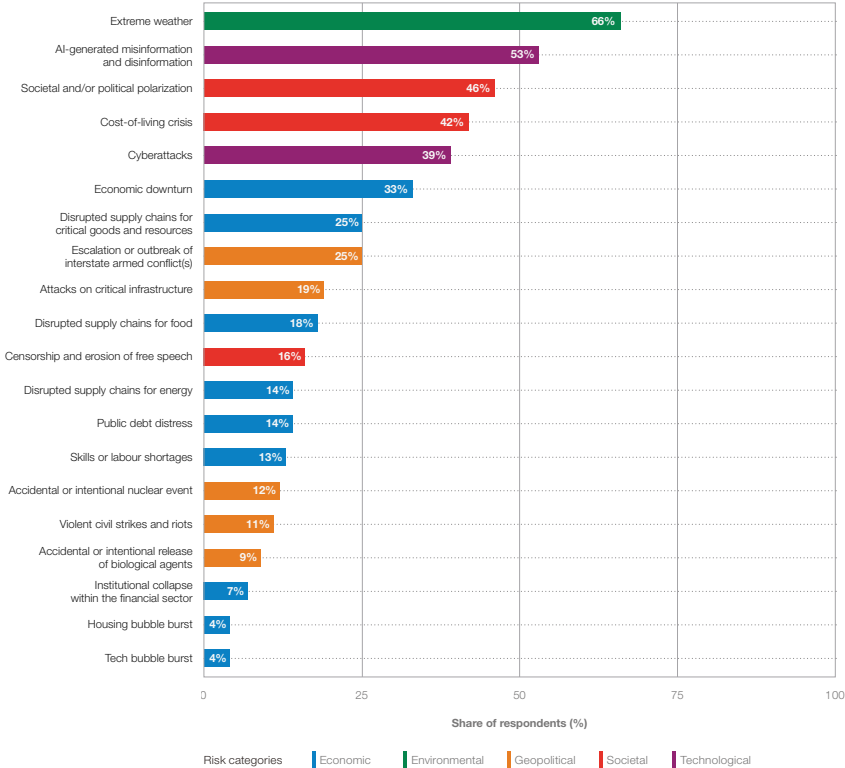
Các rủi ro toàn cầu được xếp hạng theo mức độ nghiêm trọng trong ngắn hạn và dài hạn



Nguồn: Khảo sát Nhận thức về Rủi ro Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2023-2024.

Khảo sát cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát (54%) dự báo mức độ bất ổn và rủi ro thảm họa toàn cầu ở mức trung bình, trong khi 27% lo ngại về sự bất ổn lớn hơn và 3% tin rằng thảm họa sẽ xảy ra trong ngắn hạn. Chỉ 16% người tham gia kỳ vọng vào một tương lai ổn định trong hai năm tới. Triển vọng trở nên tiêu cực hơn khi nhìn vào 10 năm tới, với 63% dự đoán tình hình sẽ có nhiều diễn biến phức tạp và tồi tệ hơn.

Các rủi ro hiện tại



Nguồn: Khảo sát Nhận thức về Rủi ro Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2023-2024.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người tham gia (66%) cho rằng “Thời tiết cực đoan” là rủi ro lớn nhất trong năm 2024. Hiện tượng El Nino được dự báo sẽ mạnh lên và kéo dài, có khả năng thiết lập các kỷ lục nhiệt độ mới, đồng thời gây ra các đợt sóng nhiệt cực đoan, hạn hán, cháy rừng và lũ lụt trong những năm tới. Những hiện tượng này gắn liền với mục tiêu số 13 của SDGs – “Hành động vì khí hậu”.

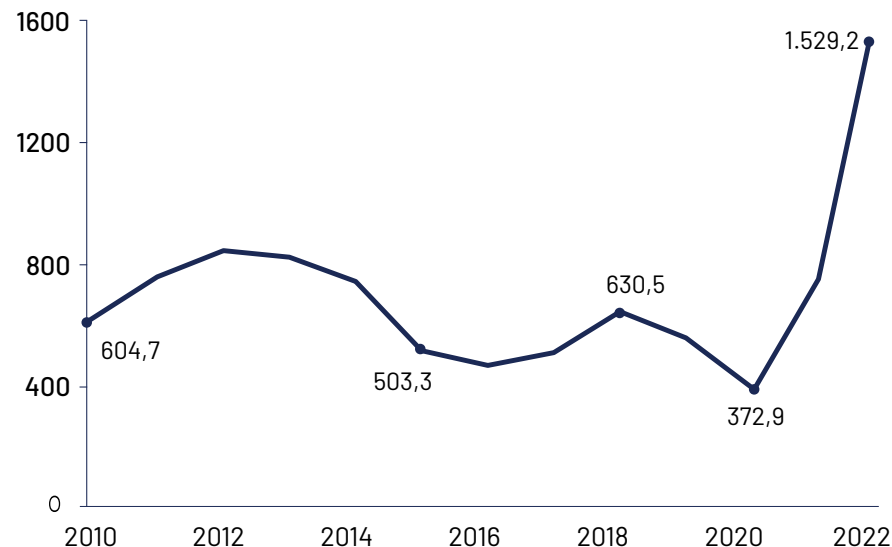
Với mục tiêu số 13-Mục tiêu về khí hậu, báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 nhấn mạnh các kỷ lục khí hậu đã bị phá vỡ khi cuộc khủng hoảng khí hậu gia tăng nhanh chóng. Nhiệt độ toàn cầu tiếp tục tăng mà không có dấu hiệu giảm, trong khi lượng khí thải nhà kính vẫn leo thang. Các cộng đồng trên khắp thế giới đang phải gánh chịu thời tiết cực đoan và những thảm họa ngày càng thường xuyên, khốc liệt hơn, gây tổn hại nghiêm trọng đến cuộc sống và sinh kế mỗi ngày. Trong khi đó, các khoản trợ cấp cho nhiên liệu hóa thạch đạt mức cao kỷ lục.

Thế giới đang đứng trước một bước ngoặt quan trọng, đòi hỏi tất cả các quốc gia phải nhanh chóng thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải carbon thấp nhằm giảm thiểu những thiệt hại kinh tế và xã hội ngày càng nghiêm trọng. Chu kỳ Đóng góp do quốc gia tự quyết định (Nationally Determined Contributions-NDC) vào năm 2025 sắp tới sẽ là cơ hội quan trọng để thiết lập các kế hoạch hành động khí hậu đầy tham vọng, tạo động lực cho sự phát triển bền vững.

Lộ trình giữ mức nóng lên toàn cầu dưới 1,5°C và ngăn chặn những hậu quả nghiêm trọng nhất của biến đổi khí hậu đã được xác định, nhưng không cho phép sự chậm trễ hay nỗ lực nửa vời. Để đạt được mục tiêu này, lượng khí thải nhà kính toàn cầu cần giảm đáng kể vào năm 2030 và hướng tới mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Theo báo cáo của LHQ, Ngành năng lượng, chiếm 86% lượng phát thải CO2 toàn cầu, vẫn là nguồn phát thải lớn nhất, chủ yếu do sự mở rộng của các nhà máy điện than và khí đốt. Xu hướng hiện tại của ngành năng lượng đang gây lo ngại, đặc biệt khi xét đến vai trò lớn của nó trong lượng phát thải CO2 toàn cầu. Việc phụ thuộc vào các nhà máy điện than và khí đốt cho thấy thách thức trong việc cân bằng giữa nhu cầu năng lượng và cam kết khí hậu. Thực tế rằng các chính phủ dự kiến sản xuất nhiều hơn 110% nhiên liệu hóa thạch so với mức cần thiết để giới hạn sự nóng lên toàn cầu ở 1,5°C phản ánh một khoảng cách đáng báo động giữa các mục tiêu khí hậu và việc thực thi chính sách thực tế. Để giữ mức nóng lên toàn cầu dưới 1,5°C, lượng khí thải nhà kính cần giảm 42% vào năm 2030, tương đương mức giảm trung bình 8,7% mỗi năm. Nếu giới hạn ở mức 2°C, mức cắt giảm cần thiết là 28% vào năm 2030, tức giảm 5,3% mỗi năm. Tuy nhiên, mức sụt giảm đáng kể nhất từng được ghi nhận chỉ đạt 4,7% trong giai đoạn đại dịch từ 2019 đến 2020.

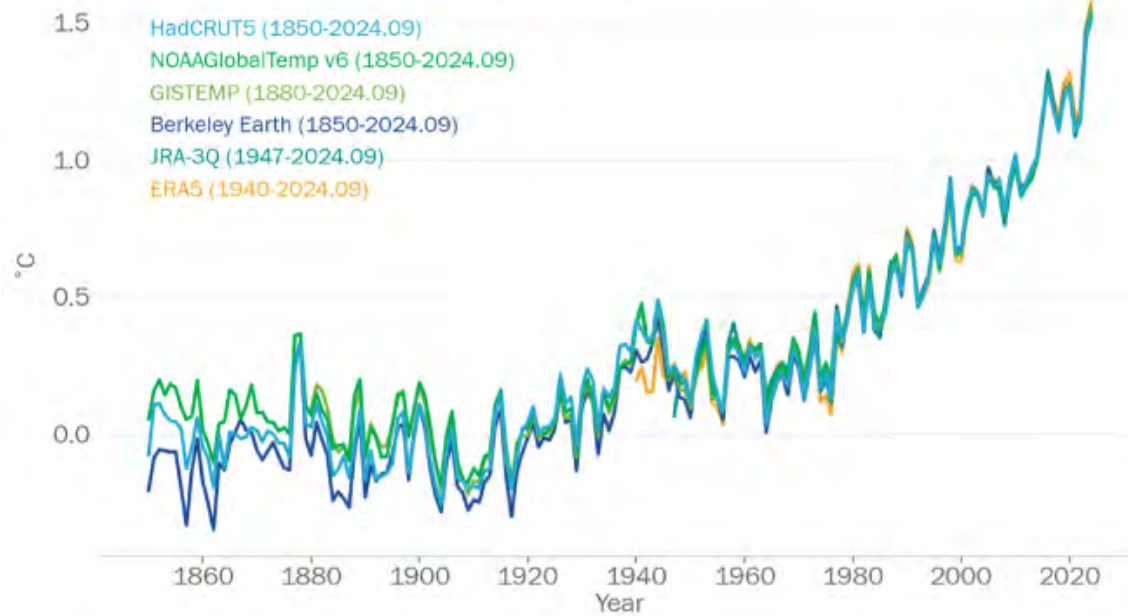
Ước tính toàn cầu về trợ cấp nhiên liệu hóa thạch, giai đoạn 2010-2022 (tỷ đô la).



Cũng theo báo cáo “State of the Climate 2024” của WMO (World Meteorological Organization-Tổ chức Khí tượng Thế giới) khí nhà kính đã đạt mức cao kỷ lục được ghi nhận vào năm 2023. Dữ liệu thời gian thực cho thấy chúng tiếp tục gia tăng trong năm 2024. WMO cũng đã xác nhận rằng năm 2024 là năm nóng nhất từng được ghi nhận. Theo phân tích tổng hợp của WMO, nhiệt độ bề mặt trung bình toàn cầu cao hơn mức trung bình giai đoạn 1850-1900 khoảng 1,55°C (với biên độ sai số $\pm 0,13^\circ\text{C}$). Điều này có nghĩa là thế giới vừa trải qua năm đầu tiên với nhiệt độ trung bình toàn cầu vượt quá 1,5°C so với mức trung bình của giai đoạn 1850-1900.

Global mean temperature 1850-2024

Difference from 1850-1900 average



Nguồn: WMO (World Meteorological Organization-Tổ chức Khí tượng Thế giới)

Bên cạnh đó báo cáo của WMO cũng nhấn mạnh “những kỷ lục mới” trong tình trạng khí hậu toàn cầu trong hai năm 2023 và 2024.



Khí nhà kính đã đạt mức cao kỷ lục được ghi nhận vào năm 2023. Dữ liệu thời gian thực cho thấy chúng tiếp tục gia tăng trong năm 2024.



Nhiệt độ không khí bề mặt trung bình toàn cầu từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2024 cao hơn mức trung bình thời kỳ tiền công nghiệp $1,54 \pm 0,13^{\circ}\text{C}$. Do hiện tượng El Nino, năm 2024 trở thành năm nóng nhất từng được ghi nhận.



Mức độ băng biển ở Nam Cực và Bắc Cực trong năm 2024 đều thấp hơn mức trung bình. Vào năm 2023, trên toàn cầu, các sông băng đã mất một lượng nước ước tính gấp khoảng 5 lần lượng nước trong Biển Chết.



Năm 2024 đã xảy ra nhiều đợt nắng nóng nghiêm trọng. Các khu vực bị ảnh hưởng đặc biệt bao gồm Đông Á, Đông Nam Á, Địa Trung Hải và Trung Đông, Hoa Kỳ, Đông Nam Á, miền bắc Ấn Độ, Trung Mỹ.



Nhiệt lượng đại dương và mực nước biển tiếp tục gia tăng. Vào năm 2023, đại dương đã hấp thụ khoảng 3,1 triệu TWh nhiệt, tương đương với khoảng 18 lần tổng mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu.



Các dòng sông toàn cầu trải qua năm 2024 khô hạn nhất trong hơn ba thập kỷ.

TÓM TẮT 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2024.

1 XÓA NGHÈO



Với tốc độ hiện tại, **575 triệu** người sẽ vẫn sống **cực kỳ nghèo khổ** đến **năm 2030**



Chỉ **1/3** quốc gia sẽ **giảm được một nửa** tình trạng nghèo đói của mình



Dù đã có cải thiện, **7** trong **10** trẻ em trên toàn thế giới vẫn chưa được hưởng bảo trợ xã hội.



Tình trạng nghèo đói trong lao động đã giảm nhưng vẫn ảnh hưởng đến **241 triệu người lao động**.

Năm 2023, chỉ **28,2%** trẻ em từ 0 đến 15 tuổi trên toàn cầu nhận được trợ cấp tiền mặt cho trẻ em, **tăng so với 22,1%** vào năm 2015. Điều này đồng nghĩa với việc **1,4 tỷ trẻ em** vẫn chưa được hưởng bảo trợ xã hội.

2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI



Năm 2023, khoảng **733 triệu** đối mặt với nạn đói và **2,33 tỷ** người rơi vào tình trạng **mất an ninh lương thực** từ mức trung bình đến nghiêm trọng.



Vẫn **148 triệu** trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi vào năm 2022. Nếu xu hướng hiện tại tiếp tục, **cứ 5 trẻ dưới 5 tuổi thì sẽ có 1 trẻ** bị ảnh hưởng bởi tình trạng này vào năm 2030.



Vào năm 2022, **gần 60%** các quốc gia trên thế giới đã phải đối mặt với tình trạng giá lương thực ở mức Từ năm 2015 đến 2022, lượng **viện trợ cho nông nghiệp** dành cho các quốc gia đang phát triển tăng **47,2%**, bởi tình trạng này vào năm 2030.

3 SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT



Tỷ lệ tử vong ở trẻ em vẫn duy trì ở mức cao, **gấp hơn ba lần** so với mục tiêu đề ra cho năm 2030.



Số ca tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi đã chạm mức thấp kỷ lục vào năm 2022. Nếu không có những biện pháp giảm mạnh hơn, ước tính sẽ có **35 triệu trẻ em** không thể sống đến sinh nhật thứ năm **vào năm 2030**.



Trước đại dịch Covid 19, tuổi thọ trung bình toàn cầu tăng đều đặn từ **66,8 năm (2000) lên 73,1 năm (2019)**. Tuy nhiên, COVID-19 đã đảo ngược xu hướng tích cực này, khiến tuổi thọ trung bình toàn cầu giảm xuống còn **71,4 năm vào năm 2021**, quay về mức của năm 2012.

4 GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG



Tỷ lệ hoàn thành bậc tiểu học tăng từ **85% (2015) lên 88% (2023)**. Tuy nhiên, **chỉ có hai trong ba trẻ em** ở khu vực châu Phi cận hoàn thành bậc tiểu học đúng thời hạn.



1,4 triệu trẻ em phải vào giáo dục mầm non mỗi năm để đạt được các mục tiêu giáo dục quốc gia vào năm 2030.



90% các quốc gia báo cáo đã lồng ghép các chủ đề về phát triển bền vững vào hệ thống giáo dục quốc gia, nhưng bằng chứng cho thấy **mức độ thực hiện còn rời rạc và chưa đồng đều**.

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI



Thế giới vẫn đang **tụt hậu** trong việc theo đuổi mục tiêu bình đẳng giới vào năm **2030**. Các tập quán có hại đang giảm dần, nhưng tốc độ giảm không theo kịp mức tăng dân số.



Vẫn còn **2030** bé gái kết hôn **trước 18 tuổi**. Ước tính có khoảng **640 triệu** bé gái và phụ nữ trên toàn cầu đã kết hôn khi còn nhỏ.



Với **tốc độ hiện tại** cần thêm **176** năm nữa để đạt được sự cân bằng trong các vị trí quản lý giữa nam và nữ.



Từ năm 2019 đến 2023, đã có **56** cải cách pháp lý tích cực nhằm xóa bỏ các luật phân biệt đối xử. Trong đó, **22** cải cách tập trung vào quyền bình đẳng trong việc làm và lợi ích kinh tế, còn **18** cải cách nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ.

6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH



Với tốc độ hiện tại, đến năm **2030**, sẽ vẫn có **2 tỷ** người không được tiếp cận nước uống an toàn, **3 tỷ** người thiếu điều kiện vệ sinh an toàn và **1,4 tỷ** người không có các dịch vụ vệ sinh cơ bản.

Đến năm 2022, vẫn còn **2,2 tỷ người thiếu nước uống an toàn**, **3,5 tỷ** người không có vệ sinh an toàn và **2 tỷ** người vẫn thiếu dịch vụ vệ sinh cơ bản đầy đủ.



Từ năm 2015 đến 2021, **tình trạng căng thẳng nguồn nước toàn cầu tăng 3%**. Mức độ căng thẳng ở Bắc Phi và Tây Á tăng 12%, làm trầm trọng thêm tình trạng đã ở mức nghiêm trọng. **Nông nghiệp chiếm 72%** lượng nước ngọt khai thác toàn cầu, tiếp theo là công nghiệp (15%) và dịch vụ (13%).

7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ THÀNH HỢP LÝ



Số người không được tiếp cận điện đã giảm từ **958 triệu** vào năm 2015 xuống còn **685 triệu** vào năm 2022.

Trong cùng giai đoạn, số người không có nhiên liệu sạch để nấu ăn cũng giảm từ **2,8 tỷ** xuống **2,1 tỷ**.

Vào năm 2022, mặc dù tỷ lệ **tiếp cận điện toàn cầu duy trì ở mức 91%**, vẫn có **685 triệu** người chưa được tiếp cận điện, tăng thêm 10 triệu người so với năm 2021 do tăng trưởng dân số.

Ước tính **đến năm 2030** vẫn sẽ có khoảng **660 triệu** người không được tiếp cận điện và khoảng **1,8 tỷ** người không có nhiên liệu và công nghệ nấu ăn sạch.



Xu hướng công nghệ trong thập kỷ qua đã **dịch chuyển đầu tư từ thủy điện sang năng lượng mặt trời** và các nguồn năng lượng tái tạo khác. Năng lượng mặt trời chiếm **35%**, năng lượng gió 11% và thủy điện 7%.

8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



Vào năm 2023, **tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu giảm xuống mức thấp kỷ lục 5,0%** kể từ năm 2000. Dự báo tỷ lệ này sẽ tiếp tục **giảm xuống 4,9% vào năm 2024 và duy trì ở mức này trong năm 2025**.

Phụ nữ và thanh niên tiếp tục đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao hơn trên toàn cầu và ở các khu vực khác nhau. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên cao gấp hơn ba lần so với người trưởng thành, **lấn lướt ở mức 13,0% và 3,7%**.



Trên toàn cầu, hơn **2 tỷ** người làm việc trong khu vực **phi chính thức** vào năm 2023, chiếm 58,0% lực lượng lao động toàn cầu. Tỷ lệ này dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống còn 57,8% vào năm 2024.



Từ năm 2015 đến 2022, mức độ tuân thủ quyền lao động quốc gia trung bình trên toàn cầu đã **giảm 7%**, với điểm số trung bình xấu đi từ 4.50 lên 4.81.

9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG



Năm 2023, lượng CO2 toàn cầu từ việc đốt năng lượng và các quá trình công nghiệp đã tăng 1,1% lên mức kỷ lục 37,4 tỷ tấn. Tốc độ tăng này chậm hơn so với mức 1,3% vào năm 2022 và thấp hơn nhiều so với tỷ lệ tăng trưởng GDP toàn cầu là 3%. Sự chậm lại này có thể được lý giải nhờ vào sự gia tăng mạnh mẽ của các công nghệ năng lượng sạch từ năm 2019. **Than đá là nguyên nhân chính thúc đẩy sự tăng trưởng của khí thải, đóng góp hơn 65% vào sự gia tăng này trong năm 2023.**



Kể từ năm 2015, giá trị gia tăng sản xuất toàn cầu bình quân đầu người đã **tăng 16%**, từ **1.653** đô la Mỹ (theo giá cố định năm 2015) lên **1.922** đô la vào năm 2023. Tuy nhiên, đóng góp của ngành sản xuất vào tổng hoạt động kinh tế chỉ tăng nhẹ từ 16,3% lên 16,7% trong cùng khoảng thời gian.

10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG



Các quốc gia đang phát triển chiếm **74%** thành viên của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc nhưng có tiếng nói và sự tham gia hạn chế trong việc ra quyết định kinh tế quốc tế.

Tại Ngân hàng Thế giới, các quốc gia đang phát triển chỉ nắm giữ 39% quyền bỏ phiếu, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 75% thành viên của ngân hàng. Tại **Tổ chức Tài chính Quốc tế**, các quốc gia đang phát triển chỉ nắm giữ hơn **32%** quyền bỏ phiếu.



Đến cuối năm 2023, **37,4 triệu người tị nạn** phải di dời cưỡng bức khỏi quốc gia của họ do chiến tranh, xung đột với **8.177 trường hợp tử vong** được ghi nhận. Có **461 người tị nạn trên mỗi 100.000 người trên toàn cầu** (2023), gấp đôi so với 213 người trên mỗi 100.000 (2015)

11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG



1,1 tỷ cư dân đô thị đang sống trong khu ổ chuột (năm 2020). Dự kiến sẽ có **thêm 2 tỷ người trong 30 năm tới.**

Ở các nước đang phát triển, 1 tỷ người thiếu tiếp cận đường giao thông sử dụng được trong mọi điều kiện thời tiết.



Ô nhiễm không khí không còn là vấn đề riêng của đô thị các thị trấn ở ĐÔNG Á và ĐÔNG NAM Á có chất lượng không khí thậm chí còn kém hơn các thành phố.



Cứ hai cư dân đô thị thì có một người tiếp cận thuận tiện với phương tiện công cộng.

Trên toàn cầu, **3 trong 4 thành phố** có dưới **20%** diện tích dành cho không gian công cộng và đường phố, **thấp hơn nhiều so với mục tiêu 45-50%**

12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM



Các quốc gia có thu nhập cao để lại dấu chân carbon lớn hơn so với các quốc gia có thu nhập thấp. Dấu chân Carbon bình quân đầu người ở các quốc gia có thu nhập cao gấp **10 lần** so với các quốc gia có thu nhập thấp.



Trung bình, mỗi người lãng phí **120 kilogram thực phẩm** mỗi năm



62 quốc gia + EU đã ban hành **485 chính sách** nhằm chuyển dịch tiêu dùng & sản xuất bền vững (2019-2022).



Mặc dù có lời kêu gọi cho việc **loại bỏ các trợ cấp nhiên liệu hóa thạch**, chúng vẫn trở lại và gần nhân đôi, do các khủng hoảng toàn cầu.

13 HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU



Thế giới sẽ **vượt qua 1.5°C** vào năm **2035** và đối mặt với mức nhiệt độ tăng **lên 2.5°C** vào năm **2100**. Cần có sự giảm phát thải khí nhà kính mạnh, nhanh chóng và bền vững. Mục tiêu **giảm 43% vào năm 2030** và **đạt net zero** vào năm **2050**.



Tốc độ dâng mực nước biển đã **gấp đôi** trong thập kỷ qua.

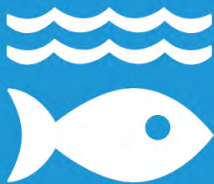


Tài trợ khí hậu toàn cầu đã đạt mức trung bình hàng năm là **803 tỷ USD** vào năm 2019-2020, **tuy nhiên**, các quốc gia đang phát triển **cần gần 6 ngàn tỷ USD vào năm 2030**.



Những **khu vực dễ tổn thương** cao gấp tỷ lệ tử vong do thảm họa **cao gấp 15 lần** so với các **khu vực có độ tổn thương rất thấp**.

14 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN



Axit hóa đại dương: Mức độ axit hóa cao hơn **30%** so với thời kỳ tiền công nghiệp.

Sự ấm lên của đại dương: Làm mực nước biển dâng cao và ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển vào năm **2040**.



Khai thác quá mức: Hơn **một phần ba** trữ lượng cá toàn cầu đang bị khai thác quá mức



Ô nhiễm nhựa: **17 triệu tấn** nhựa đã xâm nhập vào đại dương trong năm 2021, **và có thể tăng 2-3 lần**



Hoạt động **đánh bắt cá bất hợp pháp**, không báo cáo và không được quản lý **chiếm khoảng 1/5** tổng sản lượng khai thác toàn cầu.

15 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐẤT LIỀN



100 triệu hecta đất khô mạnh và màu mỡ bị suy thoái mỗi năm từ 2015 đến 2019, tương đương diện tích **gấp 2 lần Greenland**.



Thế giới hiện đang đối mặt với sự kiện **tuyệt chủng loài lớn nhất** kể từ thời kỳ khủng long.



Tình trạng **mất rừng gia tăng**, suy thoái đất và tuyệt chủng loài đang đặt ra những mối đe dọa nghiêm trọng đối với con người và hành tinh.



Sự **mở rộng nông nghiệp**, là nguyên nhân dẫn đến gần **90%** nạn **phá rừng** trên toàn cầu; trong đó, đất canh tác chiếm 49,6% và chăn thả gia súc chiếm 38,5%

16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ



Số ca tử vong của dân thường liên quan đến xung đột tăng mạnh, với **mức tăng hơn 50% vào năm 2022**, chủ yếu do chiến tranh ở Ukraine.



Gần **200,000** nạn nhân buôn người đã được phát hiện trên toàn cầu trong giai đoạn 2017-2020, nhưng có thể **còn nhiều nạn nhân khác** vẫn chưa được phát hiện.



Hơn **108,4** triệu người đã bị **bước phải di dời trên toàn cầu** tính đến cuối năm 2022, **gấp 2,5 lần** so với một thập kỷ trước.



Năm 2021 chúng kiến số vụ **giết người có chủ đích cao nhất trong 20 năm qua**, với **458.000** sinh mạng bị mất. 9 trong số 10 nạn nhân là nam giới.

17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU



Các quốc gia đang phát triển đang đối mặt với khủng hoảng nợ. **37 trong số 69 quốc gia nghèo nhất thế giới** đang **gặp khó khăn về nợ** hoặc có nguy cơ cao đối mặt với tình trạng này.



Khoảng **67%** dân số thế giới đã trực tuyến vào năm **2023**, tăng **69%** so với năm **2015**.



Các quốc gia đang phát triển đối mặt với một khoảng cách đầu tư hàng năm lên tới **4 nghìn tỷ đô la để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)**.



Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu trong năm **2023** đạt **1,33 nghìn tỷ USD**, **giảm 2% so với năm 2022**. Dòng FDI vào các quốc gia đang phát triển giảm 7% xuống còn 867 tỷ USD và giảm hoặc không thay đổi ở hầu hết các khu vực.

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY THẾ GIỚI

Ngành dệt may là một trong những ngành gây ô nhiễm môi trường bậc nhất. Do đặc điểm của ngành là sử dụng nhiều năng lượng, nguyên nhiên liệu và hóa chất, gây phát thải khí nhà kính cao. Các quy trình xử lý hàng dệt may (sợi, vải và hàng may) có “dấu chân các-bon” lớn nhất vì sự thâm dụng nước cho các khâu giặt, giũ, tiền xử lý, nhuộm và hoàn tất sau xử lý. Tại hội thảo tập huấn về “Kiểm kê và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực dệt may” do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JICA) và Cục Biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đồng tổ chức diễn ra vào ngày 08/11/2023. Tại hội thảo Ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu phát biểu rằng một số nghiên cứu đã chỉ ra ngành dệt may chiếm khoảng 6-10% lượng khí thải các-bon toàn cầu tương đương khoảng 1,7 tỷ tấn các-bon, cũng theo tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) mỗi năm ngành thời trang toàn cầu tiêu thụ khoảng 1,5 tỷ lít nước, nước thải chiếm 20% nước thải công nghiệp. Để giảm tác động đến môi trường các thương hiệu đang rất tích cực có những chiến lược phát triển bền vững cho sản phẩm của mình góp phần bảo vệ môi trường. Tại Châu Âu, quần áo là nhóm tiêu dùng nhạy cảm nhất về môi trường, đứng thứ tư sau thực phẩm, nhà ở và giao thông. Nhu cầu về quần áo đang gia tăng với tốc độ chưa từng có: từ 62 triệu tấn vào năm 2015 dự kiến lên 102 triệu tấn vào năm 2030-theo European Parliament. Theo một báo cáo của Nghị viện Châu Âu (European Parliament), sản xuất dệt may tiêu tốn một lượng lớn nước, cùng với đất để trồng bông và các loại sợi khác. Theo ước tính, để làm ra một chiếc áo thun cotton, cần tới 2.700 lít nước sạch – đủ để đáp ứng nhu cầu uống nước của một người trong 2,5 năm. Trung bình cần đến 9 mét khối nước, 400 mét vuông đất và 391 kg nguyên liệu thô để cung cấp quần áo và giày dép cho mỗi công dân EU. Việc giặt các sản phẩm sợi tổng hợp dẫn đến sự tích tụ hơn nửa triệu tấn vi nhựa dưới đáy đại dương mỗi năm. Ước tính một lần giặt quần áo làm từ sợi polyester có thể thải ra 700.000 sợi vi nhựa. Phần lớn vi nhựa từ dệt may được thải ra trong những lần giặt đầu tiên. Thời trang nhanh dựa trên sản xuất hàng loạt, giá rẻ và khối lượng bán cao, làm gia tăng số lần giặt đầu tiên. Sản xuất thời trang nhanh dẫn đến vòng đời sản phẩm ngắn, với nhiều món đồ bị vứt bỏ thay vì được quyn góp. Chưa đến một nửa số quần áo đã qua sử dụng được thu gom để tái sử

dụng hoặc tái chế, và chỉ có 1% trong số đó được tái chế thành trang phục mới. Nguyên nhân là do các công nghệ tái chế quần áo thành sợi nguyên sinh vẫn còn trong quá trình phát triển. Theo thống kê của Nghị viện Châu Âu, trung bình, mỗi người Châu Âu sử dụng gần 26 kg dệt may và thải bỏ khoảng 11 kg mỗi năm. Quần áo đã qua sử dụng có thể được xuất khẩu ra ngoài EU, nhưng phần lớn (87%) bị đốt hoặc chôn lấp. Trước thực trạng trên, EU đã đề ra các chiến lược về dệt may bền vững và tuần hoàn. Không chỉ riêng EU, các quốc gia và khu vực khác như Mỹ, Anh cũng đã ban hành các quy định liên quan đến ngành dệt may trong năm 2024, nhằm bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của ngành thời trang đối với tình trạng nóng lên toàn cầu.



CÁC ĐIỀU LUẬT VÀ QUY ĐỊNH Ở CHÂU ÂU.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Chỉ Thị Thẩm Định Tính Bền Vững Của Doanh Nghiệp- Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD)	Có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2024.	- Minh bạch chuỗi cung ứng: Theo dõi nguồn gốc nguyên liệu và quy trình sản xuất để đảm bảo không vi phạm quyền con người hoặc gây hại môi trường. - Tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững: Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, như giảm phát thải và ô nhiễm nước. - Tăng cường báo cáo: Thiết lập cơ chế giám sát và báo cáo về các hoạt động thẩm định của mình. - Các công ty thuộc phạm vi điều chỉnh là “các công ty TNHH và công ty hợp danh lớn của EU” với hơn 1.000 nhân viên và doanh thu 450 triệu euro trên toàn cầu. Ngoài ra, phạm vi này còn bao gồm các công ty lớn ngoài EU có doanh thu là 450 triệu euro tại EU. - Tóm lại, CSDDD yêu cầu các công ty phải xác định, ngăn chặn và giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền và môi trường trong toàn bộ chuỗi giá trị của họ.	- Ngành dệt may, với chuỗi cung ứng rộng lớn và thường thiếu minh bạch, đang chịu sự giám sát chặt chẽ hơn theo Chỉ thị này. - Do áp lực từ Chỉ thị, các thương hiệu dệt may tại Châu Âu có thể siết chặt yêu cầu đối với toàn bộ chuỗi cung ứng của họ. Nếu nhà cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe, họ sẽ tiếp tục hợp tác; ngược lại, đơn hàng có thể bị cắt giảm hoặc chấm dứt.
Chỉ Thị Báo Cáo Phát Triển Bền Vững Của Doanh Nghiệp- Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD)	Có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 1 năm 2023.	- Quy định tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của các công ty về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ niêm yết, sẽ phải báo cáo thông tin về phát triển bền vững. - Các công ty ngoài EU cũng bị ảnh hưởng nếu họ có doanh thu ròng trên 150 triệu EUR tại thị trường EU.	- Các công ty dệt may sẽ phải thu thập và báo cáo dữ liệu chi tiết về tác động môi trường và xã hội của sản phẩm, bao gồm việc sử dụng tài nguyên, phát thải khí nhà kính, và điều kiện lao động. - Sự đa dạng trong các tiêu chuẩn và quy định hiện hành đang tạo ra sự phức tạp, tốn kém và kém hiệu quả trong quá trình báo cáo chuỗi cung ứng của ngành thời trang.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững-Ecodesign for Sustainable Products Regulation (ESPR)	Có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024	- Quy định về Sản phẩm Bền vững (ESPR) nhằm cải thiện tính tuần hoàn, hiệu suất năng lượng và các khía cạnh bền vững môi trường khác của các sản phẩm được đưa vào thị trường EU. - ESPR là một phần của gói biện pháp quan trọng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn 2020 (CEAP - Circular Economy Action Plan).	Hệ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport - DPP): ESPR yêu cầu các sản phẩm dệt may phải có DPP, cung cấp thông tin chi tiết về hiệu suất kỹ thuật, nguồn gốc vật liệu, hoạt động sửa chữa, khả năng tái chế và tác động môi trường trong vòng đời của sản phẩm. Điều này tăng cường tính minh bạch trong chuỗi cung ứng và giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm bền vững hơn. Cấm hủy bỏ sản phẩm chưa bán: ESPR cấm việc hủy bỏ các sản phẩm dệt may và giày dép chưa bán được, yêu cầu các công ty lớn phải công khai thông tin hàng năm về số lượng và trọng lượng sản phẩm bị loại bỏ, cũng như lý do cho việc này. Điều này khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp thay thế như quyên góp hoặc tái chế sản phẩm chưa bán. Thúc đẩy đổi mới vật liệu: ESPR khuyến khích sử dụng các vật liệu bền vững và thúc đẩy đổi mới trong sản xuất dệt may, hướng tới việc áp dụng các công nghệ giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên và ô nhiễm.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Sửa đổi Quy định về nhãn hàng dệt may của EU- EU Textile Labelling Regulation Revision	Đang tiến hành	Là một phần của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn (CEAP), Ủy ban Châu Âu đang trong giai đoạn lập kế hoạch để sửa đổi Quy định Ghi nhãn Dệt may của EU hiện hành. Các sửa đổi dự kiến sẽ yêu cầu bao gồm các thông tin về tính bền vững và kinh tế tuần hoàn, đồng thời điều chỉnh các yêu cầu của quy định hiện tại cho phù hợp với Quy định về Thiết kế Sinh thái cho Sản phẩm Bền vững (ESPR) mới được thông qua.	Quy định Ghi nhãn Dệt may hiện hành đã yêu cầu các nhà nhập khẩu và sản xuất sản phẩm dệt may tại EU phải ghi rõ thành phần sợi của sản phẩm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các quốc gia thành viên đã thêm vào các yêu cầu ghi nhãn chống chéo liên quan đến nhiều vấn đề khác. Cùng với sự mở rộng ghi nhãn sản phẩm theo Quy định ESPR, Quy định Ghi nhãn Dệt may cần được sửa đổi để đảm bảo tính đồng nhất và đơn giản hóa các yêu cầu cho các nhà bán lẻ.
Chỉ thị về yêu cầu xanh- Green Claims Directive	Đang tiến hành	- Ngăn chặn hiện tượng “greenwashing” (tẩy xanh⁸) và đảm bảo tính minh bạch trong các tuyên bố môi trường của doanh nghiệp. - Chỉ thị này yêu cầu các công ty cung cấp bằng chứng khoa học và minh bạch khi đưa ra các tuyên bố về tính bền vững hoặc lợi ích môi trường của sản phẩm hoặc dịch vụ của họ.	Ngành dệt may thường bị chỉ trích vì các tuyên bố môi trường không chính xác hoặc thiếu minh bạch. Với Chỉ thị này, các thương hiệu và nhà sản xuất dệt may phải cung cấp bằng chứng cụ thể và có thể kiểm chứng về các tuyên bố xanh của họ, từ việc sử dụng vật liệu bền vững đến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm thông minh hơn mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.
Sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải- Waste Framework Directive Revision	Đang tiến hành	- Là một phần trong chiến lược của Liên minh Châu Âu (EU) nhằm cải thiện quản lý chất thải và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. - Mục tiêu chính của việc sửa đổi này là tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất đối với việc thu gom, tái chế và xử lý chất thải từ sản phẩm của họ, bao gồm cả sản phẩm dệt may	- Với việc sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải, các nhà sản xuất dệt may sẽ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với việc thu gom và tái chế sản phẩm sau khi sử dụng, khuyến khích họ thiết kế sản phẩm dễ tái chế và giảm thiểu chất thải. - Điều này không chỉ giúp giảm tác động môi trường mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.

CÁC ĐIỀU LUẬT VÀ QUY ĐỊNH Ở MỸ.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
California Senate Bill 253 (SB 253) - The Climate Corporate Data Accountability Act	Tháng 10 năm 2023	Dự luật này yêu cầu các công ty lớn tại California phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của họ, bao gồm cả phát thải trực tiếp và gián tiếp từ chuỗi cung ứng. Mục tiêu là cung cấp cho người tiêu dùng và nhà đầu tư thông tin rõ ràng về đóng góp của các công ty vào biến đổi khí hậu.	- Đối với ngành dệt may, việc thông qua SB 253 có ảnh hưởng quan trọng. Ngành dệt may, vốn có chuỗi cung ứng phức tạp và thường xuyên bị chỉ trích vì tác động môi trường, sẽ phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính từ toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm cả việc sản xuất nguyên liệu như bông, quy trình nhuộm và vận chuyển. - Tuy nhiên, điều này thúc đẩy các công ty chuyển sang các phương pháp sản xuất bền vững hơn và giảm thiểu phát thải.
New York Fashion Sustainability and Social Accountability Act, hay còn gọi là Fashion Act	Đang tiến hành	- Yêu cầu công bố thông tin: Các thương hiệu thời trang có doanh thu toàn cầu trên 100 triệu USD và bán hàng tại New York phải công bố thông tin về tác động môi trường và xã hội của họ, bao gồm lượng phát thải khí nhà kính, sử dụng hóa chất và các điều kiện lao động trong chuỗi cung ứng. - Theo dõi chuỗi cung ứng: Thương hiệu phải theo dõi ít nhất 50% chuỗi cung ứng của họ để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm	- Các công ty dệt may sẽ phải công bố thông tin chi tiết về tác động môi trường và xã hội của họ, thúc đẩy việc áp dụng các phương pháp sản xuất bền vững hơn. - Việc theo dõi và báo cáo về chuỗi cung ứng sẽ giúp các công ty nhận diện và giải quyết các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động và tác động môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng. - Các công ty dệt may sẽ phải tuân thủ các quy định mới, tránh bị phạt và duy trì uy tín thương hiệu
California SB 707- Đạo luật phục hồi hàng dệt may có trách nhiệm năm 2024-California SB 707-Responsible Textile Recovery Act of 2024	Đang tiến hành	Dự luật thiết lập một chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR), yêu cầu các nhà sản xuất triển khai và tài trợ cho một chương trình nhằm thúc đẩy tái sử dụng, sửa chữa và tái chế quần áo cũng như sợi dệt. SB 707, cùng với chương trình EPR mà nó đề ra, hướng tới mở rộng thị trường tái chế và tái sử dụng quần áo, sợi dệt, vốn vẫn còn kém phát triển. Dự luật cũng củng cố các sáng kiến hiện có của bang nhằm khuyến khích sửa chữa và tái sử dụng hàng dệt may.	- Giảm thiểu rác thải dệt may: Luật nhằm giảm lượng rác thải dệt may đổ vào bãi rác bằng cách thúc đẩy việc sửa chữa, tái sử dụng và tái chế sản phẩm, từ đó giảm tác động môi trường của “thời trang nhanh”. - Tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất: Các nhà sản xuất sẽ phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng và quy trình để quản lý sản phẩm sau tiêu dùng, khuyến khích thiết kế sản phẩm bền vững và dễ tái chế hơn.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Các luật khác đang trong quá trình tiến hành. - Đạo luật công nhân thời trang- <i>Fashion Workers Act</i>. - Đạo luật về việc tạo ra trách nhiệm giải trình và xây dựng sự thay đổi thực sự về thể chế - "Đạo luật FABRIC"- <i>Fashioning Accountability and Building Real Institutional Change Act - the "FABRIC Act"</i> - Dự luật Hạ viện 2068 - Đạo luật Washington liên quan đến tác động môi trường của thời trang- <i>House Bill 2068 - Washington Act Relating to Environmental Impacts of Fashion</i>	Đang tiến hành	Các đạo luật này đều hướng đến việc tăng cường trách nhiệm và tính bền vững trong ngành thời trang về: - Quyền lợi của người lao động trong ngành thời trang. - Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. - Giảm thiểu tác động môi trường của ngành dệt may.	- Các công ty sẽ cần công bố dữ liệu về tác động môi trường và điều kiện lao động, tạo áp lực lớn lên chuỗi cung ứng. - Ngành dệt may sẽ phải chuyển đổi sang các quy trình thân thiện với môi trường, sử dụng nguyên liệu tái chế và giảm thiểu chất thải. - Góp phần định hình lại ngành thời trang theo hướng công bằng hơn cho người lao động và bền vững hơn với môi trường, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về tuân thủ.

⁸ Tẩy xanh-Greenwashing: là khái niệm ám chỉ hành vi các thương hiệu thời trang sử dụng thời trang bền vững là hình thức tiếp thị cho doanh nghiệp của mình nhưng lại không cam kết toàn diện với các quy chuẩn nghiêm ngặt của thời trang bền vững

SƠ LƯỢC CÁC CHÍNH SÁCH CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN XU HƯỚNG NGÀNH DỆT MAY TRONG CÁC NĂM TỚI.

• KINH TẾ TUẦN HOÀN CỦA EU

Là một chiến lược nhằm chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính "sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ" sang mô hình tuần hoàn, trong đó tài nguyên được sử dụng hiệu quả hơn, giảm thiểu chất thải và thúc đẩy tái chế. Mục tiêu của chiến lược này là đến năm 2030, tất cả các sản phẩm dệt may trên thị trường EU phải bền vững, có thể tái chế và được sản xuất từ nguyên liệu tái chế càng nhiều càng tốt.

Đối với ngành dệt may, chiến lược kinh tế tuần hoàn của EU mang lại cả thách thức và cơ hội. Các quy định mới yêu cầu doanh nghiệp phải thiết kế sản phẩm có độ bền cao, dễ sửa chữa và tái chế, đồng thời tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc thu gom và xử lý chất thải dệt may. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ và quy trình sản xuất mới, nhưng cũng mở ra cơ hội tiếp cận thị trường EU với các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn bền vững.

Một tác động quan trọng của chiến lược này là việc tăng cường tái chế chai nhựa trong ngành nước giải khát. EU đặt mục tiêu đến năm 2025, các chai nước giải khát phải chứa ít nhất 25% nhựa tái chế (rPET), và con số này sẽ tăng lên 30% vào năm 2030. Điều này dẫn đến sự khan hiếm nguồn cung cấp hạt nhựa từ chai đã qua sử dụng, do các thương hiệu nước giải khát cần nhiều rPET hơn cho sản phẩm của họ.

Để đối phó với tình trạng khan hiếm này, các thương hiệu dệt may đang chuyển hướng sang tái chế quần áo cũ thành nguyên liệu mới, được gọi là tái chế dệt may thành dệt may (textile-to-textile recycling). Quá trình này giúp giảm sự phụ thuộc vào nhựa tái chế từ chai PET và thúc đẩy việc sử dụng sợi tái chế từ quần áo cũ, đáp ứng yêu cầu về tính bền vững và tuần hoàn của EU.

Nguồn: environment.ec.europa.eu

• CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH BIÊN GIỚI CARBON (CBAM)

Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) là một thành phần quan trọng trong chiến lược của Liên minh Châu Âu (EU) nhằm đạt được trung hòa carbon vào năm 2050. Khi EU nỗ lực trở thành một lục địa trung hòa carbon, những lo ngại về hiện tượng "rò rỉ carbon" đã thúc đẩy việc triển khai CBAM. Cơ chế này nhằm ngăn chặn các doanh nghiệp EU di dời hoạt động sản xuất có cường độ carbon cao sang các khu vực có tiêu chuẩn môi trường ít khắt khe hơn.

CBAM áp đặt một loại thuế carbon đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào thị trường EU, được tính dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất tại quốc gia xuất khẩu. Các nhà nhập khẩu hoạt động theo CBAM phải đăng ký với cơ quan quản lý trong nước và mua chứng chỉ CBAM, với giá được xác định theo Hệ thống Mua bán Quyền Phát thải của EU (EU ETS). Những chứng chỉ này cho phép các nhà nhập khẩu khai báo và bù trừ lượng khí thải carbon của hàng hóa nhập khẩu.

CBAM đang định hình lại thương mại quốc tế bằng cách áp dụng thuế carbon đối với một số sản phẩm cụ thể. CBAM tập trung vào các ngành quan trọng như xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón, điện và hydro. Đáng chú ý, phạm vi tính toán khí thải của CBAM không chỉ giới hạn trong phát thải trực tiếp mà còn bao gồm cả "phát thải gián tiếp," chẳng hạn như lượng điện tiêu thụ trong quá trình sản xuất sản phẩm.

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CBAM

16/05/2023
Quy định có hiệu lực.

01/10/2023 - 31/12/2025
Giai đoạn chuyển tiếp

01/01/2026 - 31/12/2034
Giai đoạn vận hành

01/01/2034
Giai đoạn vận hành toàn diện

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

CBAM

(Tiếp theo)

01/10/2023 - 31/12/2025

(Giai đoạn chuyển tiếp)

- Các nhà nhập khẩu phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Điều 33, 34 và 35 của Quy định (EU) 2023/956.
- Báo cáo hàng quý về lượng phát thải khí nhà kính của các sản phẩm thuộc phạm vi CBAM phải được nộp trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc mỗi quý.
- Hạn chót báo cáo đầu tiên: 31/01/2024.
- Các ngành bị ảnh hưởng ban đầu gồm: sắt thép, nhôm, điện, xi măng, phân bón và hydro, chiếm 94% lượng phát thải công nghiệp của EU.
- Đến cuối năm 2025, Ủy ban Châu Âu có thể đánh giá và mở rộng phạm vi CBAM.

01/01/2026 - 31/12/2034

(Giai đoạn vận hành)

- Các nhà nhập khẩu tại EU phải mua chứng chỉ CBAM cho hàng hóa thuộc phạm vi CBAM.
- Hạn chót hàng năm: ngày 31/05, nhà nhập khẩu phải khai báo số lượng và lượng phát thải liên quan đến hàng hóa nhập khẩu của năm trước, đồng thời nộp số chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải.
- Trong thời gian này, EU sẽ từng bước loại bỏ cơ chế cấp miễn phí hạn ngạch phát thải khí nhà kính.
- Các nhà sản xuất và xuất khẩu có thể mua chứng chỉ CBAM theo mức giá được xác định dựa trên giá trung bình hàng tuần của Hệ thống Mua bán Khí thải của EU (EU ETS), hiện dao động từ 80-100 EUR/tấn CO2 tương đương.

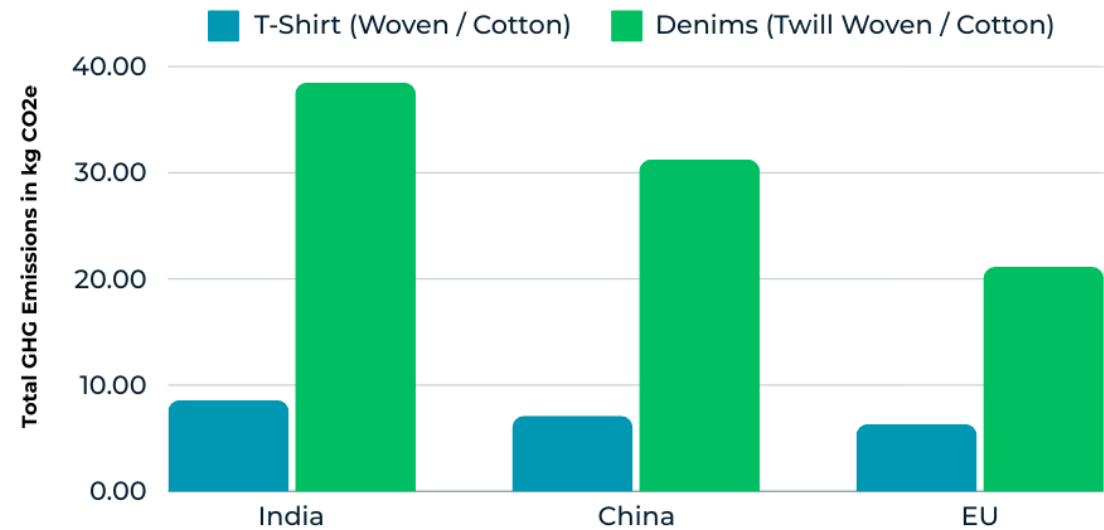
01/01/2034

(Giai đoạn vận hành toàn diện)

- CBAM chính thức đi vào hoạt động đầy đủ.
- Các nhà sản xuất và xuất khẩu không còn được hưởng hạn ngạch phát thải CO2 miễn phí.
- Doanh nghiệp phải chi trả 100% chi phí CBAM, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quy định về phát thải khí nhà kính.

Theo báo cáo từ GreenStich, trong giai đoạn chuyển tiếp (2023-2026), ngành dệt may chưa thuộc phạm vi áp dụng của cơ chế thuế này. Tuy nhiên, do lượng phát thải cao trong quá trình sản xuất dệt may, ngành này có thể sẽ được đưa vào diện điều chỉnh trong những năm sau khi giai đoạn chính thức bắt đầu (2026-2034). Ở các nước đang phát triển như Ấn Độ và Trung Quốc, lượng khí thải carbon ẩn trong các công đoạn sản xuất dệt may cao hơn so với Liên minh Châu Âu.

TỔNG LƯỢNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRUNG BÌNH TRONG SẢN XUẤT 1 ÁO THUN COTTON VÀ 1 QUẦN JEAN COTTON



Nguồn: The GreenStich

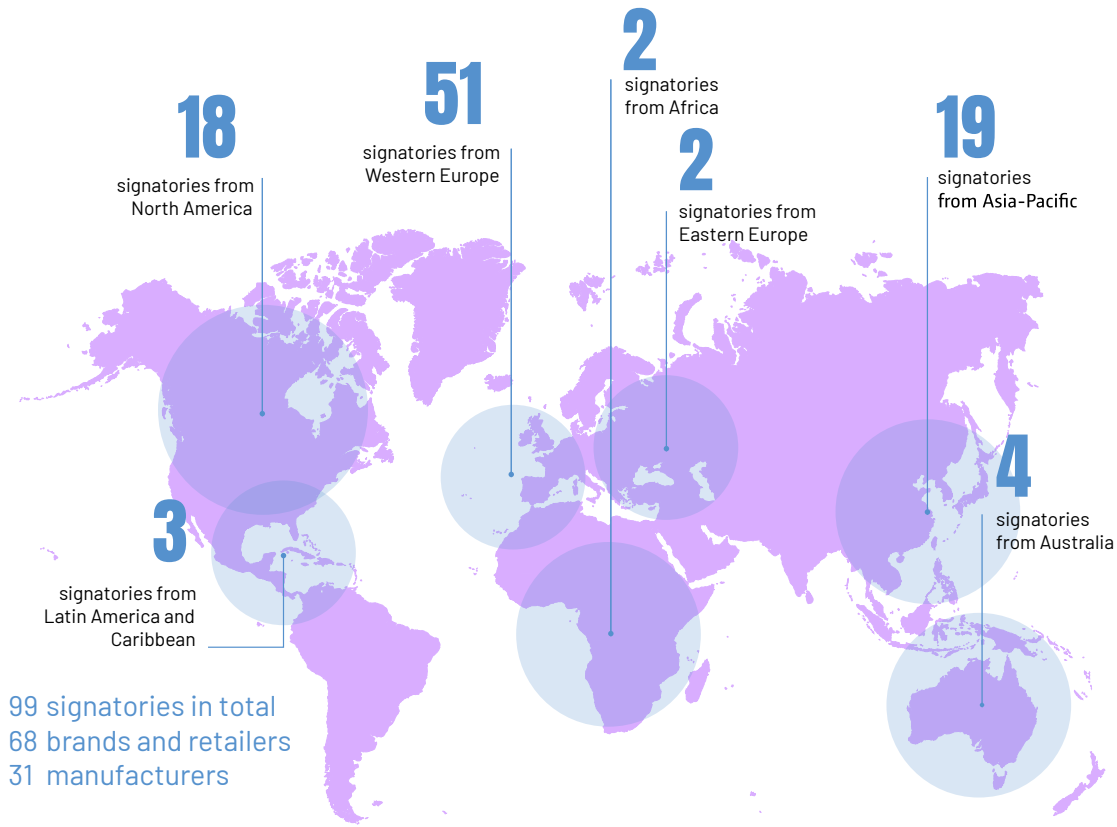
Vì là một trong những ngành đóng góp phát thải các-bon nhiều nhất nên bản thân ngành thời trang, dệt may nói riêng và các chính phủ nói chung đang có những hành động cụ thể để chống biến đổi khí hậu và ngành thời trang dường như đang có tiến bộ hơn trong việc thực hiện mục tiêu cắt giảm lượng phát thải các-bon. Dưới đây là một số hành động cụ thể của các thương hiệu thời trang để ứng phó với hiện tượng thời tiết nóng lên toàn cầu và đạt mục tiêu chương trình nghị sự năm 2030.

Các thương hiệu đang nỗ lực triển khai các hành động thiết thực nhằm hiện thực hóa những mục tiêu phát triển bền vững mà họ đã cam kết:

Báo cáo đặc biệt của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu năm 2018 về sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C nhấn mạnh tính cấp bách và những hành động cần thiết để giữ cho hành tinh được an toàn. Trước bờ vực nguy hiểm của biến đổi khí hậu, ngành thời trang cần có những hành động ngay lập tức để có thể đạt được các mục tiêu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và hướng tới mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Ủy ban Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc (UN Climate Change) đã khởi xướng một kế hoạch hành động về khí hậu rộng hơn, tập hợp các bên liên quan trong lĩnh vực thời trang để phát triển quan điểm thống nhất, mạch lạc về khí hậu. Dưới sự khởi xướng đó Hiến chương ngành thời trang hành động vì khí hậu (Fashion Industry Charter for Climate Action) ra đời hay gọi tắt là Hiến chương thời trang (Fashion Charter).

Mục tiêu chính của hiến chương là đưa ngành thời trang đạt mức phát thải ròng bằng 0 không muộn hơn năm 2050. Bên cạnh đó chương trình hiến chương cũng là cơ hội kết nối các bên liên quan trong ngành thời trang gồm các nhà sản xuất nguyên liệu thô, các nhà sản xuất dệt may, nhà sản xuất hàng may mặc và các thương hiệu để xác định các lĩnh vực hành động mới và mở rộng các sáng kiến hiện có nhằm kết nối chuỗi giá trị của nhau.

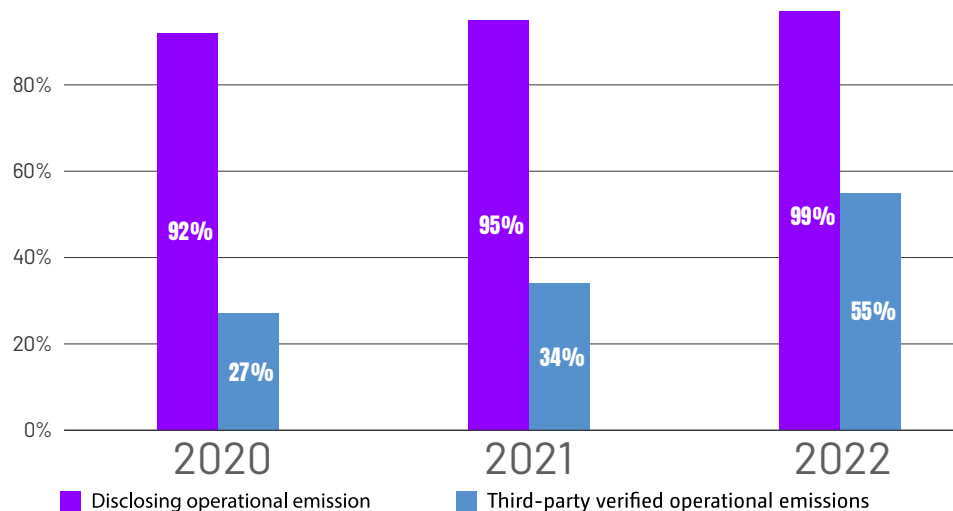
Tính đến ngày 22 tháng 2 năm 2023, 99 công ty (các bên ký kết) bao gồm các thương hiệu, nhà cung cấp và nhà bán lẻ đã cam kết thực hiện các mục tiêu của Hiến chương Ngành Thời trang Hành động vì Khí hậu.



Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

Các bên ký kết đang gia tăng việc công bố dữ liệu về “phát thải hoạt động” (operational emissions-Scope 1 & Scope 2) và xác nhận của bên thứ 3 về dữ liệu mà họ công bố. Bên cạnh đó, trong những năm qua, số lượng bên ký kết công bố lượng phát thải Loại 1 thuộc Phạm vi 3 đã tăng khoảng 20%. Vào năm 2022, 77% bên ký kết đã cung cấp ước tính Phạm vi 3 của họ thông qua CDP.

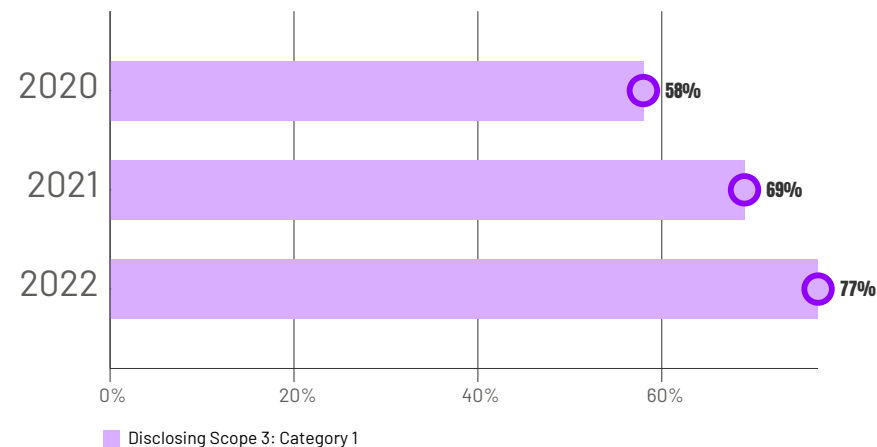
Các bên kí kết ngày càng gia tăng việc công bố dữ liệu về “phát thải hoạt động” (operational emissions-Scope 1 & Scope 2) và xác nhận của bên thứ 3



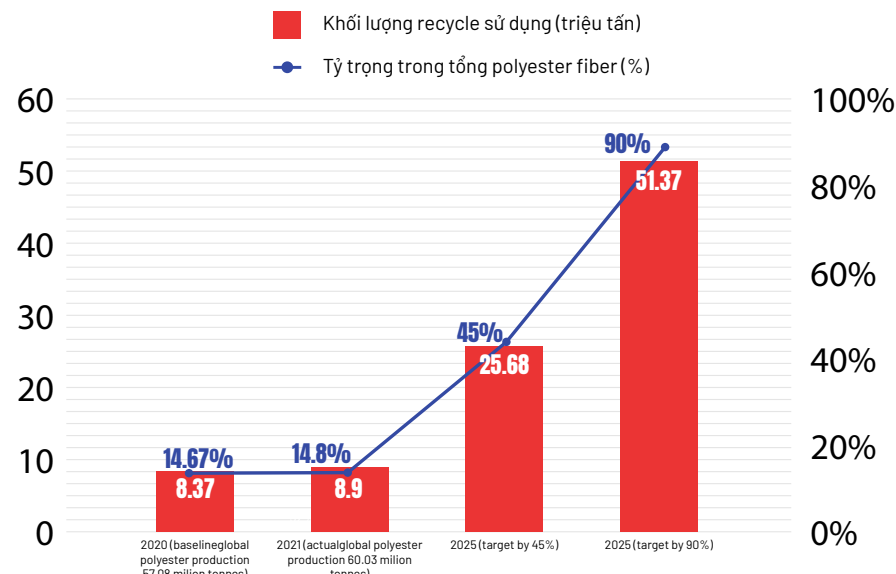
Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

Để đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi Polyester tái chế trong tổng lượng Polyester sử dụng từ 14,7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi Polyester recycle dự kiến sẽ tăng từ 8,37 triệu tấn (2020) lên 25,68 triệu tấn (2025). Theo báo cáo “Materials Market Report 2024” của Textile Exchange, Sản lượng sợi polyester đã tăng từ 63 triệu tấn vào năm 2022 lên 71 triệu tấn vào năm 2023, chiếm 57% tổng sản lượng sợi toàn cầu, cho thấy polyester vẫn là loại sợi được sản xuất nhiều nhất. Trên toàn cầu, sản lượng sợi polyester tái chế đã tăng từ khoảng 8,6 triệu tấn vào năm 2022 lên khoảng 8,9 triệu tấn vào năm 2023. Tuy nhiên, do sản lượng polyester nguyên sinh tăng, thị phần của polyester tái chế trong tổng sản lượng polyester toàn cầu đã giảm từ khoảng 13,6% vào năm 2022 xuống còn khoảng 12,5% vào năm 2023.

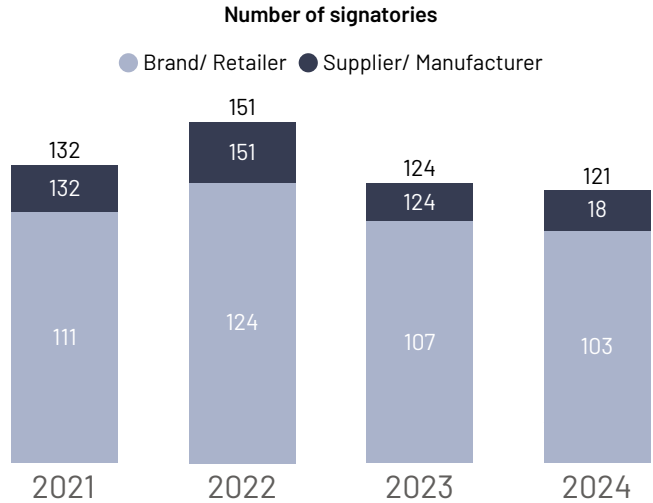
Các bên ký kết ngày càng gia tăng công bố Phạm vi 3: Phát thải loại 1



Nguồn: Climate Action-Fashion Industry Charter

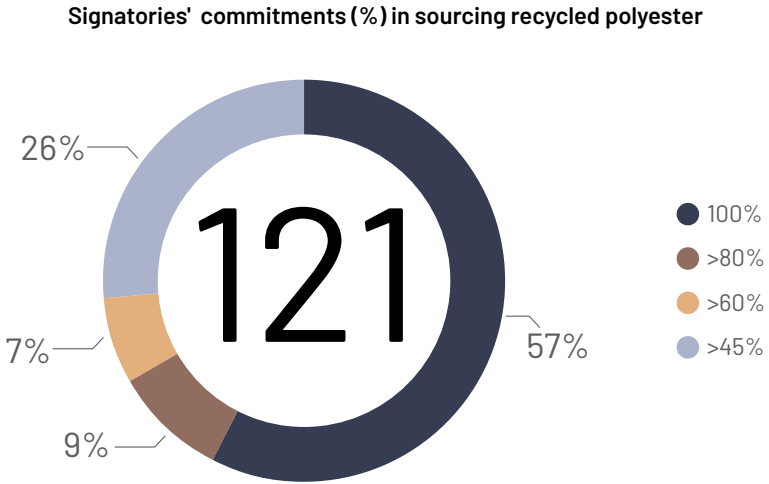


Theo cập nhật của Textile Exchange tính đến năm 2024, đã có 121 thương hiệu bao gồm Adidas, Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon, VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025. Bên cạnh đó các thương hiệu đã cam kết giữ mức nhiệt độ toàn cầu gia tăng không vượt quá 1.5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp, giảm 50% KNK vào năm 2030 và hướng tới net-zero tới năm 2050, để đạt được các mục tiêu đó các thương hiệu đang có những chiến lược như: sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới sử dụng 100% điện tái tạo, hướng tới sử dụng 100% nguyên liệu tái chế, khuyến khích các nhà cung ứng đồng hành thực hiện mục tiêu chung cho phát triển bền vững.



Nguồn: Textile Exchange

- Số lượng thương hiệu và nhà cung cấp tham gia Thử thách Polyester Tái chế (Recycled Polyester Challenge) đến năm 2024 là 121 giảm nhẹ so với năm 2023 chủ yếu do các công ty không thực hiện báo cáo bị loại khỏi danh sách ký kết.
- Tất cả các đơn vị ký kết đã cam kết báo cáo hàng năm về tiến độ đạt mục tiêu sử dụng Polyester tái chế vào năm 2025.



Nguồn: Textile Exchange

- Các đơn vị ký kết đã cam kết đặt mục tiêu sử dụng từ 45% đến 100% polyester tái chế vào năm 2025.
- 57% các đơn vị ký kết đã cam kết chuyển đổi hoàn toàn sang 100% polyester tái chế vào năm 2025.

LỘ TRÌNH CAM KẾT SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU TÁI CHẾ CỦA CÁC NHÃN HÀNG THỜI TRANG


20% recycled
materials in total

2019

 **ATHLETA**

80% recycled materials in
total consumption

2020

H&M

commit to use 100% recycled yarn
by 2025
30% recycled materials by 2025
100% recycled materials by 2030



Commit to use 50%
recycled yarn by 2026

**UNI
QLO**

50% recycled materials in total
use by 2030

2030



commit to use 100% recycled yarn
In 2023, 99% (2022: 96%) of all the
polyester used was recycled
On track to use 100% recycled
polyester by the end of 2024

2024

 **DECATHLON**

commit to use 100%
recycled yarn In 2023,
63% (2022: 49.7%) of all
the polyester used was
recycled

Walmart 

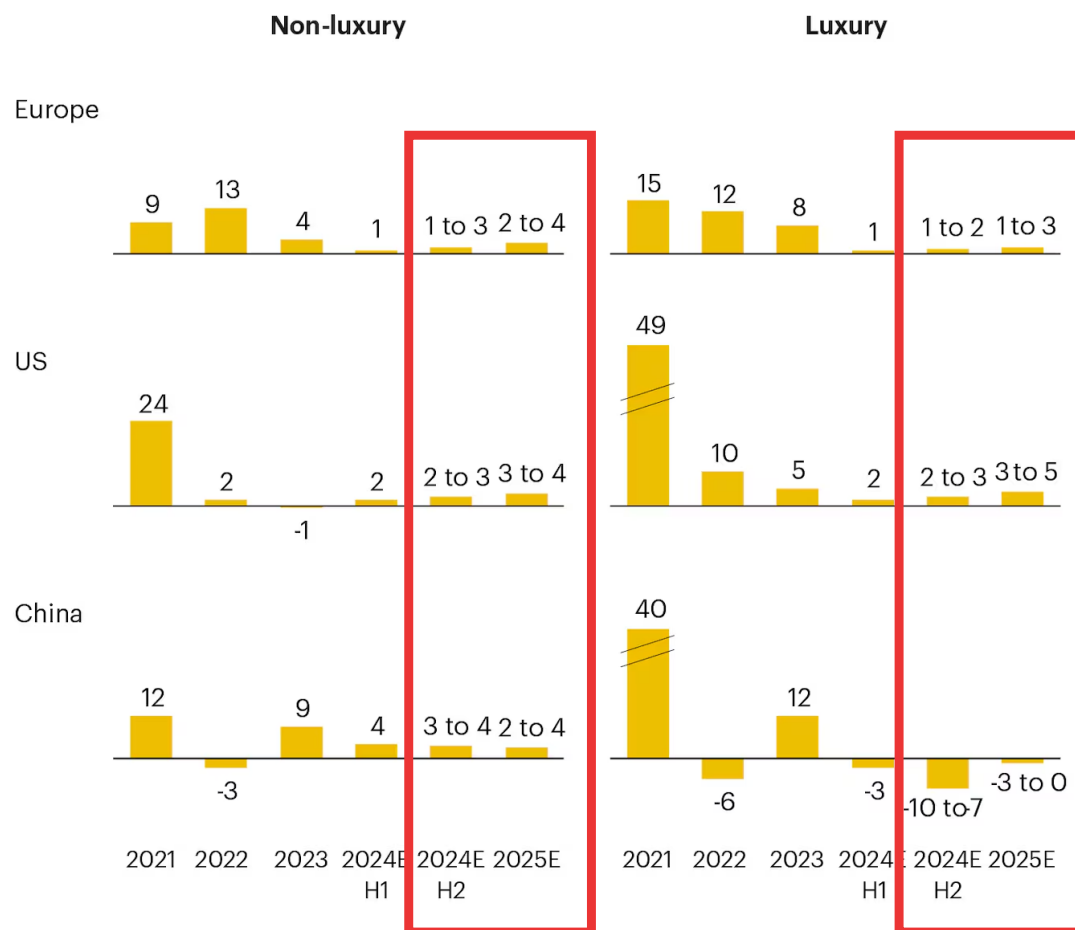
Commit to use 50% recycled yarn

INDITEX

commit to use 100% recycled yarn by
2025



Only use recycled materials by 2030



Nguồn: MC Kinsey

TRIỂN VỌNG NGÀNH THỜI TRANG THẾ GIỚI 2025

Cũng theo báo cáo “The State of Fashion 2025” của McKinsey, mặc dù ngành dệt may còn nhiều thách thức nhưng triển vọng của ngành trong năm 2025 sẽ sáng sủa hơn so với 2024. McKinsey đưa ra dự báo lạc quan cho cả hai phân khúc “Non-luxury” và “Luxury” tại ba thị trường lớn – EU, Mỹ và Trung Quốc – trong năm 2025 so với 2024. Dự báo này dựa trên sự tăng trưởng mạnh mẽ của trang phục thể thao và ngoài trời, được thúc đẩy bởi xu hướng sống lành mạnh, sự hòa nhập giữa thời trang và trang phục thể thao, cùng với sự phổ biến rộng rãi của nội dung, sự kiện thể thao và sự bùng nổ của du lịch thể thao toàn cầu.

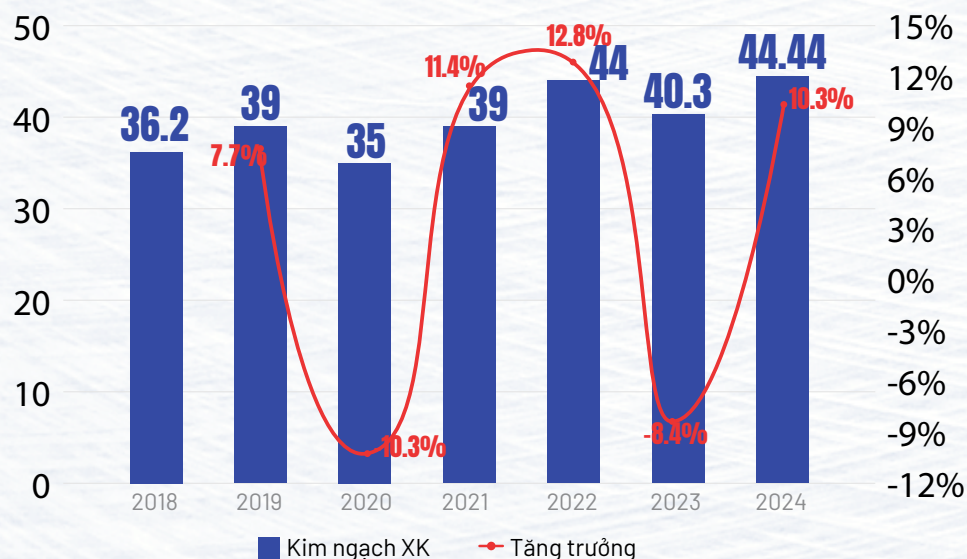
Tuy nhiên, bên cạnh triển vọng tích cực, ngành dệt may vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm chiến tranh thương mại, xung đột địa chính trị kéo dài và áp lực cạnh tranh về giá.

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

Tổng quan ngành dệt may Việt Nam năm 2024

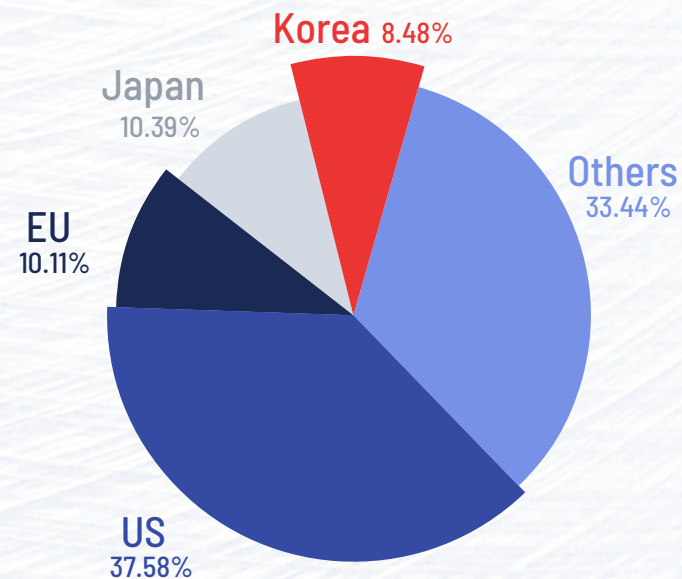
Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam, bao gồm xơ, sợi, hàng dệt may, vải mảnh và vải kỹ thuật, đạt 44,44 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng trưởng đến từ sự phục hồi của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản, kéo theo nhu cầu nhập khẩu dệt may gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP, RCEP) tiếp tục mang lại ưu đãi thuế quan, giúp hàng dệt may Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (TỶ USD)



Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam

XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2024



Nguồn: Hiệp hội dệt may Việt Nam

Mỹ vẫn giữ vững vị thế là thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam, dẫn đầu với thị phần 37,58% trong năm 2024. Trong khi đó, Nhật Bản tiếp tục đứng thứ hai, nhưng thị phần có sự suy giảm nhẹ từ 12,2% năm 2023 xuống còn 10,39% năm 2024, phản ánh những thay đổi trong xu hướng tiêu dùng và nhu cầu nhập khẩu tại thị trường này. Thị phần dệt may của Việt Nam tại Mỹ hiện chiếm gần 20%, trong khi Trung Quốc vẫn dẫn đầu với tỷ lệ trên 20%. Tuy nhiên, với chính sách mới dự kiến dưới thời Tổng thống Donald Trump, hàng dệt may Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ có thể đối mặt với mức thuế lên tới 60% cùng nhiều loại phí khác. Điều này có thể làm suy giảm lợi thế cạnh tranh của Trung Quốc, mở ra cơ hội để dệt may Việt Nam gia tăng thị phần tại thị trường Mỹ. Để tận dụng cơ hội này, ngành dệt may cần tuân thủ chặt chẽ các quy định về nguồn gốc xuất xứ và truy xuất chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe từ phía đối tác Mỹ.

Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) đưa ra dự báo kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2025 sẽ tăng trưởng khoảng 9% so với năm 2024, tương đương đạt 47 - 48 tỷ USD.

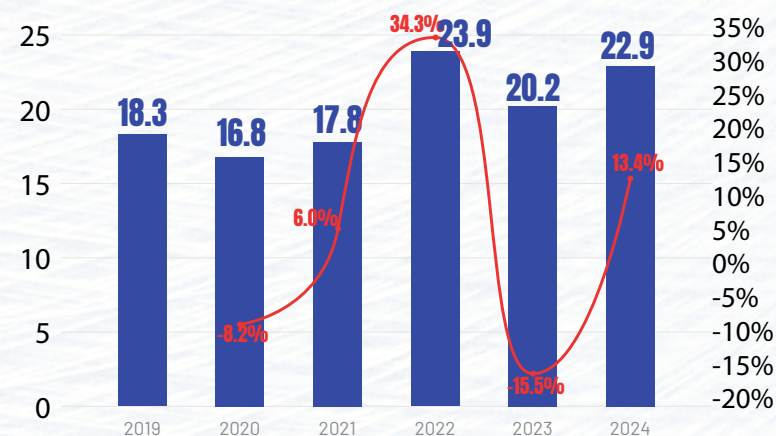
Tổng quan da giày Việt Nam 2024

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu da giày của Việt Nam năm 2024 đạt 22,9 tỷ USD, tăng 13,4% so với năm 2023, bất chấp sự sụt giảm nhu cầu tại các thị trường lớn. Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với ngành da giày khi phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về phát triển bền vững từ các thị trường xuất khẩu chủ chốt như Mỹ, EU, Nhật Bản. Những yêu cầu về chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng sạch và tái tạo ngày càng gắt gao, trong khi chi phí đầu vào như nhân công, nguyên vật liệu và logistics không ngừng leo thang.

Bên cạnh đó, ngành còn đối mặt với bài toán thiếu hụt nguyên phụ liệu, khi nguồn cung trong nước mới chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu sản xuất. Dù vậy, ngành da giày Việt Nam vẫn ghi nhận tăng trưởng khả quan nhờ tận dụng tối đa lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA và CPTPP, giúp cải thiện năng lực cạnh tranh và mở rộng cơ hội xuất khẩu. Không chỉ tập trung vào các thị trường truyền thống, doanh nghiệp da giày còn chủ động khai thác tiềm năng tại các khu vực mới như Trung Đông, Nam Mỹ và châu Phi, tạo thêm động lực cho sự phát triển của ngành.

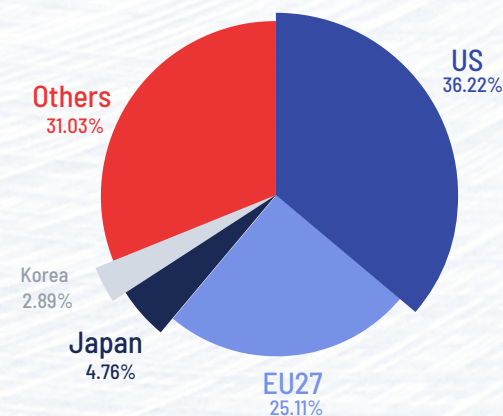
Theo Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam (LEFASO), ngành da giày Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu khoảng 10% trong năm 2025, dự kiến đạt kim ngạch khoảng 29 tỷ USD. Theo định hướng phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam, đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu giày dép và túi xách dự kiến đạt 38 - 40 tỷ USD. Để đạt được mục tiêu này, ngành đang phải đối mặt với những thách thức lớn, đặc biệt là yêu cầu "xanh hóa" sản xuất từ các thị trường lớn như EU và Mỹ, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao về phát triển bền vững.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DA GIÀY CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

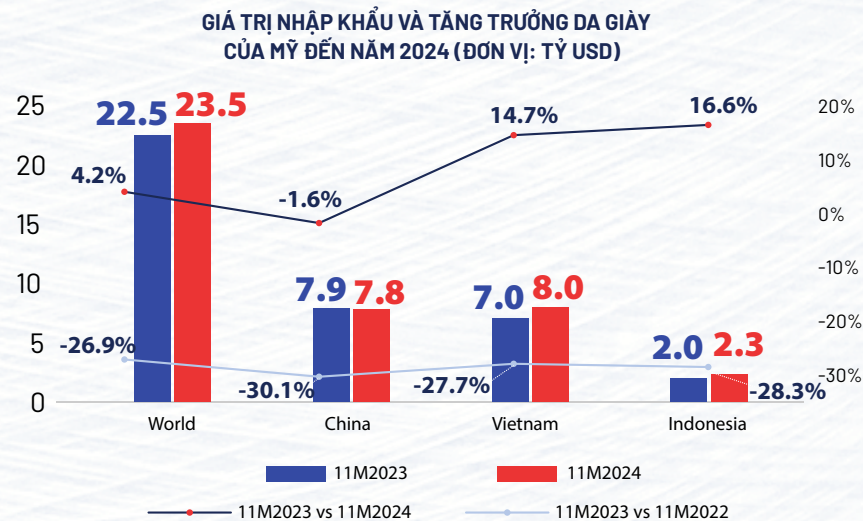
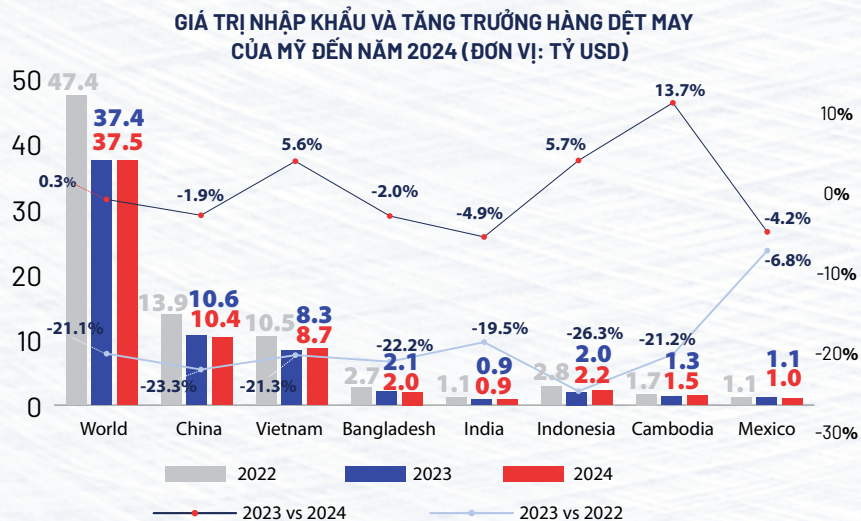
XUẤT KHẨU DA GIÀY VIỆT NAM THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2024



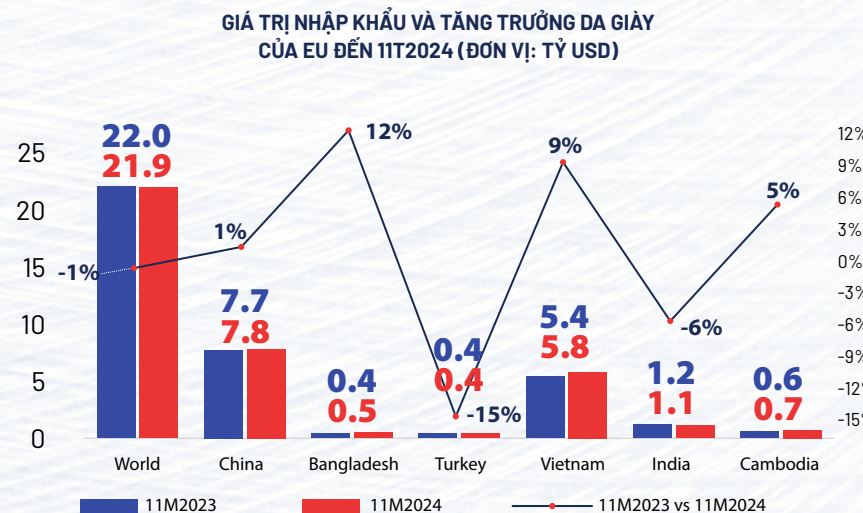
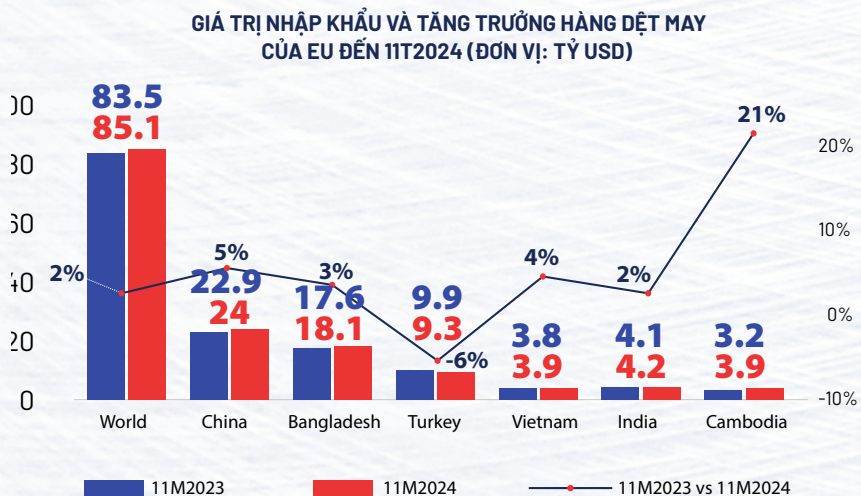
Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Tổng quan các thị trường nhập khẩu chủ lực dệt may và da giày của Việt Nam trong năm 2024

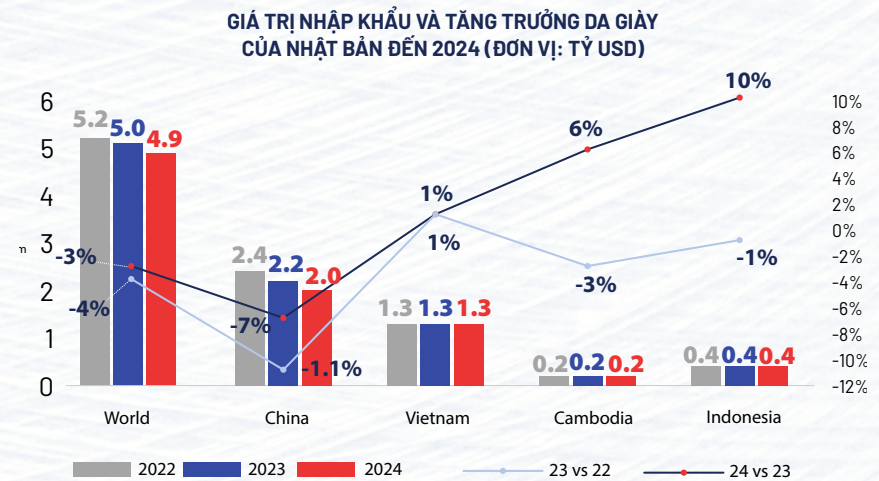
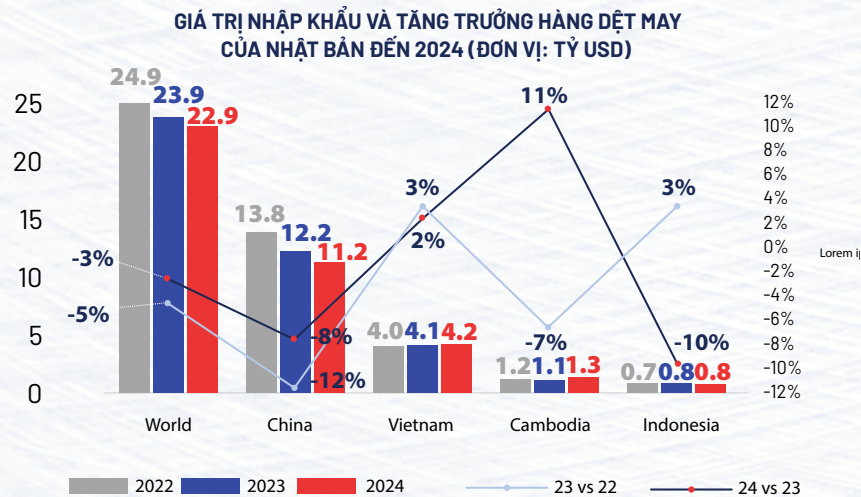
MỸ



LIÊN MINH CHÂU ÂU-EU

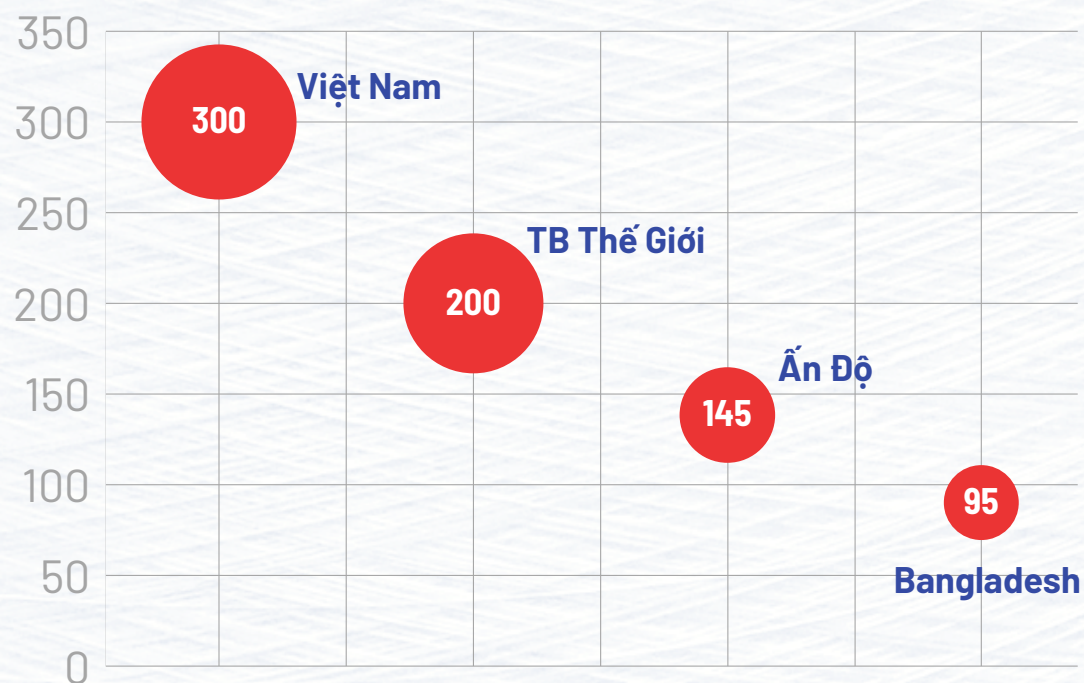


NHẬT BẢN



Lợi thế về chi phí lao động trong ngành dệt may Việt Nam đang dần suy giảm. Theo thống kê lương trung bình hàng tháng của công nhân ngành may mặc tại Việt Nam ở mức 300 USD, cao hơn so với mức trung bình 200 USD/người trên thế giới cũng theo đó mức lương trong ngành dệt may tại Việt Nam đang cao hơn nhiều lần so với mức lương tại Bangladesh (95 USD/người/tháng) hay Ấn Độ (145 USD/người/tháng).

Chi phí nhân công trong ngành dệt may USD/người/tháng



Nguồn: Bộ Công thương

Trước đây, lợi thế của ngành dệt may Việt Nam là lao động dồi dào, chi phí tiền lương cho nhân công ở mức thấp. Với lợi thế đó, dệt may trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam khi đóng góp trên 10% cho kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong những năm gần đây chi phí nhân công dần tăng lên hạn chế phần nào năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Tuy nhiên, ở khía cạnh tích cực, đây lại là động lực cho ngành để áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến góp phần nâng cao năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Mặc dù chi phí nhân công tăng nhưng bên cạnh đó trình độ nhân công được cải thiện đáng kể.

Theo báo cáo "USFIA Fashion Industry Benchmarking Study 2024" nhấn mạnh sự chuyển dịch trong chuỗi cung ứng, xu hướng đa dạng hóa nguồn cung và tác động của các chính sách thương mại đối với ngành thời trang Mỹ. Đây là nghiên cứu thường niên do Hiệp hội Ngành Thời trang Hoa Kỳ (USFIA) thực hiện, nhằm đánh giá những xu hướng và thách thức trong chuỗi cung ứng dệt may – thời trang toàn cầu. Báo cáo tổng hợp ý kiến từ các nhà lãnh đạo cấp cao của những thương hiệu và nhà bán lẻ thời trang hàng đầu tại Mỹ, mang đến góc nhìn toàn diện về chiến lược tìm nguồn cung ứng, biến động thị trường, cùng những rủi ro liên quan đến địa chính trị, tuân thủ lao động – xã hội và tác động môi trường.

Region	Sourcing destination	Speed to market	Sourcing cost	Flexibility and agility	Minimum order quantity (MOQ)	Vertical integration	Risk of labor and social compliance	Risk of environmental compliance	Geopolitical risk
Western Hemisphere	USA	● 4.0	◆ 1.5	▲ 3.0	● 4.0	◆ 2.5	● 4.0	● 4.0	● 4.0
	Mexico	● 4.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	CAFTA-DR	● 4.0	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
	Colombia	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
Asia	China	▲ 3.5	● 4.0	● 4.0	▲ 3.5	● 4.5	◆ 2.0	◆ 2.0	◆ 1.5
	Vietnam	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	Bangladesh	◆ 2.0	● 4.0	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.0
	Indonesia	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.5
	India	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.5
	Sri Lanka	◆ 2.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
	Cambodia	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.0
Rest of the world	Europe	▲ 3.5	◆ 2.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	● 4.0	● 4.0
	Türkiye	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	AGOA	◆ 1.5	● 4.0	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 1.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0
	Egypt	▲ 3.0	● 4.0	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0

Nguồn: 2024 Fashion Industry Benchmarking Study- USFIA

Lưu ý: Các số liệu trong bảng thể hiện đánh giá trung bình của người tham gia khảo sát đối với từng quốc gia trên thang điểm từ 1 (hiệu suất thấp hơn nhiều so với mức trung bình) đến 5 (hiệu suất cao hơn nhiều so với mức trung bình). Cụ thể:

- Điểm từ 4.0 - 5.0 thể hiện thế mạnh của quốc gia đó với vai trò là nguồn cung ứng.
- Điểm từ 3.0 - 3.9 thể hiện hiệu suất trung bình.
- Điểm từ 1.0 - 2.9 thể hiện điểm yếu của quốc gia đó trong cung ứng.

Nhìn vào bảng đánh giá có thể nhận thấy:

Trong năm 2024, các nhà cung cấp châu Á được đánh giá là có tính cạnh tranh cao về chi phí thu mua cũng như khả năng linh hoạt và nhanh nhạy (tức là có thể nhanh chóng điều chỉnh thời gian giao hàng, số lượng và loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng).

Tuy nhiên, theo ý kiến của các bên khảo sát, việc thu mua từ châu Á có thể đi kèm với rủi ro tuân thủ xã hội cao hơn so với các khu vực khác, bao gồm các vấn đề như lao động cưỡng bức, an toàn nhà máy và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, rủi ro tuân thủ môi trường cũng là một thách thức, chẳng hạn như việc sử dụng các chất bị hạn chế hoặc không đáp ứng các yêu cầu về phát thải chất ô nhiễm.

Các nhà cung cấp tại Bán cầu Tây, bao gồm các nước Mexico, Columbia và CAFTA-DR, có lợi thế về tốc độ tiếp cận thị trường nhờ vị trí địa lý gần với Hoa Kỳ. Các bên khảo sát cũng chỉ ra các nhà cung cấp tại khu vực này thường được đánh giá là có rủi ro thấp hơn so với một số quốc gia châu Á (các rủi ro tuân thủ xã hội và môi trường), do nhiều cơ sở sản xuất mới được xây dựng và có khả năng áp dụng thiết bị, công nghệ hiện đại để hướng tới sản xuất bền vững hơn. Tuy nhiên, các bên khảo sát cũng chỉ ra những hạn chế cạnh tranh của khu vực này, bao gồm chi phí thu mua tương đối cao, khả năng linh hoạt trong sản xuất còn hạn chế, cũng như nhu cầu mở rộng năng lực sản xuất dệt may nội địa.

Khảo sát năm 2024 cho thấy, trong khu vực châu Á, Việt Nam và Trung Quốc đang ngang bằng nhau với tổng điểm 25. Trung Quốc chiếm ưu thế hơn ở các tiêu chí như chi phí gia công, tính linh hoạt trong sản xuất và chiến lược tích hợp theo chiều dọc. Tuy nhiên, Việt Nam lại ghi điểm cao hơn về tuân thủ lao động và xã hội cũng như tuân thủ môi trường, với cả 2 chỉ tiêu đều đạt 3 điểm so với Trung Quốc (2 điểm-ở cả 2 chỉ tiêu). Điều này phản ánh sự khác biệt trong chiến lược phát triển bền vững giữa hai quốc gia.

Ngoài ra, các bên được khảo sát đã chỉ ra rằng Trung Quốc có rủi ro thu mua cao nhất liên quan đến địa chính trị trong năm 2024. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu gần đây, vốn ngày càng bày tỏ lo ngại về những tác động thương mại nghiêm trọng và rủi ro cao từ cuộc cạnh tranh chiến lược leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc, cũng như các nguy cơ xung đột quân sự tiềm tàng liên quan đến Đài Loan.

WTO cũng nhận định môi trường chính trị và xã hội của Việt Nam ổn định hơn so với Bangladesh và Ấn Độ-các quốc gia đa đảng, VND ổn định so với USD bên cạnh đó chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc là một yếu tố khác thúc đẩy các doanh nghiệp quốc tế chuyển cơ sở sản xuất của mình sang Việt Nam vì nhiều doanh nghiệp lo ngại về thuế quan và các hạn chế thương mại mà họ có thể phải đối mặt nếu hoạt động sản xuất vẫn ở Trung Quốc.

Từ các nhận định trên có thể thấy Việt Nam vẫn là điểm đến lý tưởng trong lĩnh vực gia công nói chung và gia công ngành dệt may nói riêng.

Với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các hiệp định thương mại tự do (FTA) ngày càng gia tăng nhanh chóng. Các hiệp định FTA này giúp các quốc gia thành viên phát triển sâu rộng, gắn kết với phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và liên kết toàn cầu.



Đến tháng 08-2023 Việt Nam đàm phán và ký kết thành công nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác thương mại trên toàn thế giới.

16 FTA đã được kí kết thành công

3 FTA đang trong quá trình đàm phán và khởi động đàm phán



Các FTA tạo ra các ưu đãi về cắt giảm thuế quan giúp tăng trưởng xuất khẩu dệt may Việt Nam hàng dệt may sẽ được hưởng thuế xuất nhập khẩu ưu đãi tới **0%**, mang lại lợi thế cạnh tranh lớn.

Hiệp định **CPTPP** có hiệu lực từ **30/12/2018**



Năm 2022, giá trị xuất khẩu sang các nước CPTPP tăng **19,5%**, **đạt 542 triệu USD**. Với những điều khoản trong CPTPP đã thúc đẩy **tăng kim ngạch xuất khẩu dệt may và tạo điều kiện phát triển xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong thời gian tới**.

RCEP có hiệu lực từ **01/01/2022**



Chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may thế giới. **RCEP sẽ giúp tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu dệt may sang 6 nước cũng cùng tham gia với CPTPP.** **Tỷ lệ tận dụng lợi thế từ các FTA hiện chỉ đạt mức 20-25%.** Tăng kim ngạch xuất khẩu dệt may chỉ tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.



Nhập khẩu vải và nguyên phụ liệu chiếm khoảng **40%** giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc. **70% vải nhập khẩu** phục vụ cho mục đích may xuất khẩu. **Chi phí cho nhập khẩu nguyên phụ liệu** chiếm khoảng **30%** tổng **giá trị xuất khẩu** của doanh nghiệp.

EVFTA có hiệu lực từ **01/08/2021**



Kim ngạch XK của Việt Nam sang EU mới chỉ chiếm khoảng **6%** tổng kim ngạch XK dệt may của Việt Nam **trước năm 2021**. **Các chính sách EVFTA giúp kim ngạch XK của Việt Nam sang EU tăng 8% trong năm 2021.** Đặc biệt, sang năm 2022 có sự tăng trưởng nhanh giá trị XK sang EU, trong đó thị trường chính là Đức tăng 57%.

UKVFTA có hiệu lực từ **01/05/2021**

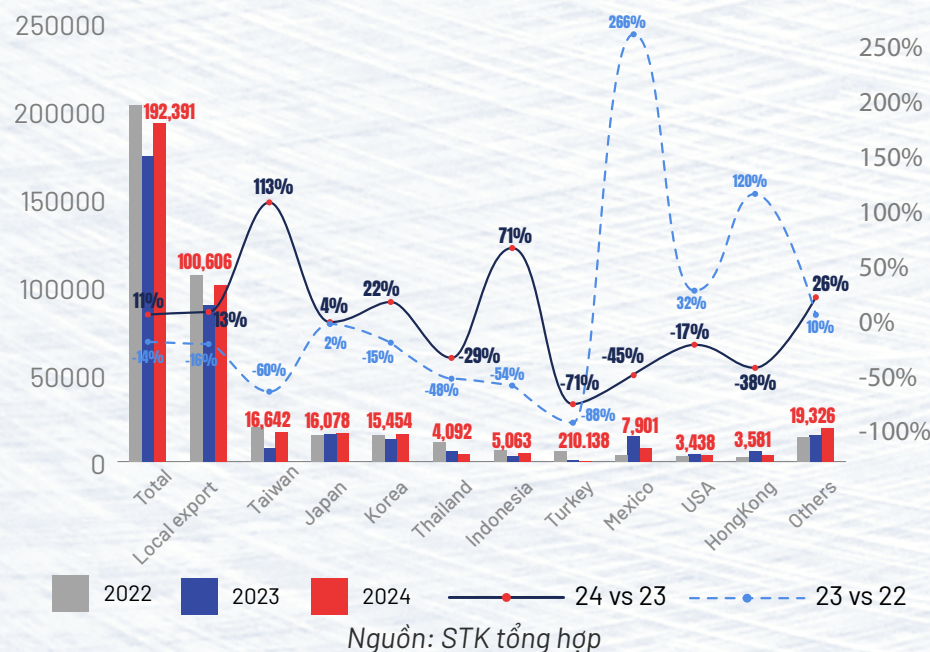


Nhập khẩu dệt may của Anh trước năm 2021 **21%** từ **Trung Quốc** **15%** từ **Bangladesh** Chỉ khoảng **2%** từ **Việt Nam** **Năm 2021**, giá trị này đạt 628 triệu USD, tăng **5% so với năm 2020**.

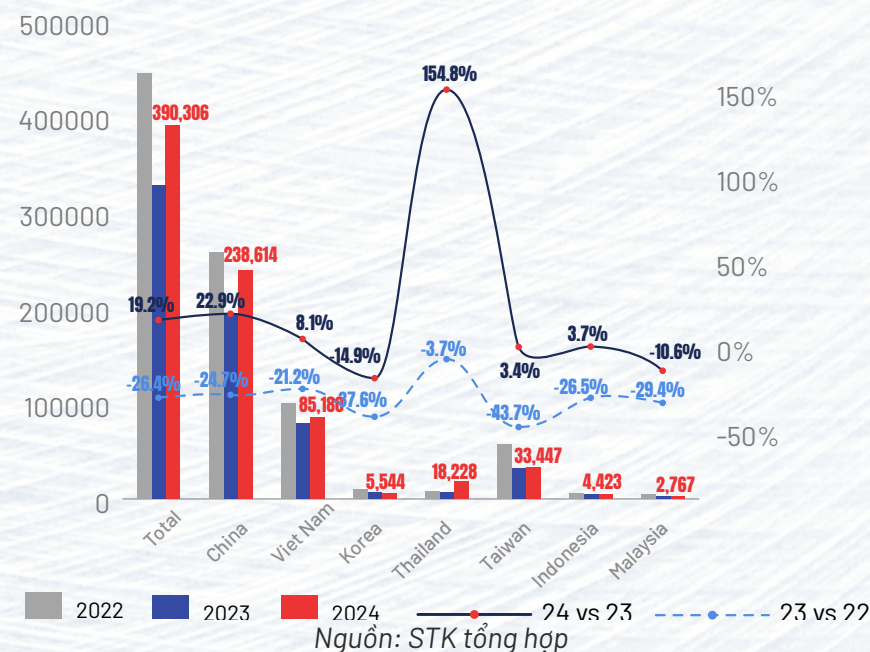
Nguồn: STK tổng hợp từ website Viện Nghiên Cứu Chiến Lược, Chính Sách Công Thương, Bộ Công Thương

Tình hình xuất nhập khẩu sợi polyester của Việt Nam.

Khối lượng xuất khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2024 (Đơn vị: tấn)



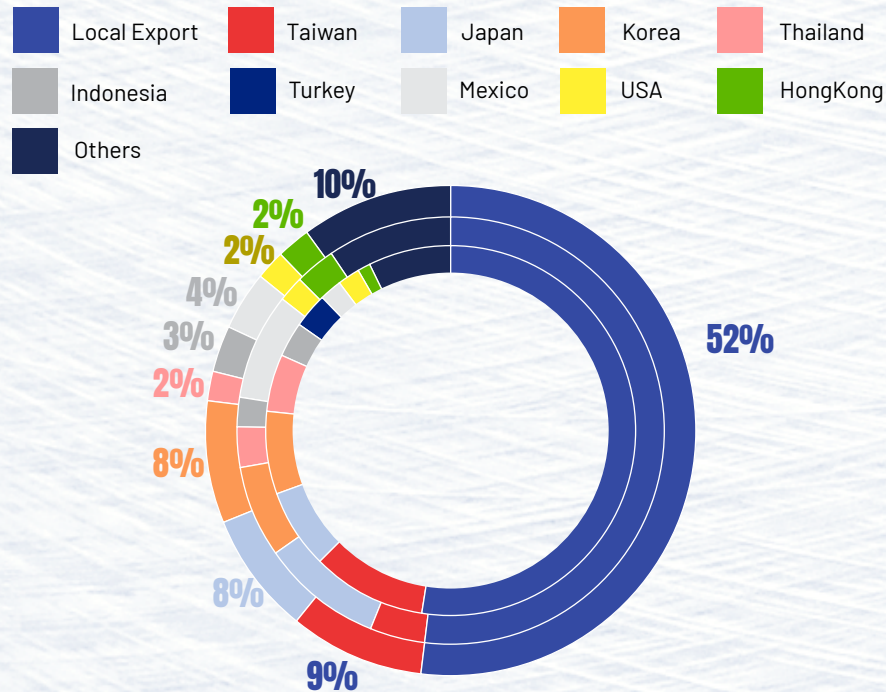
Khối lượng nhập khẩu sợi polyester của Việt Nam trong năm 2024 (Đơn vị: tấn)



Xét về xuất khẩu thì xuất khẩu tại chỗ vẫn đang chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu sợi polyester của Việt Nam tỷ lệ xuất khẩu tại chỗ là 52,5%, 51,3% và 52,3% lần lượt trong ba năm 2022, 2023 và 2024. Các thị trường xuất khẩu trực tiếp chủ lực của Việt Nam trong năm 2024 vẫn là những cái tên quen thuộc như Nhật Bản (8,4%), Hàn Quốc (7,3%), Đài Loan (8%), Thái Lan (2,1%). Trong đó Mexico chứng kiến sự sụt giảm mạnh từ mức 8,2% trong cơ cấu xuất khẩu năm 2023 xuống còn 4,1% năm 2024.

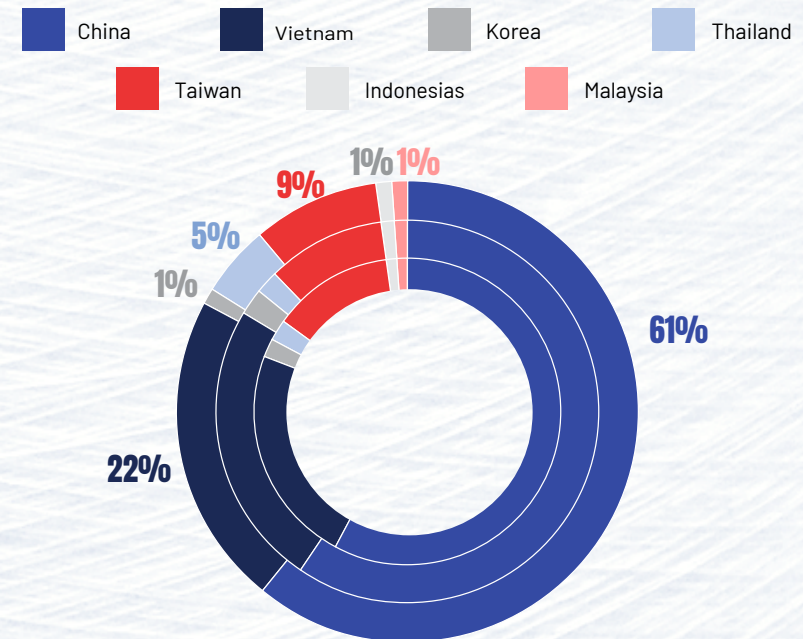
Xét về nhập khẩu tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc vẫn đang mức cao và liên tục tăng từ mức 58%, 59,3% và 61,5% tương ứng trong năm 2022, 2023 và 2024. Trong năm 2024, tỷ trọng nhập khẩu tại chỗ từ Việt Nam là 21,9% (giảm nhẹ từ mức 24,1% trong năm 2023) và tỷ lệ nhập khẩu tại thị trường Đài Loan là 8,6%.

Cơ cấu xuất khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2022, 2023 và 2024



Ghi chú: Vòng từ trong ra ngoài tương ứng 2022, 2023 và 2024

Cơ cấu nhập khẩu sợi Polyester của Việt Nam trong năm 2022, 2023 và 2024



Ghi chú: Vòng từ trong ra ngoài tương ứng 2022, 2023 và 2024

Hiện nay, tỷ trọng sợi polyester tái chế (sợi polyester recycle hay sợi recycle) trên tổng lượng sợi polyester xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam vẫn còn thấp. Tỷ trọng sợi polyester tái chế nhập khẩu trên tổng khối lượng polyester nhập khẩu tăng trưởng ổn định qua ba năm 2022, 2023 và 2024 lần lượt là 18,0%, 17,7% và 20,4%. Trong khi đó, xét về xuất khẩu tỷ trọng sợi polyester tái chế trên tổng khối lượng polyester vẫn ở mức thấp lần lượt là 13,8%, 8,1% và 13,3% trong năm 2022, 2023 và 2024.

Export/Year	2022	2023	2024
rPet export volume (tons)	27,869	14,059	25,618
vPet export volume (tons)	174,701	159,847	166,772
rPet export volume/ total polyester export volume	13.8%	8.1%	13.3%

Nguồn: STK tổng hợp

Import/Year	2022	2023	2024
rPet import volume (tons)	79,922	57,787	79,750
vPet import volume (tons)	364,908	269,540	310,550
rPet import volume/ total polyester import volume	18.0%	17.7%	20.4%

Nguồn: STK tổng hợp

Mặc dù tỷ lệ sợi tái chế trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu sợi polyester của Việt Nam còn thấp, nhưng đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để các doanh nghiệp dệt may chuyển đổi, đáp ứng các tiêu chuẩn “xanh hóa” trong sản xuất. Việc gia tăng tỷ lệ sợi tái chế trong tương lai theo yêu cầu của các nhãn hàng không chỉ giúp doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ các nhà nhập khẩu tại các thị trường lớn, mà còn góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác và hướng tới phát triển bền vững.

“Xanh hóa” ngành dệt may hiện tại là xu thế toàn cầu. Hiện nay, các yếu tố “xanh hóa” này không còn là lựa chọn mà đang dần bắt buộc tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam. Nếu như trước đây, các tiêu chuẩn này chỉ liên quan đến hoá chất, thuốc nhuộm được sử dụng trên nền tảng vải, thì giờ đây là yêu cầu sản phẩm sản xuất ra có bao nhiêu phần trăm từ nguyên liệu tái chế, bao nhiêu phần trăm có thể tuần hoàn, các yếu tố về tuổi thọ của sản phẩm...

Nắm bắt cơ hội phát triển và gắn kết với xu hướng phát triển bền vững, Sợi Thế Kỷ ngày càng tăng dần tỷ trọng cơ cấu sợi thân thiện với môi trường như sợi tái chế, tỷ trọng doanh thu sợi tái chế trên tổng doanh thu tăng dần qua các năm từ mức 44% năm 2020 lên đến 55% trong năm 2022. Trong năm 2023 và 2024, tỷ trọng doanh thu từ sợi tái chế trong tổng doanh thu giảm xuống còn 49,5% và 44,5%, chủ yếu do những khó khăn chung của ngành dệt may và áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ vững cam kết phát triển bền vững, kiên định với mục tiêu nâng tỷ trọng này lên 60%-70% trong giai đoạn 2026-2027, tận dụng tối đa năng lực của các nhà máy hiện hữu.

Đến 2024, Sợi Thế Kỷ đã gián tiếp tái chế 5,01 tỷ chai nhựa rác thải thành sợi recycle, góp phần giảm rác thải chai nhựa và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, STK cũng đã phát triển sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, tạo ra giải pháp thay thế công đoạn nhuộm truyền thống, giúp các khách hàng giảm lượng nước sạch tiêu thụ tới 89%, đồng thời giảm tương ứng mức xả nước thải và hóa chất ra môi trường, góp phần đạt được các cam kết của họ trong chiến dịch ZDHC. Mặc dù tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của sợi màu còn khiêm tốn 0,9% năm 2022, 0,83% năm 2023 và tăng lên 4,4% năm 2024, Công ty cũng đang tích cực mở rộng thêm nhiều khách hàng mua sản phẩm này và dự kiến tỷ trọng sản phẩm sợi màu sẽ tăng trong các năm tới.



STK cũng định hướng mở rộng phát triển dòng sợi tái chế từ nguyên liệu T-2-T (Textile-to-Textile), tận dụng vải vụn, quần áo cũ và sản phẩm lỗi để tạo ra sợi mới. Đây là giải pháp tiên tiến giúp giảm phụ thuộc vào nguyên liệu thô, hạn chế rác thải dệt may và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. So với sản xuất từ nguyên liệu nguyên sinh, T-2-T không chỉ giảm lượng rác thải mà còn tiết kiệm đáng kể nước, năng lượng và cắt giảm khí nhà kính. Hiện nay, nhiều thương hiệu thời trang hàng đầu đang tích cực ứng dụng mô hình này để đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, nâng cao uy tín thương hiệu và thu hút nhóm khách hàng quan tâm đến môi trường. Việc STK định hướng phát triển dòng sợi T-2-T không chỉ giúp doanh nghiệp đón đầu xu hướng xanh hóa ngành dệt may mà còn mở ra cơ hội hợp tác với các đối tác toàn cầu có cùng định hướng bền vững.

ZDHC là viết tắt của Zero Discharge of Hazardous Chemicals, là một tổ chức chuyên về loại bỏ các hóa chất nguy hiểm và thực hành áp dụng các hóa chất bền vững trong lĩnh vực thời trang. Chương trình Roadmap to Zero của ZDHC, mục tiêu là dẫn dắt ngành thời trang loại bỏ các hóa chất độc hại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu bằng cách xây dựng nền tảng cho hoạt động sản xuất bền vững hơn để bảo vệ người lao động, người tiêu dùng và hệ sinh thái hành tinh của chúng ta. Vào năm 2020, số lượng Nhà cung cấp đang hoạt động trên Cổng ZDHC đã tăng 41% so với năm trước và hiện có hơn 320 các bên ký kết từ khắp ngành thời trang bao gồm các thương hiệu, các nhà cung cấp, các nhà cung cấp hóa chất. Việc tham gia ZDHC của các thương hiệu gián tiếp làm gia tăng nhu cầu sợi màu vì sản phẩm sợi màu giúp cho các nhà máy nhuộm truyền thống giảm lượng nước sử dụng và hóa chất độc hại.

CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY (GRI 2-23)

(Xem thêm mục 8.4. Báo cáo quản trị- BCTN 2024)

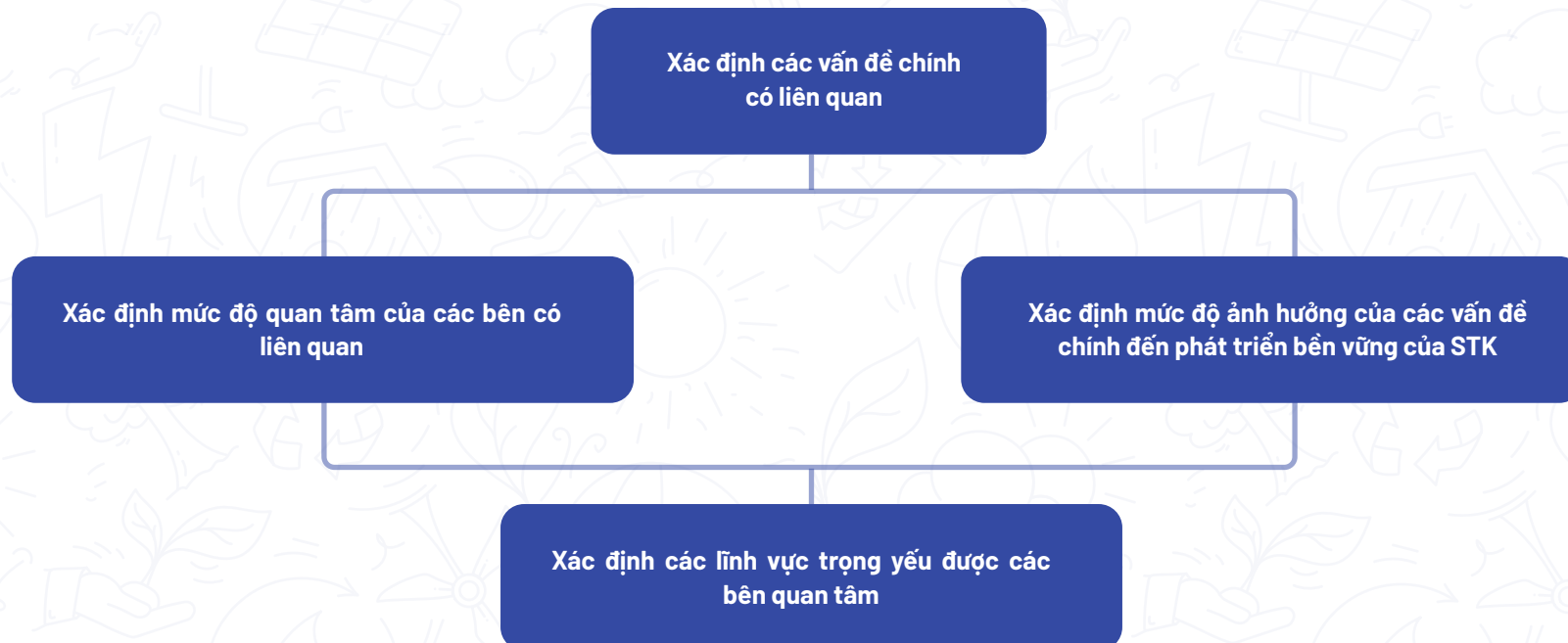
NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-23)

(Xem thêm mục III.7.2 i- BCPTBV 2024)

CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY (GRI 2-26)

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, bộ chuẩn mực quy tắc ứng xử được hệ thống hóa thành quy trình SOP và kiểm soát dưới tiêu chuẩn ISO, áp dụng rộng rãi đến tất cả người lao động và các bên liên quan, phòng phát triển doanh nghiệp là đơn vị trực tiếp tiếp nhận các khiếu nại liên quan đến nguyên tắc ứng xử trong Công ty và từ các bên liên quan, để từ đó cùng phối hợp với bộ phận nhân sự để điều chỉnh hoặc cập nhật các chính sách nhân sự phù hợp hơn đến các bên liên quan đặc biệt là người lao động.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP BÁO CÁO PTBV



NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-29)

Công ty dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và ngược lại những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK.

Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:

CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN STK



CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN THÔNG QUA CẬP NHẬT CÁC MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 2-29)

- Liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu.
- Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cổ đông	• Cuộc họp ĐHĐCĐ. • Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. • Hội thảo và tham quan nhà máy. • Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. • Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings.	• Minh bạch thông tin. • Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. • Quản trị doanh nghiệp tốt. • Định hướng phát triển lâu dài. • Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. • Định hướng phát triển bền vững. • Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). • Chính sách cổ tức. • Thù lao cho HĐQT, BKS, BĐH. • Giá trị của doanh nghiệp. • Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint.	• Doanh thu đạt 1.210 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 12,4 tỷ VND, hoàn thành lần lượt 45% và 4,1% kế hoạch đề ra. • Tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu đạt 44,5% trong năm 2024. • Trả cổ tức năm 2023,2024 cho cổ đông bằng cổ phiếu với tỷ lệ 45%-sẽ được chi trả sau khi công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ. • Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus. • Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. • Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. • Đa dạng các kênh công bố thông tin. • Thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Khách hàng	- Trao đổi trực tiếp. - Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. - Phiếu khảo sát khách hàng. - Website Công ty. - Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. - Email, điện thoại.	- Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín. - Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. - Giá cả cạnh tranh. - Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. - Dịch vụ khách hàng vượt trội. - Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. - Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. - Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. - Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. - Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint.	- Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuộm rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. - Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. - Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. - Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. - Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. - Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm. - Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. - Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). - Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. - Đạt chứng chỉ GRS(Global Recycle Standard). - Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Người lao động	- Chương trình Tôn chỉ. - Các cuộc họp giao ban. - Đối thoại định kỳ với người lao động. - Hội nghị người lao động hàng năm. - Trực tiếp trao đổi với người quản lý. - Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. - Phiên họp thương lượng tập thể.	- Môi trường làm việc thoải mái an toàn. - Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. - Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. - Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. - Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. - Cơ hội thăng tiến trong công việc. - Tầm nhìn của người lãnh đạo. - Sự công bằng và dân chủ. - Không phân biệt đối xử. - An toàn lao động trong nơi làm việc. - Công việc ổn định và được hướng dẫn.	- Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. - Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 12 người trong năm 2024 - Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. - Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. - Thực hiện cơ chế 5s, cải thiện môi trường làm việc. - Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. - Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 17,18,19/12/2024. - Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.
Nhà cung ứng	- Gặp gỡ trực tiếp. - Tham quan nhà máy. - Thông qua email, điện thoại. - Thu thập thông tin qua khảo sát	- Uy tín, cộng tác dài lâu. - Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. - Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. - Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.	- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. - Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. - Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. - Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Nhà nước	- Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. - Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. - Các văn bản hành chính của nhà nước.	- Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. - Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. - Hỗ trợ phát triển cộng đồng. - Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. - Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.	- Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. - Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. - Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. - Ủng hộ chủ trương của nhà nước. - Nộp thuế đầy đủ. - Hỗ trợ phát triển địa phương. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Ngân hàng đối tác	- Các cuộc gặp mặt trực tiếp. - Điện thoại và email.	- Công ty hoạt động bền vững và uy tín. - Mình bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. - Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. - Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển - Sử dụng năng lượng tái và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	- Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. - Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. - Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cộng đồng địa phương	- Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. - Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. - Các hoạt động xã hội cộng đồng	- Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. - Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. - Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. - Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	- Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. - Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. - Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. - Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. - Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, liên minh Sợi-Dệt-May. - Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành.	- Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. - Đóng góp hội phí thường niên. - Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA).

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (GRI 3-1, GRI 3-2, GRI 3-3)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2024.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (GRI 3-1)

Bước 1

Xác định các lĩnh vực trọng yếu có thể ảnh hưởng sự phát triển bền vững của STK

- Phân tích thị trường kinh doanh và nắm bắt định hướng nhu cầu khách hàng.
- Đánh giá rủi ro tình hình bùng phát dịch bệnh trên thế giới.
- Phân tích dữ liệu xuất nhập khẩu, đánh giá tình hình cạnh tranh tại các thị trường chính.
- Tiếp nhận và phân tích các ý kiến đóng góp từ các kênh tiếp xúc của các bên có liên quan

Bước 2

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- Tổng hợp các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm.
- Tiếp nhận ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị bổ sung các vấn đề trọng yếu.
- Cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.
- Sàng lọc các vấn đề trọng yếu phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty.
- Chia các vấn đề trọng yếu theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

Bước 3

Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

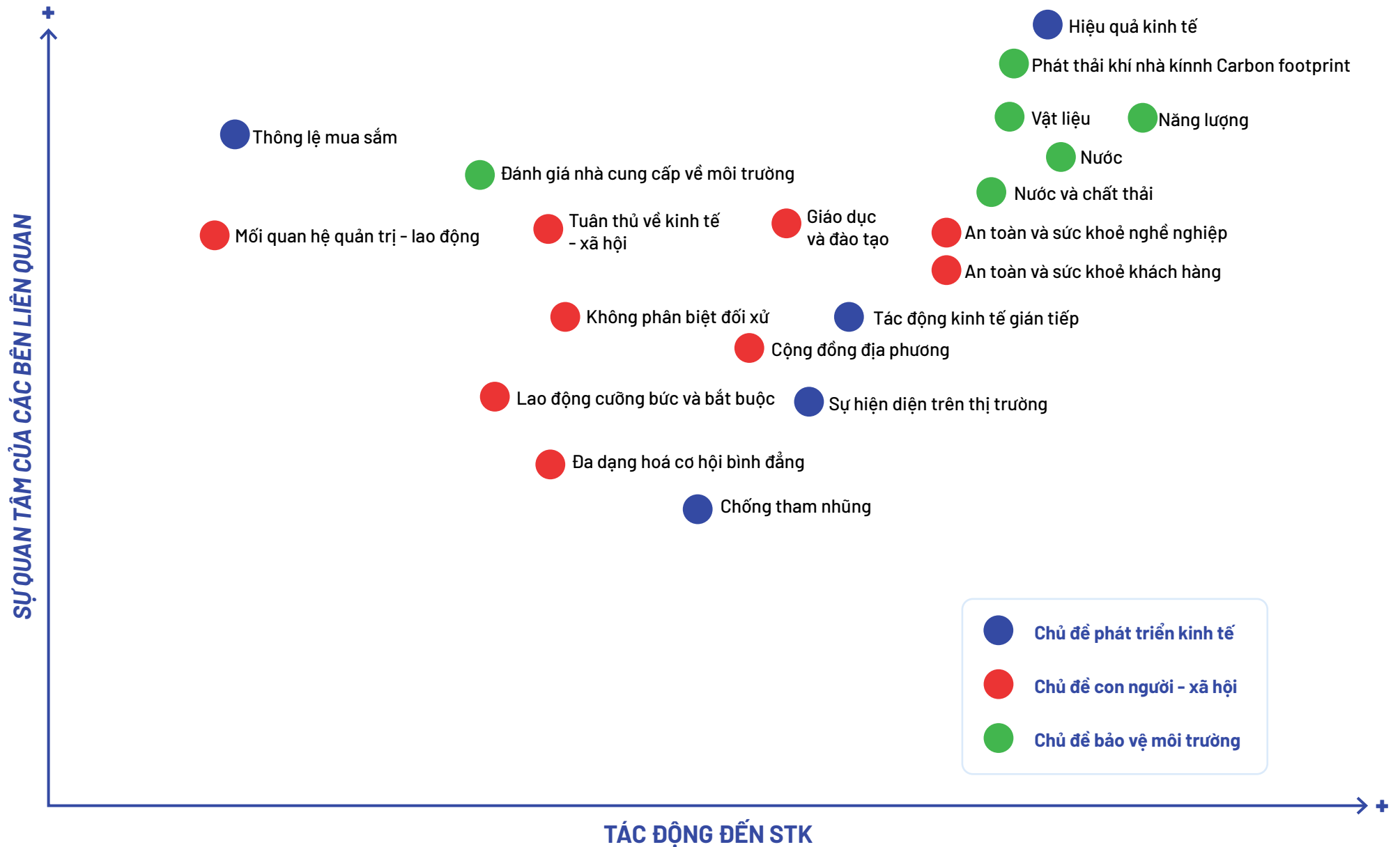
- Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu.
- Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao.
- Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu.

Bước 4

Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

- Rà soát kết quả sau khi thực hiện.
- Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan.
- Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU 2024

(GRI 3-2)

KINH TẾ

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU:

- Duy trì và ổn định đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận.
- Phát triển thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.
- Nâng cao tỷ lệ bán hàng sợi recycle, sợi có giá trị gia tăng cao, sợi thân thiện với môi trường.
- Phát triển kinh tế cộng đồng địa phương thông qua nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU:

- Hiệu quả kinh tế 2024
- Tác động kinh tế gián tiếp
- Sự hiện diện trên thị trường
- Chống tham nhũng

MÔI TRƯỜNG

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU:

- Tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả thông qua đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại.
- Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng tái tạo năng lượng mặt trời.
- Giảm phát thải khí nhà kính, khí thải, tăng cường tái chế sợi phế, tái sử dụng nguyên vật liệu và nước tuần hoàn.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU:

- Phát thải khí nhà kính Carbon footprint
- Vật liệu
- Năng lượng
- Nước
- Nước thải và chất thải
- Phát thải
- Tuân thủ môi trường

LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU:

- Duy trì lượng lao động và nâng cao quyền lợi lao động.
- Xây dựng chính sách phúc lợi, thu nhập và bảo vệ sức khỏe người lao động.
- Duy trì việc làm ổn định cho người lao động.
- Duy trì môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.
- Tạo cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU:

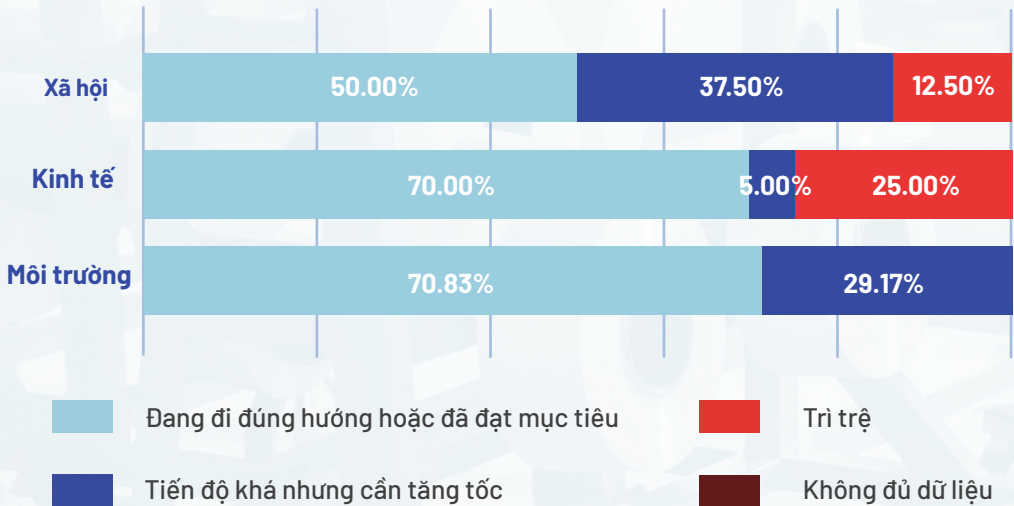
- Việc làm ổn định
- Giáo dục đào tạo
- Thăng tiến và cơ hội phát triển nghề nghiệp
- An toàn và sức khỏe khách hàng
- Chia sẻ với cộng đồng địa phương

Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững của STK đến năm 2024

STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

Environmental-Môi trường	Economic-Kinh tế	Social-Xã hội
Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	Doanh thu	Tỷ lệ biến động nhân sự
Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành
Nước sử dụng m3/kg sợi	Mức tăng lương bình quân tối thiểu	Đáp ứng nhu cầu nhân sự
Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	Chi trả cổ tức cho người lao động 15% mệnh giá	
Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương)	Quản lý ngân sách lương
Tỷ lệ sợi recycle		

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2024



Tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2024, xét theo mức độ “Đang đi đúng hướng hoặc đã đạt được mục tiêu”, cho thấy dấu hiệu suy giảm so với năm trước. Cụ thể, tỷ lệ hoàn thành của ba tiêu chí Môi trường, Kinh tế, và Xã hội lần lượt giảm từ 77,78%, 80%, và 58,33% trong năm 2023 xuống còn 70,83%, 70%, và 50% vào năm 2024. Đặc biệt, tiến độ thực hiện mục tiêu về Kinh tế có sự sụt giảm đáng kể, chủ yếu do kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng, khiến Công ty không thể hoàn thành kế hoạch đề ra. Điều này phản ánh những thách thức mà STK phải đối mặt trong việc duy trì lộ trình phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế biến động.

TIẾP TỤC ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2028

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2026-2028

- Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới Unitex nhằm đạt lợi thế về qui mô. Đưa vào hoạt động giai đoạn 2 (24.000 tấn/năm) nhà máy Unitex,
- Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA).
- Tập trung phát triển các loại **sợi thân thiện với môi trường** (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu.
- Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ **44,5%** năm **2024** lên **60%-70%** vào năm **2026-2027** trên các nhà máy hiện hữu.
- Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy.
- Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm.
- Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói.
- Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm **3-5%** lượng điện tiêu thụ mỗi năm.
- Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)).

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2025

- Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (**36.000 tấn/năm**) vào chạy thử nhiệm nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, dự kiến sẽ vận hành chính thức vào **Q2.2025**.
- Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng.
- Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tỷ trọng sợi recycle **mục tiêu năm 2025** là **60,8%** trên tổng doanh thu của cả ba nhà máy **Trảng Bàng, Củ Chi và Unitex**
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.
- Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- Triệt để **tuân thủ** các tiêu chuẩn sản xuất của **REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS** và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.
- **Áp dụng smart factory** nâng cao hiệu suất của nhà máy, giúp giảm lỗi phát sinh và giảm hàng lỗi, giảm phế phẩm từ đó tiết kiệm nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng.
- Kho tự động giúp tăng tốc độ xử lý, giảm sai sót, giảm nhân công và tiết kiệm không gian lưu trữ. Nhờ ứng dụng công nghệ này, STK có thể giám sát hàng tồn kho theo thời gian thực và cải thiện hiệu suất vận hành. Đây là giải pháp hiện đại giúp nâng cao hiệu quả logistics và giảm chi phí nhân công.

Tiếp tục bám sát và gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty, đảm bảo lộ trình thực hiện các mục tiêu đã đề ra. STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2025-2028 của doanh nghiệp, cụ thể



MỘT CUỘC SỐNG TỐT HƠN

- Tạo ra thêm công ăn việc làm.
- Tăng thu nhập cho người lao động.
- Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động
- Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ.
- Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,
- Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.

MỘT MÔI TRƯỜNG TỐT HƠN

- Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.
- Không sử dụng hóa chất độc hại.
- Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.
- Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại.
- Sử dụng năng lượng hợp lý.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Sử dụng năng lượng mặt trời.
- Sáng kiến tiết kiệm điện.
- Hạn chế phát thải khí nhà kính carbon footprint.
- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, xanh sạch.
- Ký cam kết SBTi cam kết cắt giảm 213.792 tấn CO2 trong giai đoạn 2023-2027.
- Dự án Smart factory giúp giám sát lỗi phát sinh và giảm số lượng hàng lỗi, gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu đầu vào.

SỰ PHÁT TRIỂN TỐT HƠN

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.
- Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.

1

XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU VỀ SẢN
XUẤT-KINH DOANH, MÔI TRƯỜNG
VÀ LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

2

XÂY DỰNG KPIS THEO SOPS CHO
TỪNG PHÒNG BAN LIÊN QUAN
THEO CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ

3

GIÁM SÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN KPIS
HÀNG THÁNG

4

BAN ĐIỀU HÀNH XEM XÉT VÀ ĐÁNH
GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KPIS CỦA
CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

5

ĐƯA RA PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VẤN
ĐỀ PHÁT SINH NẾU CÓ HOẶC TẠO ĐIỀU
KIỆN ĐỂ NÂNG CẤP KPIS

Cách thức triển khai

thực hiện định hướng mục tiêu phát triển bền vững đề ra:

Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:

KPIs cụ thể:

MỤC TIÊU PTBV	BỘ PHẬN LIÊN QUAN	KPIS	NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT
KINH TẾ	Kinh Doanh	- Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận. - Số lượng khách hàng và thị trường mới.	- Tổng Giám Đốc Công ty. - Trưởng phòng kinh doanh - Trợ lý kinh doanh. - Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu
TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM	Kinh Doanh	- Thời gian giao hàng. - Chất lượng sản phẩm.	- Tổng Giám Đốc Công ty. - Trưởng nhóm QA. - Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.
	Đánh giá chất lượng QA	- Phản hồi khách hàng. - Thái độ phục vụ. - Thời gian giải quyết khiếu nại.	
	Quản lý chất lượng QC	- Giá cả cạnh tranh hợp lý. - Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm	
MÔI TRƯỜNG	Tổng vụ	- Mức tiêu hao điện sử dụng. - Mức tiêu hao nước sử dụng. - Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn. - SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự. - Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng. - Chi phí điện, nước. - Thực hiện tiết kiệm điện, nước. - Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải. - Chi phí xử lý nước thải, rác thải	- Tổng Giám Đốc Công ty. - Giám đốc tổng quản lý. - Trưởng bộ phận Thu mua. - Trợ lý TGĐ về thu mua. - Trưởng bộ phận Utility. - Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ. - Nhân viên ISO.
	ISO team		
	Utility		
	Thu mua		

MỤC TIÊU PTBV	BỘ PHẬN LIÊN QUAN	KPIS	NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT
QUYỀN CON NGƯỜI TẠI NƠI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	Nhân sự	- Kết quả tuyển dụng. - Tỷ lệ đáp ứng lao động.	- Tổng Giám Đốc Công ty. - Giám Đốc tổng quản lý. - Trưởng bộ phận nhân sự. - Trưởng nhóm đào tạo. - Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ. - Nhân viên ISO.
	Đào Tạo	- Kết quả thực hiện đào tạo. - Quản lý chi phí đào tạo. - Tỷ lệ biến động nhân sự. - SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự.	
	ISO team	- Tỷ lệ nhân viên được đề bạt. - Quản lý chi phí lương, phúc lợi. - Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn - vệ sinh.	
	Tổng Vụ	- Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động. - Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi.	

KPIs cụ thể của các phòng ban STK trong năm 2025.

Phòng ban	Chỉ tiêu	Đơn vị	KPIs 2025
Kinh doanh	Doanh số	Tấn	76.000
	Số lần khiếu nại của khách hàng	Lần	≤1
Tổng vụ	Để xảy ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty.	Lần	0
	Số lần vi phạm kiểm soát hàng ra/vào cổng không đúng số lượng,giao cho khách hàng	Lần	0
	CBCNV vi phạm ra/vào cổng không có giấy theo quy định	Lần	0
	Phòng Tổng vụ lập biên bản cán bộ nhân viên và khách hàng không tuân thủ các quy định về ATLĐ, PCCC,5S, bảo vệ môi trường, bảo quản tài sản, cơ sở hạ tầng, nội quy công ty quy định.	Lần	72
	Vi phạm không đảm bảo chất lượng bữa ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm	Lần	0
	Số vụ tai nạn lao động xảy ra trong công ty	Lần	0
	Đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra, bảo trì hệ thống PCCC nội bộ trong công ty, không xảy ra vi phạm	Lần	0
Thu mua	Phát triển nhà cung cấp mới	NCC	23
	Kiểm soát chi phí nhập khẩu	%	99
	Mua NVL chậm trễ liên quan trực tiếp đến sản xuất	Lần	0

Phòng ban	Chỉ tiêu	Đơn vị	KPIs 2025
Xuất Nhập Khẩu	Kiểm soát tờ khai XNK, tuân thủ quy định	Lần	1
	Kiểm soát giá vận chuyển container xuất nhập	%	99.60%
Utility	Tiêu hao điện POY trên kg sợi	Kw/kg sợi	1.09
	Tiêu hao điện DTY trên kg sợi	Kw/kg sợi	1.49
	Tiêu hao điện FDY trên kg sợi	Kw/kg sợi	1.55
	Tiêu hao nước POY trên kg sợi	Kw/kg sợi	0.0029
	Tiêu hao nước DTY trên kg sợi	Kw/kg sợi	0.0017
	Tiêu hao nước FDY trên kg sợi	Kw/kg sợi	0.0022
	Sự cố line	Lần	8.7
	Sự cố máy	Lần	20
Nhân sự	Tỷ lệ biến động nhân sự	%	25
	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành	%	20
	Đáp ứng nhu cầu nhân sự	%	95
	Quản lý ngân sách lương	%	97

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA: (GRI 2-5)

- » STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo.
- » Dữ liệu về hoạt động của STK được đảm bảo chéo của bên thứ ba, tăng tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:

- Quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được chuẩn hóa thành SOPs và đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
- Quy trình vận hành và hệ thống quản trị được đánh giá định kỳ 2 năm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Chỉ số trách nhiệm xã hội được đánh giá định kỳ theo tiêu chuẩn một số khách hàng là các thương hiệu thời trang hàng đầu trên thế giới.
- Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, hệ số phát thải nhà kính CO2, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
- Thông tin về xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
- Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
- Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
- Thông tin về kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
- Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
- Thông tin tiêu chuẩn lao động – xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi bộ phận nhân sự và được đảm bảo theo báo cáo tình hình lao động gửi TANIZA và HEPZA.
- Trong năm 2024, STK đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) thực hiện kiểm toán năng lượng. Nhằm đánh giá

hiệu quả sử dụng năng lượng tại hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi, xác định các khu vực có tiềm năng tiết kiệm và đề xuất giải pháp tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng. Thông qua quá trình này, STK có thể giảm chi phí vận hành, cải thiện hiệu suất sản xuất và góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, kiểm toán năng lượng giúp Công ty tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng và đối tác quốc tế. Đây cũng là bước quan trọng trong chiến lược giảm phát thải carbon và hướng tới sản xuất xanh.

- Cuối năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với ENERTEAM, chỉ định đơn vị này làm đơn vị tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Kết quả kiểm kê sẽ được tổng hợp vào báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng trước ngày 31/03/2025, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Đây là bước quan trọng trong cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững.
- Các báo cáo kiểm toán năng lượng và báo cáo kiểm kê KNK của ENERTEAM được lập và tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14064-1:201, GHG Protocol, PCC Guidelines và các quy định của Việt Nam như: Thông tư 17/2022/TT-BTNMT, Nghị định 06/2022/NĐ-CP.
- Ngoài ra, một bên quan trọng giúp xác thực dữ liệu của STK chính là các khách hàng hiện hữu và tiềm năng. Đặc biệt, nhóm khách hàng hiện hữu thường xuyên theo dõi và cập nhật dữ liệu phát triển bền vững của STK thông qua các cuộc kiểm toán và khảo sát về tiến độ thực hiện PTBV. Ví dụ, trong năm 2023, STK đã được một thương hiệu thời trang quốc tế thực hiện kiểm toán về môi trường và trách nhiệm xã hội. Các số liệu STK cung cấp cho nhãn hàng này, cùng với kết quả khảo sát từ họ, đã được ghi nhận và công bố trên ICS (Initiative for Compliance and Sustainability) – một nền tảng kiểm toán quốc tế nhằm thúc đẩy tính minh bạch và tuân thủ trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng. Việc công bố dữ liệu trên ICS không chỉ giúp khách hàng có cái nhìn rõ ràng hơn về cam kết của STK mà còn góp phần đảm bảo tính minh bạch và chính xác của thông tin mà STK cung cấp.

ESG

98 VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

99 CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO

100 PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU.

**VAI TRÒ CỦA
QUẢN TRỊ RỦI RO
TRONG CHIẾN
LƯỢC PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

- Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố biến động khó lường như tình hình lạm phát, khủng hoảng năng lượng, xung đột chính trị và chiến tranh dẫn đến các ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Century đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và xác định các rủi ro tiềm ẩn có thể tạo ra khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Quản trị rủi ro trong Công ty đóng vai trò rất quan trọng như một công cụ giúp cho doanh nghiệp duy trì và tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển bền vững theo mục tiêu PTBV đặt ra. Thông qua việc quản lý và giải quyết các rủi ro tiềm ẩn, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được đảm bảo liên tục, từ đó ổn định các cân cân PTBV như Hiệu quả phát triển kinh tế, Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội.

Tầm quan trọng của quản trị rủi ro đối với Sợi Thế Kỷ:



Tăng cường công tác quản trị bằng cách cung cấp thông tin cho HĐQT các rủi ro trọng yếu và các biện pháp.

1

2

Hỗ trợ Công ty hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra (có cả chiến lược PTBV) thông qua các công cụ quản trị rủi ro.

Củng cố lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư và các bên liên quan.

3

4

Tối ưu nguồn lực Công ty sử dụng cho quản lý và xử lý các rủi ro chính

Giúp Công ty tiết kiệm các khoản kinh phí không cần thiết.

5

6

Đánh giá được mức độ rủi ro, rủi ro nào cần xử lý trước, rủi ro nào cần xử lý sau.

Tìm ra cơ hội để cải thiện và tiếp tục phát triển.

7

CÁCH THỨC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại Sợi Thế Kỷ, hệ thống quản trị rủi ro được thực hiện theo nguyên tắc 3 vòng bảo vệ:

Vòng bảo vệ 1		Vòng bảo vệ 2		Vòng bảo vệ 3
				
Quản lý các hoạt động hàng ngày theo hệ thống SOPs.	Kiểm soát nội bộ việc tuân thủ, các trưởng bộ phận có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình.	Kiểm soát tài chính.	Đơn vị Tài Chính.	Kiểm toán nội bộ Cơ quan kiểm toán độc lập (bên ngoài).
		Kiểm soát an ninh, an toàn, vệ sinh, môi trường.	Đơn vị Tổng Vụ.	
		Quản lý rủi ro chất lượng sản xuất.	Đơn vị ISO, Quản lý chất lượng, QA.	
		Kiểm tra tuân thủ toàn Công ty.	Đơn vị Tổng Vụ- kiểm soát nội bộ.	

- Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp. Tuy nhiên, do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu SAP nên AFC chưa thể hoàn thành được một số công việc kiểm toán. Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Kiểm toán nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện và khắc phục những hạn chế của hệ thống quản lý quản trị doanh nghiệp của Sợi Thế Kỷ. Thực tế đã chứng minh các công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ hoạt động hiệu quả, minh bạch hơn và có kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn.
- Bên cạnh đó kiểm toán nội bộ sẽ giúp Sợi Thế Kỷ tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và các quy định có thể có tác động đáng kể đến công ty, giúp kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt, giảm thiểu đáng kể các rủi ro liên quan đến các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị, giảm thiểu các rủi ro liên quan đến các giao dịch và hoạt động của Công ty, đặc biệt là các giao dịch với người có liên quan và giao dịch có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính quý, năm.

PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU.

(Tham khảo thêm mục 4. Báo cáo quản trị rủi ro – BCTN 2024)

Bên cạnh danh sách các chủ đề rủi ro trọng yếu được đề cập trong báo cáo thường niên năm 2024, Sợi Thế Kỷ cũng tự thực hiện đánh giá rủi ro liên quan các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) riêng biệt theo khung tiêu chuẩn được lập và công bố bởi tổ chức IFC

ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI		Khả năng xảy ra rủi ro		
		Rất ít khi xảy ra : 1	Thỉnh thoảng xảy ra : 2	Thường xuyên xảy ra : 3
Mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động	Thấp : 1	1	2	3
	Trung bình : 2	2	4	6
	Cao : 3	3	6	9
Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Thấp : 1	1	2	3
	Trung bình : 2	2	4	6
	Cao : 3	3	6	9

Phân loại rủi ro theo mức độ nghiêm trọng của rủi ro

Risk < 6	$6 \leq \text{Risk} \leq 9$	Risk > 9
Thấp	Trung bình	Cao

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 1: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI					
1. Chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp.	2	1	2	Có một Kế hoạch hoặc Thủ tục Ứng phó Khẩn cấp.	Để ứng phó với các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh có thể xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Công ty chủ động thực hiện các chương trình diễn tập nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn CBCNV Công ty có thể phản ứng kịp thời khi có các sự cố xảy ra. Định kỳ Công ty thực hiện diễn tập hoạt động PCCC, Sơ cấp cứu, thoát hiểm cứu nạn 1 năm/lần tại hai nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, nhằm nâng cao nhận thức và huấn luyện toàn thể nhân viên hiểu biết các phương án phản ứng khi có sự cố xảy ra.
2. Năng lực E&S tương xứng với rủi ro ngành.	3	1	3	Có lực lượng nội bộ / bên ngoài về E&S (đơn vị / bộ phận E&S, nhân viên E&S có trình độ nội bộ để xác định và giám sát rủi ro E&S liên quan đến việc phát triển và hoạt động mới, quy trình chính thức thuê ngoài để kiểm tra E&S từ các chuyên gia tư vấn bên ngoài có trình độ).	Công ty chính thức bổ nhiệm nhân sự chuyên trách lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty. Nhân viên chuyên trách có nhiệm vụ theo dõi các hoạt động về an toàn, môi trường, sức khỏe của Công ty hàng ngày. Định kỳ phối hợp với đơn vị đánh giá thực hiện báo cáo quan trắc môi trường và thực hiện đào tạo an toàn lao động cho toàn thể nhân viên Công ty.

PHÒNG THEO CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (E&S) CỦA IFC DÀNH CHO DOANH NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG.

Following on IFC's environmental and social performance (e&s) indicators for capital market.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
3. Xác định rủi ro và tác động của E&S	3	1	3	Có các chính sách và quy trình để xác định rủi ro và tác động của E&S đối với hoạt động của Công ty.	Công ty có xây dựng hệ thống đánh giá và quản trị rủi ro trong kinh doanh bao gồm các rủi ro về môi trường và xã hội và được cập nhật hàng năm. Xem Phụ lục 4 – Mục Quản trị rủi ro – Báo cáo thường niên 2024.
4. Tuyên bố ý định liên quan đến E&S	2	1	2	Có một Chính sách Môi trường & Xã hội được phê duyệt bởi quản lý cấp cao.	Công ty chính thức ban hành bằng văn bản Cam kết về chính sách xã hội và bảo vệ môi trường theo Tiêu chuẩn GRS 4.0 từ năm 2019.
5. Thông tin đến các bên liên quan về tác động và cơ hội.	3	1	3	Thông tin được công bố cho các bên liên quan.	Công ty niêm yết từ năm 2015 nên Công ty đã xây dựng một hệ thống CBTT một cách rộng rãi và minh bạch các thông tin của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV và BCTN. Cụ thể: -CBTT thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. -CBTT thông qua việc đăng tải lên website Công ty, HOSE và UBCKNN. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng tab PTBV riêng biệt trên website Công ty để CBTT cho các vấn đề PTBV của Công ty bao gồm cả báo cáo PTBV (được lập riêng kể từ năm 2015 cho đến nay). Links: 1.http://thekey.vn/cen/bao-cao-thuong-nien. 2.http://thekey.vn/cen/phan-trien-ben-vung/ 3.http://www.hsx.vn

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
6. Phản hồi của các bên liên quan	3	1	3	Cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan	Công ty liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan. Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu. Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng. STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ. Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp. Tham khảo BCPTBV – Các kênh phản hồi thông tin của các bên liên quan- III.7.2
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN 2: LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC					
7. Bảo vệ lao động hợp đồng	3	1	3	Tuân thủ các quy định về giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng hợp pháp.	Tất cả các lao động làm việc ở STK đều có hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định là hợp đồng thử việc với thời gian thử việc từ 6-60 ngày tùy theo vị trí công việc, hợp đồng đào tạo từ 30-60 ngày tùy theo từng vị trí và hợp đồng lao động có thời hạn (áp dụng cho CBCNV đã qua giai đoạn thử việc/đào tạo), hợp đồng lao động vô thời hạn (áp dụng với những người đã làm trên 3 năm tại Công ty.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
8.Sức khỏe và an toàn của người lao động	3	1	3	Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.	Công ty ban hành và nghiêm túc thực hiện kế hoạch huấn luyện an toàn, vệ sinh, lao động hàng năm cho toàn bộ CBCNV Công ty theo nhóm huấn luyện ATVSLĐ đặc thù của nghị định 44/2016 – ND-CP.
9.Thương tích và tử vong	3	1	3	Không xảy ra về các trường hợp tử vong liên quan đến công việc của người lao động trực tiếp và / hoặc hợp đồng	Định kỳ 6 tháng Công ty lập báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp có bao gồm thông tin về số vụ tai nạn lao động, tử vong, số người có bệnh nghề nghiệp và gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP.HCM và Tây Ninh Tham khảo phụ lục 7- Báo cáo AT VS LĐ 2024
10.Bình đẳng giới	1	1	1	Cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản dành cho lao động nữ, công ty tuân thủ quy định đối với lao động nữ và đảm bảo bình đẳng giới trong Công ty.
11.Không phân biệt đối xử & cơ hội bình đẳng	2	1	2	Có chính sách không phân biệt đối xử về tuyển dụng, tiền lương, thăng chức.	Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách bằng văn bản Chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối và lạm dụng, Công ty cam kết đảm bảo không phân biệt đối xử, xâm hại tình dục trong công sở và lạm dụng.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
12. Tuân thủ luật lao động	3	1	3	Không có các vụ kiện tụng liên quan đến điều kiện làm việc (hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).	Công ty không có vụ kiện tụng nào liên quan đến điều kiện làm việc (tổ chức hiệp hội, thỏa ước tập thể, luật lao động, phân biệt đối xử, thù lao bình đẳng, thiếu cơ hội bình đẳng, quấy rối).
13. Tổ chức của người lao động	2	1	2	Các hoạt động của Công ty không hạn chế hoặc cản trở quyền của người lao động tham gia các tổ chức và cơ chế của người lao động để bày tỏ sự bất bình của họ về điều kiện làm việc và các điều khoản tuyển dụng.	Công ty xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc và thực hiện tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ.
14. Các điều khoản chính thức để tránh quấy rối tình dục tại nơi làm việc	2	1	2	Doanh nghiệp đã thiết lập các thỏa thuận chính thức nhằm ngăn chặn hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc, bao gồm chính sách phòng chống quấy rối tình dục. Chính sách này tối thiểu phải có cơ chế cho phép người lao động nộp đơn khiếu nại một cách ẩn danh và bảo mật, đồng thời nhân viên nhân sự được đào tạo để tiếp nhận và xử lý các trường hợp quấy rối một cách chuyên nghiệp.	Công ty cam kết đảm bảo về Chính sách không phân biệt đối xử, xâm hại tình dục trong công sở và lạm dụng.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
15. Khiếu nại của người lao động	2	1	2	Có cơ chế cho người lao động khiếu nại.	Công ty xây dựng và áp dụng chính sách tiếp nhận và giải quyết các ý kiến khiếu nại của người lao động.
Rủi ro cụ thể của ngành: hoạt động hoặc chuỗi cung ứng ở các quốc gia hoặc lĩnh vực có nguy cơ lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em (ví dụ: nông nghiệp, dệt may, xây dựng, kinh doanh nông nghiệp).					
16. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong Công ty	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong hoạt động của Công ty.	Công ty ban hành chính sách không sử dụng lao động chưa thành niên và nghiêm túc thực hiện chính sách này.
17. Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính	3	1	3	Có ban hành công khai, bao gồm các hành động pháp lý liên quan đến bảo vệ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng chính của Công ty.	Công ty hoạt động sản xuất sợi polyester filament, các nhà cung cấp chính của Công ty là các công ty cung cấp PET Chip, vốn đều đạt chứng nhận GRS- trong đó một trong các tiêu chí tiên quyết của chứng nhận là được chứng minh cam kết không sử dụng lao động trẻ em hoặc vị thành niên dưới 18 tuổi.
18. Chỗ ở công nhân đảm bảo an toàn, vệ sinh	2	1	2	Có ban hành chính sách liên quan đến chỗ ở của người lao động (trại, ký túc xá, v.v.) như sức khỏe và an toàn (ví dụ: hỏa hoạn, nước, vệ sinh, quá tải).	Công ty không xây dựng các khu ký túc xá cho người lao động, thay vào đó Công ty thuê các khu nhà trọ ở Củ Chi và Trảng Bàng. Các khu nhà này có các căn hộ khép kín (với đầy đủ bếp, toilet) và được đảm bảo an ninh. CBCNV không phải trả tiền thuê nhà và được hỗ trợ một phần tiền điện nước.
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 3: HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM					

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
19. Tác động đến nguồn nước	2	1	2	Có ban hành các chính sách, hành động bảo vệ nguồn nước.	Công ty không sử dụng các nguồn nước ngầm hay xả thải trực tiếp ra nguồn nước tự nhiên. nguồn nước được sử dụng tại công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi ban quản lý khu công nghiệp và đảm bảo chất lượng nước xả thải đầu ra trước khi được đầu nối lại vào hệ thống xử lý của KCN.
20. Ngăn ngừa ô nhiễm và rủi ro	2	1	2	Có chính sách và hành động bảo vệ liên quan đến rủi ro ô nhiễm trong quá khứ hoặc đang diễn ra (ví dụ: khí thải không khí hoặc nước, ô nhiễm đất hoặc nước ngầm, xử lý chất thải) từ Công ty / dự án.	Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo bằng văn bản, theo đó các chỉ số về nước thải, khí thải, độ ồn, bụi, ánh sáng... đều đạt theo tiêu chuẩn quy định hiện hành.
21. Kiểm soát khí thải nhà kính (GHG)	3	1	3	Có thông tin về phát thải khí nhà kính: Phạm vi 1 và 2, Phạm vi 3 nếu có liên quan đến hoạt động kinh doanh, cường độ (khí nhà kính được giải phóng trong tiêu thụ năng lượng cho yếu tố sản xuất/bình thường hóa [thường là sản xuất hoặc bán hàng])).	Công ty chủ động thực hiện việc giám sát và tính toán lượng phát thải khí nhà kính CO2 từ năm 2016 dựa trên tổng lượng điện năng tiêu thụ trong từng năm của Công ty (Scope 2). Từ đó đưa ra các sáng kiến giúp giảm lượng khí nhà kính phát thải thông qua việc áp dụng năng lượng tái tạo (Solar energy) và tăng tỷ lệ sợi thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản phẩm kinh doanh. Tham khảo phần V.7 BCPTBV- Mục quản lý phát thải khí nhà kính- Carbon footprint.

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
22. Hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu	1	1	1	Có các sáng kiến tiết kiệm điện và nước, các sáng kiến sản xuất sạch hơn, các chỉ số hiệu quả tài nguyên (tức là năng lượng, nước, các tài nguyên khác và đầu vào vật liệu).	Công ty thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sạt lở và xói mòn. Trong năm 2024, tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3.0 lần. Ngoài ra, với dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường. Tỷ lệ tái chế lại phế phẩm chiếm hơn 74,5% tổng phế phẩm tạo ra. Tham khảo phần V.4- BCPTBV- Mục hiệu quả sử dụng vật liệu.
DỰA TRÊN TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT 4: SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ AN NINH CỘNG ĐỒNG					

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cơ sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
23. An ninh cộng đồng	3	1	3	Ban hành và thực hiện các hành động đảm bảo an ninh cộng đồng, đảm bảo không có sự cố gây mất an ninh đến cộng đồng địa phương, đặc biệt là về những bạo lực trên cơ sở giới.	Công ty hoạt động với cam kết tuân thủ theo pháp luật hiện hành, phối hợp chặt chẽ với ban quản lý khu vực để đảm bảo an ninh và trật tự địa phương.
24. Đóng góp vào công tác bảo vệ sức khỏe đối cộng đồng	3	1	3	Có đóng góp vào các hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm sự gia tăng bệnh tật (HIV / Aids, sốt rét, v.v.) cho cộng đồng.	Không áp dụng
25. Hỗ trợ nguồn lao động địa phương	2	1	2	Có hỗ trợ nguồn lao động địa phương	Thông qua các dự án mở rộng công suất, Công ty góp phần tạo thêm được nhiều công ăn việc làm, gia tăng thu nhập và sử dụng nhiều hơn các dịch vụ cung ứng của địa phương. Tham khảo phần V.3 TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP - BCPTBV mục đóng góp kinh tế cho cộng đồng địa phương.

Rủi ro cụ thể của ngành: các công ty / dự án xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà và công trình được công chúng tiếp cận hoặc có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng (cầu, đập, v.v.).

Chỉ số	Mức độ ảnh hưởng của rủi ro	Khả năng xảy ra rủi ro	Loại rủi ro	Cở sở để đánh giá	Các biện pháp ứng phó
26. Sự cố cơ sở hạ tầng đã dẫn đến tổn hại cho cộng đồng	3	1	3	Công ty có xây dựng hoặc vận hành cơ sở hạ tầng (cầu, đập.....) gây thiệt hại cho cộng đồng.	Không áp dụng
27. Hỏa hoạn hoặc tai nạn xây dựng đã gây tổn hại cho cộng đồng	2	1	2	Công ty xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà hoặc công trình được tiếp cận, công khai có ghi nhận hoả hoạn và tai nạn xây dựng gây ảnh hưởng đến cộng đồng	Không áp dụng

IFC giới thiệu Climate Governance Progression Matrix với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp—đặc biệt là các công ty tư nhân và tổ chức tài chính—tích hợp yếu tố khí hậu vào quản trị doanh nghiệp một cách bài bản và có lộ trình rõ ràng. Công cụ này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững. Cụ thể, IFC hướng đến các mục tiêu sau:

Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững trong bối cảnh khí hậu thay đổi.	Giúp doanh nghiệp nhận diện rủi ro và cơ hội khí hậu trong hoạt động kinh doanh. Hỗ trợ tích hợp các yếu tố khí hậu vào chiến lược, tài chính, quản trị rủi ro, và công bố thông tin. Giúp doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao từ nhà đầu tư và cơ quan quản lý về công bố rủi ro khí hậu.
Nâng cao năng lực quản trị khí hậu trong doanh nghiệp	• Cung cấp một khung hướng dẫn cụ thể để doanh nghiệp đánh giá và cải thiện năng lực quản trị khí hậu theo các cấp độ từ cơ bản đến dẫn đầu. • Khuyến khích doanh nghiệp thiết lập hội đồng quản trị có trách nhiệm về khí hậu, áp dụng các phương pháp kiểm toán và kiểm soát nội bộ liên quan đến biến đổi khí hậu.
Định hướng doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế	• Ma trận này dựa trên các chuẩn mực quốc tế như IFRS, TCFD, ISSB, GRI, và CDP, giúp doanh nghiệp dễ dàng tuân thủ các quy định toàn cầu về báo cáo tài chính và phát thải. • Hỗ trợ các công ty trong việc xây dựng chiến lược Net-zero, đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng xu hướng thị trường.
Thúc đẩy đầu tư vào các doanh nghiệp có trách nhiệm với môi trường	• IFC có lợi ích trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển bền vững, từ đó giảm rủi ro tín dụng và thu hút đầu tư vào các doanh nghiệp có quản trị khí hậu tốt. • IFC cũng muốn giúp các tổ chức tài chính tích hợp yếu tố khí hậu vào quyết định đầu tư và quản lý danh mục.

Dựa trên Ma trận Lộ trình Tiến triển Quản trị Khí hậu của IFC, STK đã thực hiện đánh giá và xác định mức độ tích hợp yếu tố khí hậu vào quản trị doanh nghiệp như sau.

Mục tiêu	Cấp độ	Yếu tố chính
A. Cam kết Quản trị Khí hậu (Lãnh đạo, Văn hóa, và Mục tiêu)	Thực hành Tốt	Chính sách quản trị doanh nghiệp của STK đã lồng ghép các yếu tố khí hậu, cùng với quy tắc đạo đức nghiêm ngặt nhằm ngăn chặn mọi hành vi đi ngược lại nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu. STK được ghi nhận là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong việc thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Với thành tích 9 năm liên tiếp được CSI vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững tại Việt Nam, STK khẳng định cam kết mạnh mẽ đối với sự phát triển bền vững và trách nhiệm môi trường. STK chủ động đánh giá tác động của các rủi ro, cơ hội khí hậu và tích hợp chúng vào mô hình kinh doanh, chiến lược, kế hoạch tài chính cũng như quá trình ra quyết định của công ty. Trước xu hướng các thương hiệu gia tăng tỷ trọng sử dụng sợi tái chế, STK đã không ngừng mở rộng sản xuất dòng sản phẩm này, đặt mục tiêu doanh thu từ sợi tái chế chiếm 60-70% trong giai đoạn 2026-2027. Bên cạnh đó, STK còn nghiên cứu và phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường, như sợi màu dope dyed, nhằm nâng cao giá trị kinh tế lẫn môi trường. Những nỗ lực này không chỉ giúp công ty thích ứng với nhu cầu thị trường mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về bảo vệ môi trường từ người tiêu dùng và đối tác toàn cầu. Các chỉ số và mục tiêu liên quan đến khí hậu được thiết lập dựa trên phương pháp đo lường khoa học, đảm bảo tính định lượng khi có thể, và công bố minh bạch. Đặc biệt, nhà máy Trảng Bàng của công ty đã ký cam kết SBTi với một thương hiệu toàn cầu, hướng đến mục tiêu cắt giảm 29,4% khí thải nhà kính trong giai đoạn 2023-2027, so với năm cơ sở 2022. Đây là bước tiến quan trọng trong hành trình giảm thiểu tác động môi trường và khẳng định cam kết mạnh mẽ của STK đối với phát triển bền vững.

Mục tiêu	Cấp độ	Yếu tố chính
B. Cấu trúc và Hoạt động của Hội đồng Quản trị về biến đổi khí hậu	Thực hành Cơ bản	Tại STK, Hội đồng Quản trị đóng vai trò then chốt trong việc giám sát, xác định và đánh giá các rủi ro cũng như cơ hội liên quan đến khí hậu, đảm bảo tích hợp chặt chẽ yếu tố bền vững vào chiến lược phát triển của công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị STK chưa có thành viên chuyên trách về môi trường.
C. Kiểm soát Môi trường (Hệ thống Kiểm soát Nội bộ, Kiểm toán, Quản trị Rủi ro, Tuân thủ)	Thực hành Tốt	Tại STK, Hội đồng Quản trị trao quyền cho Ban Quản lý trong việc thúc đẩy nhận thức và đào tạo nhân viên về các vấn đề khí hậu trong ngành, giúp họ nắm bắt và thích ứng với xu hướng bền vững. Đồng thời, STK cũng thiết lập các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nhằm phản hồi kịp thời các yêu cầu liên quan đến khí hậu từ khách hàng và các bên liên quan, đảm bảo tính minh bạch và cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững.
D. Công bố và Minh bạch	Thực hành Tốt	STK cam kết minh bạch trong việc công bố mục tiêu giảm phát thải cùng với lộ trình thực hiện, được cập nhật định kỳ trong Báo cáo Phát triển Bền vững hàng năm. Công ty đo lường và báo cáo lượng phát thải khí nhà kính (GHG) Scope 1 (trực tiếp) và Scope 2 (gián tiếp) theo cả hai phương pháp: Phát thải tuyệt đối, phản ánh tổng lượng CO₂e phát thải trong kỳ. Cường độ phát thải, giúp đánh giá mức phát thải trên mỗi đơn vị sản xuất, đo lường hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm thiểu tác động môi trường. Cách tiếp cận này giúp STK không chỉ theo dõi tiến độ cắt giảm khí thải mà còn tối ưu hóa hiệu suất hoạt động, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững dài hạn.
E. Quyền của Cổ đông Thiểu số	Thực hành Cơ bản	Hiện tại, công ty chưa thực hiện việc tư vấn cổ đông về kế hoạch chuyển đổi khí hậu.
F. Quản trị Tương tác với Các Bên Liên Quan	Thực hành Tốt	STK áp dụng cách tiếp cận đa chiều, minh bạch và toàn diện trong việc thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu, đảm bảo tính công bằng, hòa nhập khi tương tác với các bên liên quan. Điều này giúp công ty xây dựng mối quan hệ bền vững, thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của đối tác, khách hàng cũng như cộng đồng.

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

118 TRÁCH NHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ (GRI 201)

119 SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)

120 TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – GRI 300

124 VẬT LIỆU (GRI 301)

126 NƯỚC (GRI 303)

128 NĂNG LƯỢNG (GRI 302)

138 PHÁT THẢI (GRI-305)

151 NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (GRI 306)

153 TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307)

154 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG ỨNG (GRI 308)

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI – GRI 400

162 VIỆC LÀM (GRI 401)

167 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 404)

169 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)

171 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG (GRI 416)

173 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (GRI 413)

174 VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK

174 TINH THẦN TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI

175 CÁC DỰ ÁN XANH TẠI CÔNG TY

177 BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ GRI 200



“Với nỗ lực duy trì các đơn đặt hàng có giá trị gia tăng cao từ các khách hàng cao cấp nhờ uy tín xây dựng với khách hàng về bảo đảm chất lượng và thời gian cung ứng sản phẩm tốt đã giúp Century duy trì mục tiêu doanh thu và lợi nhuận bất chấp thị trường gặp nhiều khó khăn”

MỤC TIÊU 2024

- Doanh thu: 2.703 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 300 tỷ đồng;
- Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;
- Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;
- Mở rộng công suất, phát triển thêm các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- Cải thiện chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;
- Thưởng cuối năm 1 tháng lương cho người lao động;
- Chi trả cổ tức tối thiểu 15%/mệnh giá;
- Phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ

KẾT QUẢ 2024

- Hoàn thành 45% kế hoạch doanh thu, đạt 1.210 tỷ đồng;
- Hoàn thành 4,1% kế hoạch lợi nhuận, đạt 12,4 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa đạt kỳ vọng, chủ yếu do tình hình kinh doanh năm 2024 kém khả quan. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế sụt giảm do ghi nhận chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của dự án Unitex- công ty con vẫn chưa đi vào hoạt động – tác động đáng kể đến kết quả tài chính chung.
- Thưởng cuối năm hơn 1 tháng lương, tỷ lệ nhân viên tham gia BHXH đạt 100%;
- Mức lương thấp nhất tại STK cao hơn lương tối thiểu vùng từ 43%-69%;
- Chi trả cổ tức 45% bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2023,2024 – sẽ được chi trả sau khi công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 152,1 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước;
- Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào chạy thử nghiệm nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, dự kiến sẽ vận hành chính thức vào Q2.2025;

Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững để góp phần duy trì cân cân và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển bền vững của Công ty được liên tục thực hiện dưới bối cảnh khó khăn của thị trường do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thị trường suy giảm và các xung đột địa chính trị phức tạp trên toàn cầu. Trong năm 2024, Công ty đã nỗ lực duy trì chiến lược kinh doanh, áp dụng phương pháp tiếp cận khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, ổn định chất lượng hàng hoá và từng bước duy trì thị phần trong nước và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	- Kế hoạch kinh doanh 2024, chính sách bán hàng, chính sách phục vụ khách hàng, chính sách marketing hàng năm; - Chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016); - Thông báo áp dụng thang lương bảng lương mới nhất số 282- 18/CV –TK; - Các dự án mở rộng sản xuất của Công ty (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may); - Xây dựng ngân sách đào tạo đội ngũ bán hàng hàng năm;
CAM KẾT	- Cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành; - Cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng; - Cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	- Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch kinh doanh; - Mở rộng thị trường, nâng cao thị phần trong nước và thị trường xuất khẩu; - Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động; - Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương;
TRÁCH NHIỆM	Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	- Phòng Kinh doanh, bộ phận Tài chính... - Phòng phận Nhân sự, bộ phận Đào tạo;
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	- Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01; - Khảo sát và thăm khách hàng định kỳ; - Quy trình khiếu nại/khiếu kiện của người lao động;

Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Năm 2024, Tiếp tục là năm khó khăn của nền kinh tế thế giới, trong bối cảnh tăng trưởng chậm của nền kinh tế và các cuộc xung đột địa chính trị vẫn còn kéo dài tác động tiêu cực đến ngành dệt may Việt Nam. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2024 của STK không như kỳ vọng nhưng tập thể CNV và Ban điều hành đã phấn đấu hết mình để có thể mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất, xây dựng nền tảng trong năm để có thể đạt những đột phá trong năm 2025.
- Công ty vẫn duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động. Bên cạnh đó, Công ty vẫn cố gắng giữ người lao động bằng việc tổ chức các lớp đào tạo đa tay nghề, duy trì thu nhập cho người lao động và duy trì mức thưởng tết Nguyên Đán 2024 dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong dịp cuối năm.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương trực tiếp và gián tiếp.



TRÁCH NHIỆM

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ: (GRI 201)

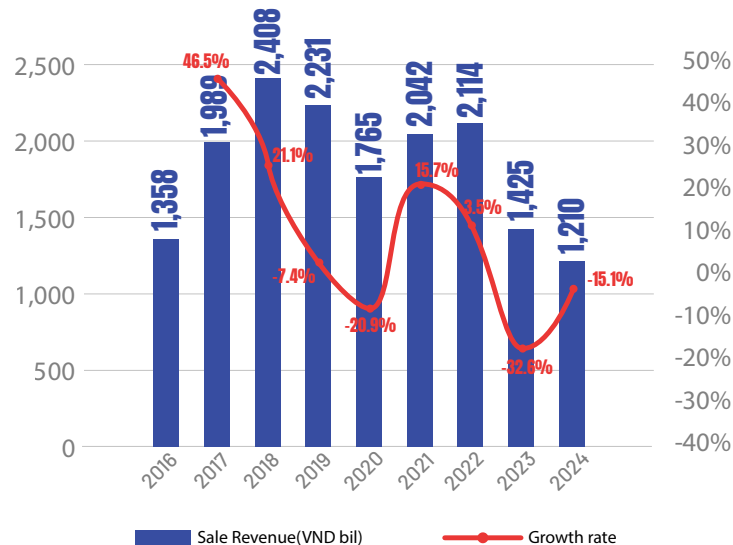
GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI: (GRI 201-1)

Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 44,44 tỷ USD, bao gồm xơ, sợi, hàng dệt may, vải mảnh và vải kỹ thuật tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước. Thành tựu này có được nhờ sự linh hoạt của các doanh nghiệp dệt may trong việc mở rộng thị trường, đón đầu xu hướng tiêu dùng bền vững và tận dụng tối đa lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do. Đặc biệt, từ nửa cuối năm 2024, ngành dệt may Việt Nam hưởng lợi từ sự dịch chuyển đơn hàng do bất ổn chính trị, đình công và biểu tình tại Bangladesh. Tuy nhiên, xét riêng ngành xơ sợi Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp thiếu đơn hàng, buộc phải bán sản phẩm dưới giá thành để duy trì hoạt động. Thị trường sợi chưa có dấu hiệu phục hồi rõ ràng khi giá nguyên liệu biến động mạnh và chịu tác động từ các nhà đầu cơ.

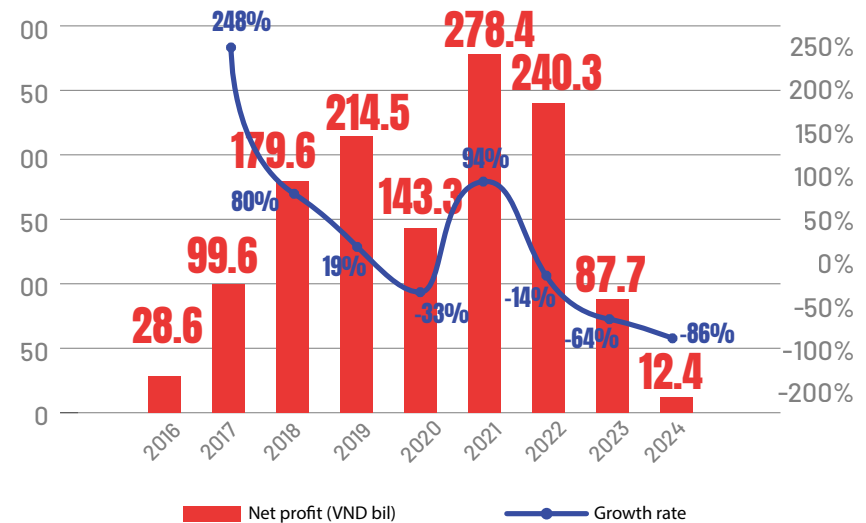
STK vẫn có thể giữ những đơn hàng giá trị gia tăng cao của những khách hàng cao cấp nhờ vào sự tin tưởng lâu dài của khách hàng vào kỹ thuật của công ty trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và dịch vụ khách hàng xuất sắc (thời gian giao hàng ngắn, dịch vụ trước và sau khi mua hàng). Mặc dù quy mô khối lượng của những đơn đặt hàng đó nhỏ nhưng khả năng sinh lời cao, giúp công ty duy trì price gap ổn định. STK vẫn giữ vững mục tiêu duy trì với những khách hàng thân thiết, mở rộng tệp khách hàng mới và luôn đáp ứng các đơn hàng phức tạp có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, STK thành công phát triển thêm các loại sợi thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle, Dope dye, Recycle Plus, từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế, đặc biệt là thị trường Mỹ.

Mặc dù giá nguyên liệu chính năm 2024 (hạt nhựa PET) trung bình 12 tháng giảm 5,2%, nhưng nhu cầu thị trường sụt giảm đã kéo theo tình trạng thiếu hụt đơn hàng. Hệ quả là doanh số bán hàng của STK giảm 15,8%, doanh thu thuần giảm 15,1% (giảm mạnh hơn so với giảm giá nguyên vật liệu), dẫn đến lợi nhuận gộp đạt 163,2 tỷ đồng giảm 15%. Lợi nhuận sau thuế đạt 12,4 tỷ đồng giảm 86% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận sau thuế sụt giảm đáng kể, chủ yếu do do ghi nhận chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của dự án Unitex- công ty con vẫn chưa đi vào hoạt động -tác động đáng kể đến kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty.

DOANH THU THUẦN



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 201-1)

- Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:
- Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%;
 - Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2023 sẽ được chi trả sau khi công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - Duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn khó khăn của thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, cải thiện chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
 - Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2024 ước tính 98,9 tỷ đồng;
 - Thưởng 1 tháng lương vào dịp Tết Nguyên Đán 2024;
 - Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
 - Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)

MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG VÀ TỶ LỆ THEO GIỚI TÍNH (GRI 202-1)

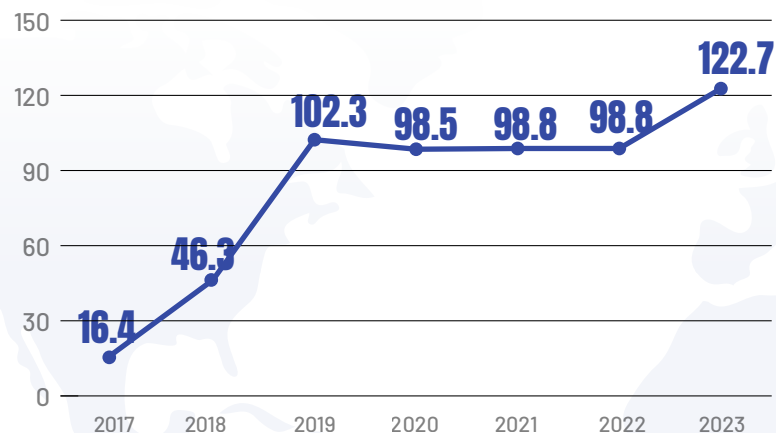
Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

Khu vực TP.HCM (VND)		Khu vực Tây Ninh (VND)
Lương tối thiểu vùng	4.960.000 đồng/tháng	4.410.000 đồng/tháng
Mức lương thấp nhất tại STK	7.116.000 đồng/tháng	7.453.944 đồng/tháng
Tên địa điểm	Tỷ lệ theo nam giới (%)	Tỷ lệ theo nữ giới (%)
TP.HCM	65%	35%
Tây Ninh	81%	19%

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

NHỮNG ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI TRONG NĂM 2024

SỐ TIỀN CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM CHO CỔ ĐÔNG (TỶ VND)



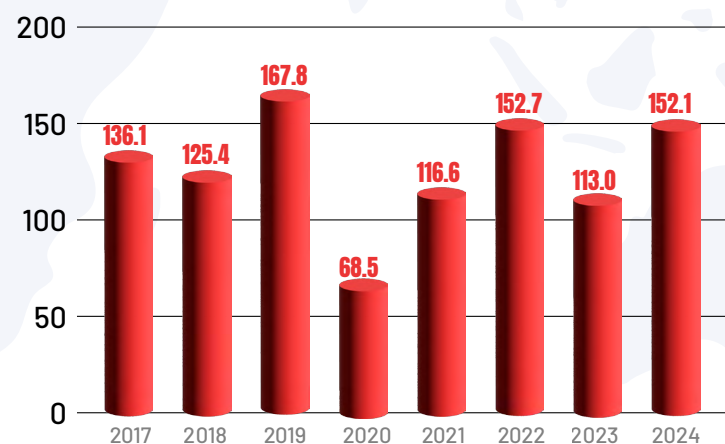
TỔNG SỐ TIỀN LƯƠNG-THƯỞNG ĐÃ CHI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (TỶ VND)



GIÁ TRỊ GIAO DỊCH VỚI NHÀ CUNG CẤP NỘI ĐỊA (TỶ VND)



TỔNG TIỀN THUẾ ĐÃ ĐÓNG TRONG NĂM 2024 (TỶ VND)



Dù chịu tác động từ lạm phát cao và suy thoái kinh tế, khiến nhu cầu thị trường suy yếu, kết quả kinh doanh của STK vẫn chưa đạt được kỳ vọng đề ra, Công ty vẫn duy trì mức đóng góp cho nền kinh tế địa phương và xã hội. Trong năm 2024, tổng số tiền chi trả lương thưởng cho người lao động là hơn 98,9 tỷ đồng, góp phần nâng cao mức sống của người dân địa phương. Ngoài ra, những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội còn thể hiện qua ngân sách nộp thuế và giá trị giao dịch với nhà cung ứng nội địa, lần lượt là 152,1 tỷ và 327,7 tỷ đồng trong năm 2024.



MỤC TIÊU

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2025

1

Tăng trưởng doanh thu: 3.270 tỷ đồng, tăng 170,2% so với thực hiện 2024;

2

Tăng trưởng lợi nhuận: 309,8 tỷ đồng, tăng 2.398,1% so với thực hiện 2024;

3

Tăng tỷ lệ sợi có giá trị gia tăng (sợi tái chế): 60,8% trên tổng doanh thu;

4

Đảm bảo duy trì thưởng cho người lao động theo kết quả kinh doanh cuối năm;

5

Chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty 15%/mệnh giá.

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - GRI 300



STK vẫn đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu về môi trường. Công ty kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm nhằm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định và hiệu quả, giúp STK ngày càng tiến gần hơn với mục tiêu “xanh hóa” của ngành thời trang



MỤC TIÊU 2024

- Tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý;
- Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng;
- Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói;
- Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm;
- Tái sử dụng nước trong sản xuất;
- Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm;
- Tiết giảm chi phí điện;
- Giảm phát thải khí nhà kính;
- Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải;
- Không vi phạm các sự cố an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường;
- Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo;
- Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường;
- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3 lần;
- Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn chiếm 2% trên tổng lượng nước sử dụng;
- Mục tiêu nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0021;
- Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng sử dụng chiếm 10%;
- Tỷ lệ sợi recycle đóng góp trên tổng doanh thu chiếm 50%;
- Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1,23 kw/kg sợi; DTY: 1,67 kw/kg sợi; FDY: 1,55 kw/kg sợi.
- Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: 0 lần;

KẾT QUẢ 2024

- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3 lần;
- Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 2,43%;
- Nước sử dụng m³/kg sợi: 0,0034
- Lượng điện năng tiêu thụ giảm 21%, điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1,11 kwh/kg sợi; DTY: 2,12 kwh/kg sợi; FDY: 1,50 kwh/kg sợi
- Áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện 2024 giúp giảm 1.677 Mwh/năm;
- Lượng phát thải carbon footprint của điện năng (điện lưới) giảm 22%;
- Tổng lượng điện sử dụng từ dự án năng lượng mặt trời 6.315 Mwh, chiếm hơn 8% trên tổng năng lượng tiêu thụ;
- Hết số phát thải carbon footprint của dầu DO cho xe nâng giảm 100%;
- Tỷ lệ sợi recycle chiếm 44,5% trên tổng doanh thu;
- Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải, an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy;
- Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững ngành dệt may Việt Nam, Công ty luôn không ngừng nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, giảm tác động tiêu cực tới môi trường. Do vậy, Công ty ưu tiên nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu tái chế, đầu tư máy móc, thiết bị tự động, cải tiến công nghệ sản xuất theo hướng xanh, sạch, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, được xem là giải pháp cần thiết để doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	• Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02; • Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng; • Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT; • Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường; • Chính sách tiết kiệm năng lượng; • Quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; • Kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm; • Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C, Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT; • Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4.0, luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14;
CAM KẾT	• Ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện từ nhà cung ứng uy tín chất lượng; • Đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt; • Tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước; • Sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; • Tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO2; • Quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	• Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao, cạnh tranh; • Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức khỏe người lao động; • Giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí;
TRÁCH NHIỆM	• Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	• Ban Điều Hành, phòng Thu mua, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất, bộ phận Tài chính và toàn thể CBCNV Công ty.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	• Phòng Thu mua, Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ, Bộ phận sản xuất, Ban an toàn - vệ sinh - lao động.

Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Trong năm 2024, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng (PET chip recycle) chiếm hơn 39% trong tổng lượng PET chip sử dụng của Công ty, chủ yếu Công ty tập trung phát triển và đẩy mạnh việc kinh doanh sợi tái chế theo nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường.
- Lượng nước sử dụng tại Công ty giảm 5% so với năm 2023, nhờ các biện pháp tối ưu hóa sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước.
- Lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, FDY và POY lần lượt tăng 7,5%, 22,4% và 3,7% so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do việc thu hẹp hoạt động sản xuất dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2024 giảm 22% so với cùng kỳ năm 2023 trong khi các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Bên cạnh đó công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.
- Năm 2021 công ty đã đưa vào hoạt động 2 hệ thống điện mặt trời áp mái với tổng công suất 7.4 MwP. Công ty đã ký hợp đồng với đối tác để mua thêm điện tái tạo với tổng công suất 75 MwP trong các năm tới.
- Hệ số Cacbon footprint theo điện năng tiêu thụ (điện lưới) giảm 22% so với năm 2023.
- Không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải.
- Các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

VẬT LIỆU (GRI 301)

VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY (GRI 301-1)

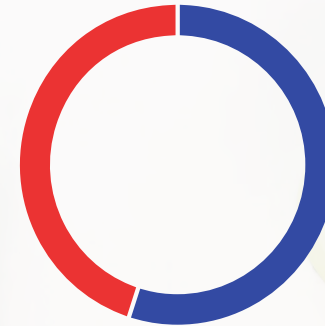
- Công ty sử dụng nguồn nguyên, vật liệu đầu vào được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường.
- Khuyến khích các nhà cung ứng bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện cam kết bằng văn bản việc tuân thủ bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp sáng tạo trong hoạt động kinh doanh để giảm phát thải khí nhà kính, chống biến đổi khí hậu.

PHÂN LOẠI VẬT LIỆU	STT	CHUNG LOẠI NGUYÊN VẬT LIỆU	NGUỒN GỐC VẬT LIỆU
VẬT LIỆU KHÔNG THỂ TÁI TẠO	1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật
	2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
VẬT LIỆU CÓ THỂ TÁI TẠO	3	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	4	Thùng Carton	Việt Nam

VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÔNG TY (GRI 301-2)

- Để sản xuất sợi recycle thân thiện với môi trường thì Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là recycle PET chip, tỷ lệ doanh thu sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2024 chiếm 44,5%.
- Dây chuyền tái chế sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty có công suất 1.500 tấn/năm giúp giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời giúp Công ty giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.

44.5%



■ virgin yarn

■ recycle yarn

SẢN PHẨM ĐƯỢC TÁI SỬ DỤNG VÀ VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM (GRI 301-2)

- Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy. Với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tái sử dụng lại pallets gỗ trong hoạt động giao nhận hàng, các vật dụng và linh kiện sản xuất như đầu lọc trong quy trình sản xuất sợi POY, nhằm giúp gián tiếp giảm việc tiêu hao và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Từ năm 2024 trở đi tỷ lệ tái sử dụng ống giấy sẽ về mức 3,0. Theo bộ phận sản xuất POY, vì POY là bán thành phẩm để sản xuất tiếp sợi DTY và để khống chế lỗi cho DTY buộc số lần tái sử dụng ống giấy phải giảm xuống. Vì việc sử dụng ống giấy nhiều lần có thể gây móp hoặc bẩn ống giấy và không đạt tiêu chuẩn cho bộ phận DTY. Việc giảm tỷ lệ sử dụng ống giấy xuống 3 lần để đảm bảo quá trình quấn sợi ống bị lỗi lôm không ảnh hưởng đến những khâu sau khi gia công DTY.
- Trong năm 2024, số lượng ống giấy POY sử dụng là 792.815 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2024 là:

$$\begin{aligned}
 \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\
 &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times ("số lần tái sử dụng") + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\
 &= \frac{792.815 \times 3}{792.815 \times 3 + 6.024.287} = 28\%
 \end{aligned}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2024 là **28%**

NƯỚC (GRI 303)

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)



NƯỚC BỀ MẶT BAO GỒM NƯỚC TỪ CÁC VÙNG ĐẦM LẦY, SÔNG, HỒ, VÀ ĐẠI DƯƠNG: **0 M3** (KHÔNG ÁP DỤNG)



NƯỚC NGẦM: **0 M3** (KHÔNG ÁP DỤNG)



NƯỚC MƯA DO TỔ CHỨC THU THẬP VÀ ÁP DỤNG: **0 M3** (KHÔNG ÁP DỤNG)



NƯỚC THẢI TỪ TỔ CHỨC KHÁC: **0 M3** (KHÔNG ÁP DỤNG)



CÁC NGUỒN CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ HOẶC CƠ SỞ CẤP NƯỚC CÔNG CỘNG HOẶC TƯ NHÂN KHÁC: NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC SỬ DỤNG TẠI CÔNG TY ĐƯỢC CUNG CẤP VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BỞI BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KCN).

Trong năm 2024, lượng nước sử dụng giảm 5% so với năm 2023, mức giảm lượng nước sử dụng nhỏ hơn nhiều so với mức giảm sản lượng (sản lượng sản xuất giảm 22% trong năm 2024) nên mức tiêu hao nước trên 1kg sợi của năm 2024 tăng nhẹ 6,7% so với năm 2023 (0,032 m3/kg sợi-2023 và 0,0034 m3/kg sợi-2024). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 35,03 triệu đồng trong năm 2024.

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)

LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG (NGHÌN M3)



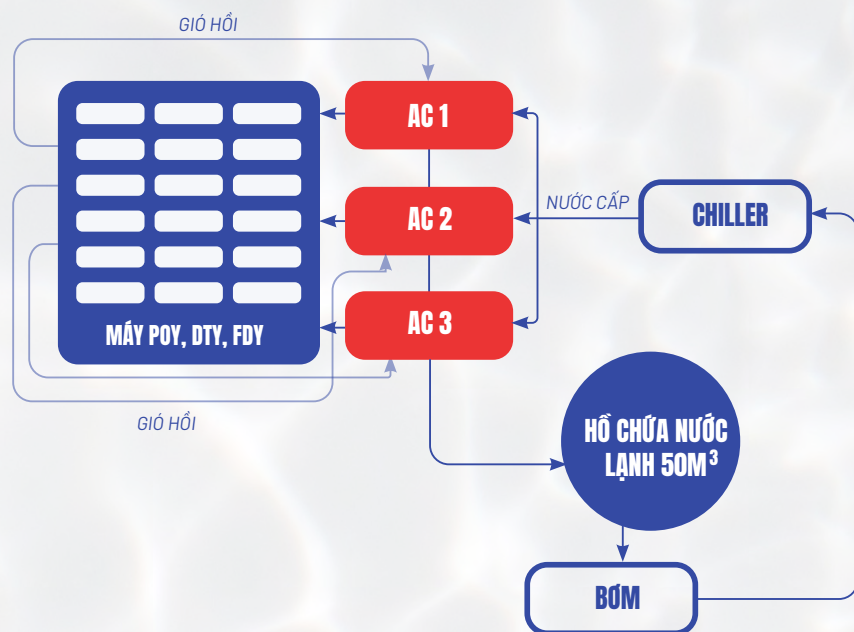
MỨC TIÊU HAO NƯỚC (m3/ kg sợi)



TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐIỀU KHÔNG TẠI STK



TỶ LỆ PHẦN TRĂM CỦA NƯỚC TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG 2024

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{4.901}{201.569} \times 100 = 2.43\%$$

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng : **2,43%**

Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước năm 2025:

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	- Thu hồi nước xả máy nén 3,4 TB3. - Duy trì nước ngưng tụ AC 4,5. Thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 Củ Chi về hồ gom để tái sử dụng. TB1,2,3.	- Thực hiện tiết kiệm 3m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 7.560.000 VNĐ/năm. - Thực hiện tiết kiệm 2m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 6.534.000 VNĐ/năm
2	Hàng ca duy trì theo dõi số liệu đồng hồ nước khi vượt kiểm tra xử lý nhanh chóng	Tiết kiệm nước

NĂNG LƯỢNG (GRI 302)

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

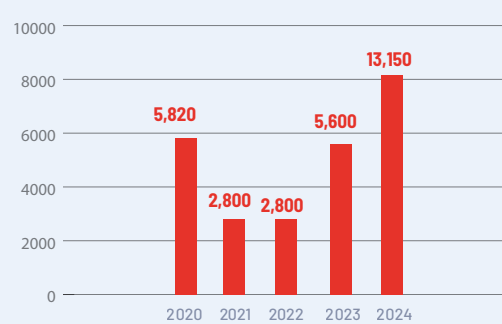
- Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:
- Nguồn nhiên liệu không tái tạo:** Dầu DO và điện EVN. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2024: 10,5 tấn, tương đương 13.150 lít. Dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC. Lượng điện EVN sử dụng trong năm 2024 là 77,5 triệu Kwh.
- Nguồn nhiên liệu tái tạo:** Điện mặt trời. Lượng điện mặt trời đã sử dụng trong năm 2024 là 6,3 triệu Kwh.

KHỐI LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRONG NĂM 2024

CƠ CẤU TIÊU THỤ ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2024



LƯỢNG DẦU DO SỬ DỤNG QUA CÁC NĂM (LÍT)



Nguồn năng lượng	Năm 2024	Hệ số quy đổi ra MJ	Mj
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN)(Kwh)	83,823,562.07	3.6	301,764,823
Dầu DO (Lít)	13,150	36.845	484,512

Chú thích:

- <https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n%C4%91%E1%BB%95i/kilowattgi%E1%BB%9D/%C4%91%E1%BB%83/megajoules#83815848> (quy đổi 1Kwh sang Mj)
- <https://veia.com.vn/he-so-chuyen-doi-don-vi-nang-luong-mj-cua-mot-so-nhien-lieu-pho-bien> (hệ số quy đổi 1 lít dầu DO sang MJ)
- <https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n-%C4%91%E1%BB%95i/megajoules/%C4%91%E1%BB%83/kilojoules> (Quy đổi Mj sang KJ)

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức

||

Nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ

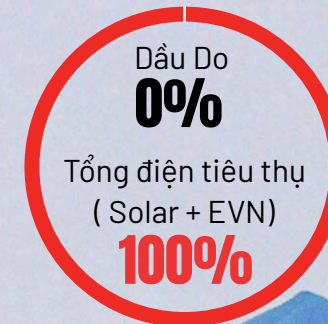
+

Nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ

||

302,2 tỷ Kjun.

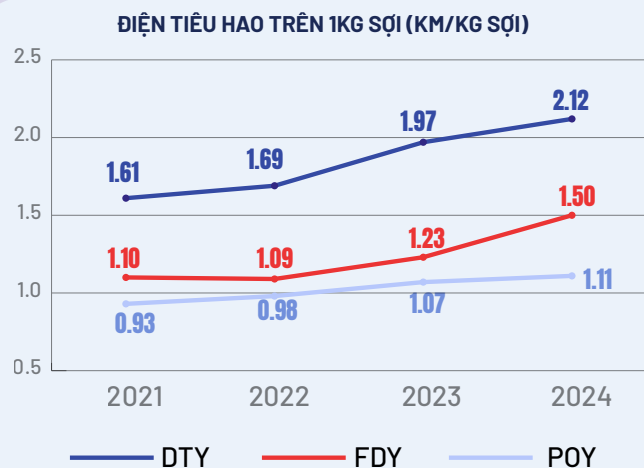
CƠ CẤU TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG CỦA STK TRONG NĂM 2024 (ĐƠN VỊ MJ)



CƯỜNG ĐỘ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (GRI 302-3)

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:



Lưu ý: Sản lượng đã quy đổi theo denier chuẩn của từng loại sợi DTY, FDY và POY

- Lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, POY và FDY lần lượt tăng 7,5%, 22,4% và 3,7% so với cùng kỳ chủ yếu do sản lượng sản xuất năm 2024 giảm 22% so với năm 2023 trong bối cảnh điều chỉnh quy mô hoạt động. Trong khi đó, các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Ngoài ra, công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2025

Trong năm 2025, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	Lắp inverter 1 quạt hút AC 1	Dự kiến tiết kiệm 32.832 kw/năm, tương đương 61,3 triệu VND/năm.
2	Lắp inverter 2 quạt hút AC 5. Lắp inverter 2 quạt thổi AC 5.	Dự kiến tiết kiệm 183.168 kw/năm, tương đương 342 triệu VND/năm. Dự kiến tiết kiệm 81.216 kw/năm, tương đương 151,5 triệu VND/năm.
3	Lắp đèn năng lượng mặt trời out side (đã thực hiện trong năm 2024, tiếp tục duy trì trong năm 2025.	Dự kiến tiết kiệm 19.008 kw/năm, tương đương 32,8 triệu VND/năm.

Năm 2024, Công ty đã phối hợp với ENERTEAM(ET) triển khai kiểm toán năng lượng và xây dựng chính sách quản lý năng lượng(QLNL) trong khuôn khổ dự án “Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019–2030” do Bộ Công thương chủ trì, ENERTEAM là Tư Vấn phụ trách triển khai hoạt động này.

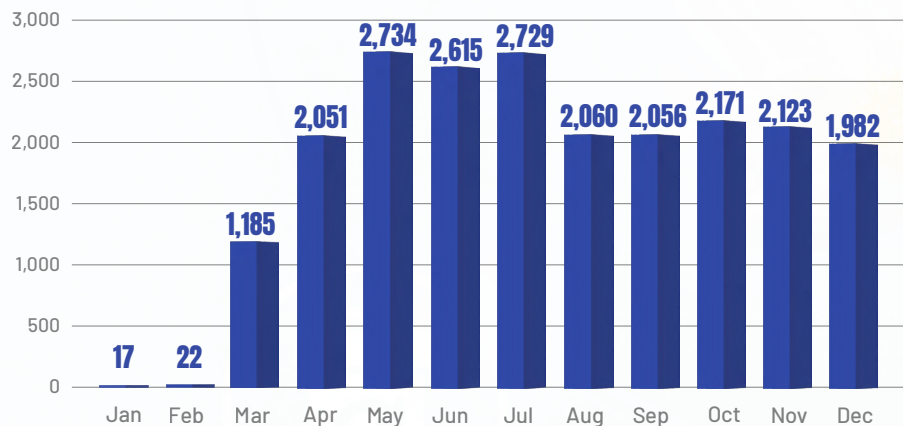
Dựa trên số liệu tiêu thụ điện và dầu DO kết hợp với khảo sát thực tế tại nhà máy, ET đã tư vấn cho Công ty trong việc xây dựng chính sách quản lý năng lượng, đồng thời đề xuất thành lập Ban Quản lý Năng lượng. Ngoài ra, ET cũng hỗ trợ xác định các khu vực tiêu thụ năng lượng trọng yếu, thiết lập đường cơ sở năng lượng cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi.

Năm 2023 được lựa chọn làm năm cơ sở để xây dựng chính sách quản lý năng lượng, nhằm đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong việc theo dõi, cải tiến hiệu suất sử dụng năng lượng. Dưới đây là những nội dung trọng tâm trong chính sách quản lý năng lượng của STK.

Đồ thị điện năng tiêu thụ hàng tháng của công ty năm 2023

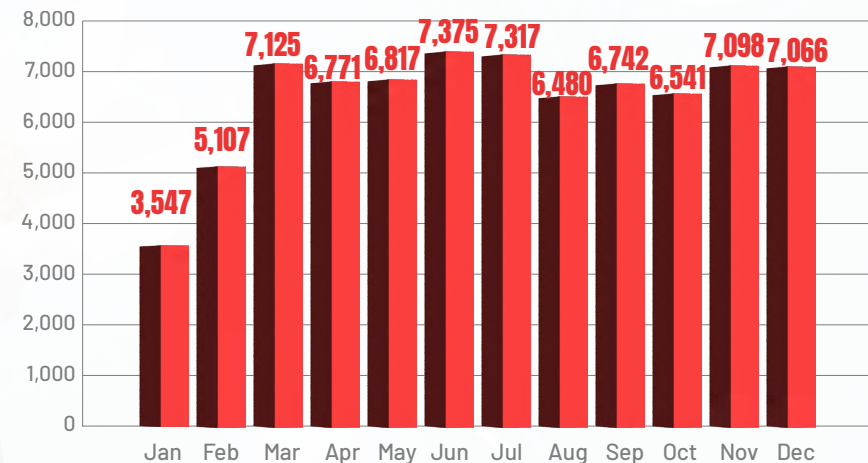
Nhà máy Củ Chi

ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ HÀNG THÁNG NĂM 2023-Mwh



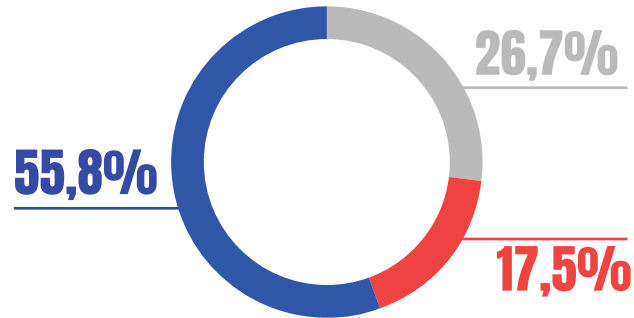
Nhà máy Trảng Bàng

ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ HÀNG THÁNG NĂM 2023-Mwh



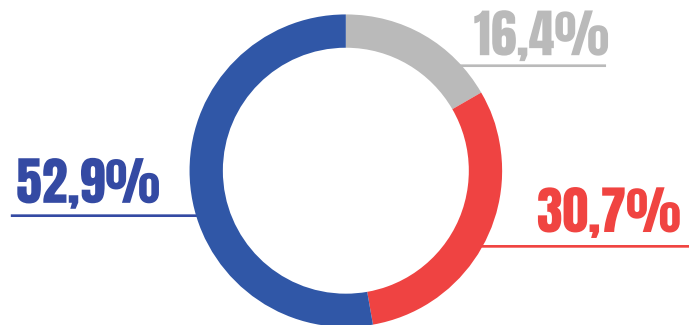
Nhà máy Củ Chi

TỈ LỆ TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG



Thấp điểm Cao điểm Bình thường

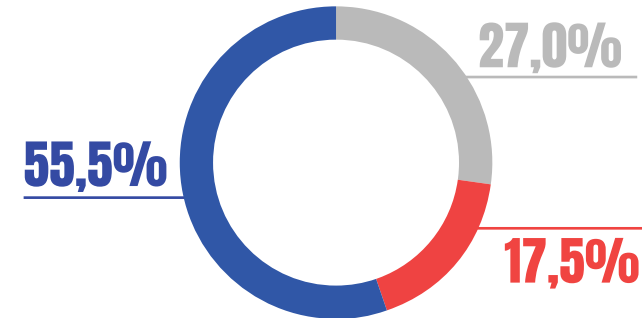
TỈ LỆ CHI PHÍ ĐIỆN NĂNG



Thấp điểm Cao điểm Bình thường

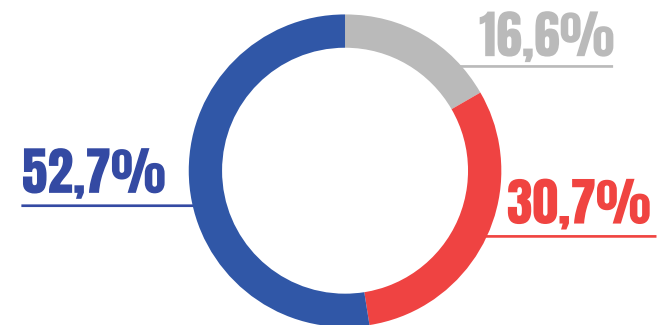
Nhà máy Trảng Bàng

TỈ LỆ TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG



Thấp điểm Cao điểm Bình thường

TỈ LỆ CHI PHÍ ĐIỆN NĂNG



Thấp điểm Cao điểm Bình thường

Xác định nguồn năng lượng sử dụng :

Nhà máy

Củ Chi

STT	Nguồn năng lượng	Khu vực sử dụng năng lượng	Tiêu thụ năng lượng hàng năm	Đơn vị	Năng lượng tiêu thu (Quy đổi về MJ)	% dạng năng lượng so với tổng nhà máy	Nguồn năng lượng cần quản lý
1	Điện	Toàn nhà máy	21.744.833	Kwh	78.281.399	99,96%	X
2	Dầu DO	Toàn nhà máy	800	Lít	29.476	0,04%	

Nhà máy

Trảng Bàng

STT	Nguồn năng lượng	Khu vực sử dụng năng lượng	Tiêu thụ năng lượng hàng năm	Đơn vị	Năng lượng tiêu thu (Quy đổi về MJ)	% dạng năng lượng so với tổng nhà máy	Nguồn năng lượng cần quản lý
1	Điện	Toàn nhà máy	77.986.100	Kwh	280.749.960	99,9%	X
2	Dầu DO	Toàn nhà máy	5.000	Lít	184.225	0,1%	

Xác định các SEU-Khu vực sử dụng năng lượng trọng điểm :

Nhà máy

Củ Chi

Dạng năng lượng	SEU cấp 1	SEU cấp 2
Điện	Hệ thống sản xuất	Line 1A
		Line 2B
		Line 5
		Line 6
	Hệ thống máy nén khí	MNK số 5
		MNK số 8
		MNK số 10
		MNK số 11
	Hệ thống lạnh	Máy lạnh 1
		Máy lạnh 3

Nhà máy

Trảng Bàng

Nguồn năng lượng	Khu vực/bộ phận sử dụng năng lượng	Tiêu thụ năng lượng hàng năm của bộ phận hoặc khu vực chức năng	tỷ lệ tiêu thụ của khu vực/tổng tiêu thụ năng lượng của nhà máy(%)	Xác định khu vực sử dụng năng lượng đáng kể
Điện	Hệ thống cung cấp khí nén	22.646.709	29,04%	X
	Hệ thống sản xuất – khu vực POY	17.120.159	21,55%	X
	Hệ thống sản xuất – khu vực DTY	23.380.970	30,56%	X
	Hệ thống chiếu sáng	757.117	0,97%	
	Hệ thống làm mát	13.631.145	17,48%	X

Các cơ hội cải tiến

Nhà máy

CỦ CHI

STT	Nhóm giải pháp	Chi phí đầu tư (triệu VND)	Điện tiết kiệm (kWh/năm)	Tiền tiết kiệm (triệu VND)	Thời gian hoàn vốn trung bình (tháng)
1	• Nhóm I: Giải pháp tiết kiệm năng lượng không đầu tư và đầu tư thấp (Sử dụng đèn LED, thay quạt truyền động, lắp biến tần...)	102	29.852	99	17
2	• Nhóm II: Giải pháp tiết kiệm năng lượng có chi phí đầu tư trung bình (Lắp biến tần cho quạt hút, lắp đồng hồ điện tử và phần mềm QLNL...)	720	253.542	779	11
3	• Nhóm III: Giải pháp tiết kiệm năng lượng có chi phí đầu tư cao (Đầu tư hệ thống máy nén khí ly tâm và trục vít mới)	4.500	409.869	1.260	43

Nhà máy

Trảng Bàng

STT	Nhóm giải pháp	Chi phí đầu tư (triệu VND)	Điện tiết kiệm (kWh/năm)	Tiền tiết kiệm (triệu VND)	Thời gian hoàn vốn trung bình (tháng)
1	• Nhóm I: Giải pháp tiết kiệm năng lượng không đầu tư và đầu tư thấp (Sử dụng đèn LED, thay quạt truyền động, Lắp biến tần, giảm nhiệt độ đầu vào máy nén khí...)	107	613.548	1.035	4.2
2	• Nhóm II: Giải pháp tiết kiệm năng lượng có chi phí đầu tư trung bình (Điều khiển bơm nước lạnh, bơm và quạt tháp giải nhiệt HQNL)	477	1.490.603	1.004	6
3	• Nhóm III: Giải pháp tiết kiệm năng lượng có chi phí đầu tư cao (Lắp biến tần điều khiển bơm/quạt các khu vực AC, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng)	1.391	296.609	3.928	4.2

Đào tạo nhận thức hệ thống quản lý năng lượng và Đào tạo đánh giá nội bộ hệ thống quản lý năng lượng

Nhà máy
Củ Chi



Nhà máy
Trảng Bàng



Mục tiêu tiết giảm tiêu hao năng lượng trong năm 2025

Nhà máy Củ Chi

- Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và yêu cầu khác liên quan đến việc sử dụng năng lượng;
- Đảm bảo nhân viên thấu hiểu về chính sách và mục tiêu tiết kiệm năng lượng của Công ty;
- Giảm 0,9% điện năng tiêu thụ trong năm 2025 từ hệ thống lạnh so với năm 2023
- Giảm trên 1,8% điện năng tiêu thụ trong năm 2025 từ hệ thống máy nén khí so với năm 2023;
- Giảm 1,0% tổng điện năng toàn nhà máy năm 2025 (không bao gồm các mục tiêu trên) so với năm 2023;
- Mua sắm thiết bị ưu tiên thiết bị tiết kiệm năng lượng, thiết kế các hệ thống mới tối ưu về hiệu quả năng lượng.

Nhà máy Trảng Bàng

- Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và yêu cầu khác liên quan đến việc sử dụng năng lượng;
- Đảm bảo nhân viên thấu hiểu về chính sách và mục tiêu tiết kiệm năng lượng của Công ty;
- Giảm 0.082% điện năng tiêu thụ cho hệ thống chiếu sáng so với tổng điện năng tiêu thụ toàn nhà máy năm 2025;
- Giảm 1% điện năng tiêu thụ cho hệ thống làm mát so với tổng điện năng tiêu thụ toàn nhà máy năm 2025;
- Giảm 0.289% điện năng tiêu thụ cho hệ thống khí nén so với tổng điện năng tiêu thụ toàn nhà máy năm 2023;
- Giảm 0.605% điện năng tiêu thụ so với tổng điện năng tiêu thụ toàn nhà máy năm 2025;
- Mua sắm thiết bị ưu tiên thiết bị tiết kiệm năng lượng, thiết kế các hệ thống mới tối ưu về hiệu quả năng lượng.





Dưới sự hướng dẫn của nhóm tư vấn trong việc xây dựng tích hợp hệ thống quản lý năng lượng vào các hệ thống hiện có của Công ty đã đạt được các kết quả như sau:

- Thiết lập chính sách nhằm sử dụng năng lượng một cách hiệu quả hơn;
- Thiết lập mục tiêu năm và kế hoạch thực hiện mục tiêu nhằm hướng tới chính sách sử dụng năng lượng hợp lý và hiệu quả đã cam kết;
- Xây dựng được đội ngũ vận hành hệ thống quản lý năng lượng;
- Đã triển khai khóa đào tạo nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng và phương pháp xây dựng hệ thống quản lý năng lượng cho các cán bộ chủ chốt của Công ty;
- Xác định các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác cần tuân thủ;
- Sử dụng các số liệu thu thập được để phân tích và đưa ra các quyết định liên quan tới tiêu thụ năng lượng tại Công ty;
- Xem xét năng lượng: thống kê chi tiết năng lượng tiêu thụ tại các hộ tiêu thụ năng lượng;

Việc triển khai hệ thống quản lý năng lượng giúp Công ty đánh giá mức tiêu thụ hiện tại, xác định các cơ hội cải thiện và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng. Nhờ đó, STK có thể nâng cao hiệu quả vận hành của các thiết bị, giảm mức tiêu thụ năng lượng và tiết kiệm chi phí đáng kể. Bên cạnh đó, thông qua việc xây dựng và áp dụng các quy trình kiểm soát chặt chẽ, hệ thống này giúp Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời hạn chế rủi ro liên quan đến các chế tài xử phạt. Ngoài ra, với mục tiêu hướng tới giảm phát thải khí nhà kính, hệ thống quản lý năng lượng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các dự án bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong dài hạn.

Từ góc độ thị trường, việc áp dụng hệ thống quản lý năng lượng không chỉ giúp Công ty nâng cao uy tín thương hiệu mà còn tạo điều kiện thuận lợi để vượt qua các rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế. Điều này góp phần mở rộng cơ hội kinh doanh, củng cố niềm tin của khách hàng và cộng đồng, đồng thời gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

PHÁT THẢI (GRI-305)

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-2)

Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:



Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để **có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.**



Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe **container, xe tải, xe nâng, xe con** của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.



Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.



Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải **6 tháng/lần** theo quy định của pháp luật hiện hành.



Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách **sử dụng** các loại **xe điện**





Giảm phát thải nhà kính

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

STK là một trong các doanh nghiệp sợi hàng đầu tại Việt Nam, công ty kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm nhằm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định và hiệu quả, giúp STK ngày càng tiến gần hơn với mục tiêu “xanh hóa” của ngành thời trang

Bên cạnh đó Công ty đã tiếp cận toàn diện, triển khai một cách bài bản và đồng bộ các giải pháp để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, hướng đến mục tiêu chung phát thải ròng bằng 0 năm 2050.



GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

SCOPE 1

TRỰC TIẾP

Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi công ty.

Công ty không sở hữu lò hơi, hoặc sử dụng các vật liệu than đá, để tạo hơi và sản sinh ra khí nhà kính. Công ty chỉ sử dụng một lượng nhỏ dầu DO để chạy máy phát khí mất điện và để nạp máy bơm PCCC.

SCOPE 2

GIÁN TIẾP

Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do công ty mua.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Ployester Filament từ hạt PET chip, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

SCOPE 3

GIÁN TIẾP

Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của công ty.

Công ty đã gia tăng tỷ trọng trong việc sử dụng hạt nhựa tái chế trong các năm vừa qua.

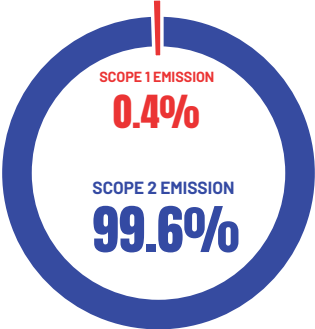
- Cuối năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với ENERTEAM, chỉ định đơn vị này làm đơn vị tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Kết quả kiểm kê sẽ được tổng hợp vào báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng trước ngày 31/03/2025, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Đây là bước quan trọng trọng cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững. Các báo cáo kiểm toán năng lượng và báo cáo kiểm kê KNK của ENERTEAM được lập và tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14064-1:201, GHG Protocol, PCC Guidelines và các quy định của Việt Nam như: Thông tư 17/2022/TT-BTNMT, Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Các hoạt động này nhằm thúc đẩy các giải pháp sử dụng năng lượng bền vững và giảm phát thải carbon, hướng tới tương lai “Net Zero”, đồng thời đề xuất các khuyến nghị phù hợp (như lộ trình giảm phát thải KNK) để Công ty có thể áp dụng tiến đến giảm lượng phát thải CO2, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu theo các quy định của Việt Nam và thế giới.
- Thông qua việc khảo sát thực tế hiện trường và các số liệu mà Công ty cung cấp theo yêu cầu của ENERTEAM lượng phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi năm 2024 như sau:

Phát thải của nhà máy Trảng Bàng năm 2024

Hoạt động phát thải		Tổng phát thải (tấn CO2tđ)	Tỷ lệ	Lượng phát thải khí thành phần (tấn)						
				CO2	CH4	N2O	HFCs	PFCs	SF6	NF3
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	163	0,4%	21	2	0	0	-	-	-
1.1	Phát thải từ nguồn đốt cố định	20	0,0%	20	0	0	-	-	-	-
1.2	Môi chất lạnh	83	0,2%	-	-	-	0	-	-	-
1.3	Bình CO2	1	0,0%	1	-	-	-	-	-	-
1.4	Xử lý nước thải sinh hoạt	59	0,1%	-	2	0	-	-	-	-
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	44.263	99,6%	44.263	-	-	-	-	-	-
2.1	Điện mua	44.263	99,6%	44.263	-	-	-	-	-	-
Tổng		44.426	100,0%	44.284	2	0	0	-	-	-

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2024 cho nhà máy Trảng Bàng của ENERTEAM

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Trảng Bàng năm 2024

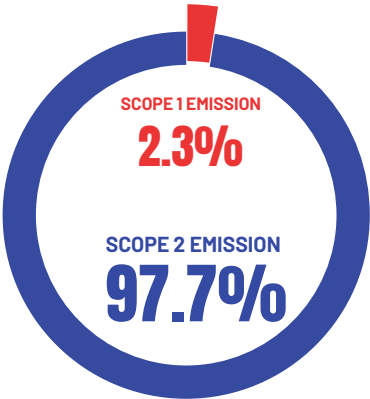


Phát thải của nhà máy Củ Chi năm 2024

Hoạt động phát thải		Tổng phát thải (tấn CO2td)	Tỷ lệ	Lượng phát thải khí thành phần (tấn)						
				CO2	CH4	N2O	HFCs	PFCs	SF6	NF3
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	81	2,3%	1	1	0	0	-	-	-
1.1	Phát thải từ nguồn đốt cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Phát thải từ nguồn đốt di động	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Môi chất lạnh	47	1,3%	-	-	-	0	-	-	-
1.4	Môi chất khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Bình chữa cháy	1	0,0%	1	-	-	-	-	-	-
1.6	Xử lý nước thải sinh hoạt	33	0,9%	-	1	0	-	-	-	-
1.7	Xử lý nước thải công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	3.484	97,7%	3.484	-	-	-	-	-	-
2.1	Điện mua	3.484	97,7%	3.484	-	-	-	-	-	-
Tổng		3.565	100,0%	3.485	1	0	0	-	-	-

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2024 cho nhà máy Củ Chi của ENERTEAM

Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Củ Chi năm 2024



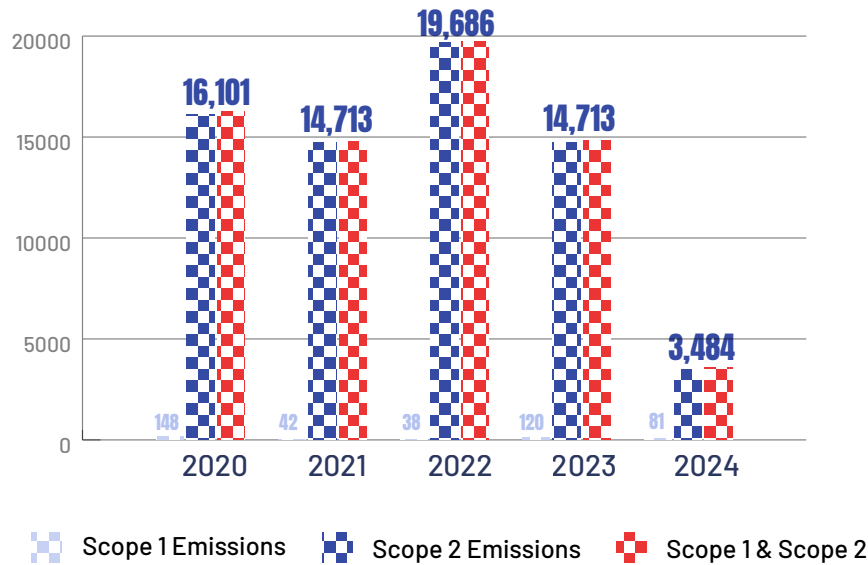
Có thể thấy Phạm vi 2 (Điện năng tiêu thụ) đang chiếm tỷ trọng cao lên đến hơn 99.6% cơ cấu phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng và 97.7% cơ cấu phát thải KNK Củ Chi.

Dựa trên cách tính lượng phát thải khí nhà kính của ENERTEAM cho nhà máy Trảng Bàng năm 2023, 2024. STK đã tính lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng cho ba năm từ 2020 đến 2022.

Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi.

Phát thải nhà máy Củ Chi		Đơn vị: (Tấn CO2 td)				
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	148,33	42,43	38,03	120,06	81
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	1,61	0,00	0,00	1,61	-
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	42,40	42,16	37,76	34,95	33
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	104,04	0	0	83,23	47
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0,27	0,27	0,27	0,27	1
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	16.100,98	14.712,55	19.685,75	14.712,55	3.484
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	16.100,98	14.712,55	19.685,75	14.712,55	3.484
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		16.249,31	14.754,98	19.723,78	14.832,62	3.565

LƯỢNG PHÁT THẢI THEO PHẠM VI 1 VÀ PHẠM VI 2 NHÀ MÁY CỦ CHI

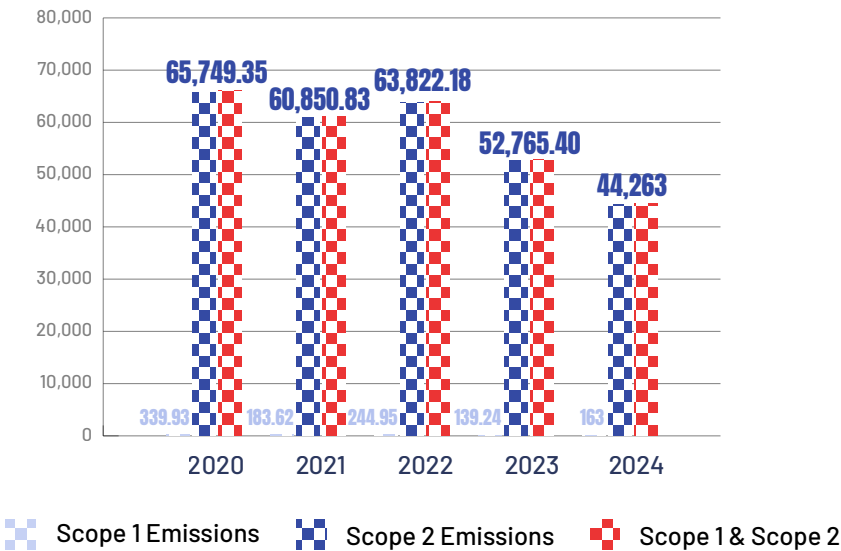


Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng

Phát thải nhà máy Trảng Bàng		Đơn vị: (Tấn CO2 tđ)				
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	339,93	183,62	244,95	139,24	163
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	14,02	7,52	7,52	13,43	20
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	75,28	71,12	70,02	62,45	59
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	249,70	104,04	166,46	62,42	83
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0,94	0,94	0,94	0,94	1
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	65.749,35	60.850,83	63.822,18	52.765,40	44.263
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	65.749,35	60.850,83	63.822,18	52.765,40	44.263
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		66.089,28	61.034,45	64.067,12	52.904,63	44.426

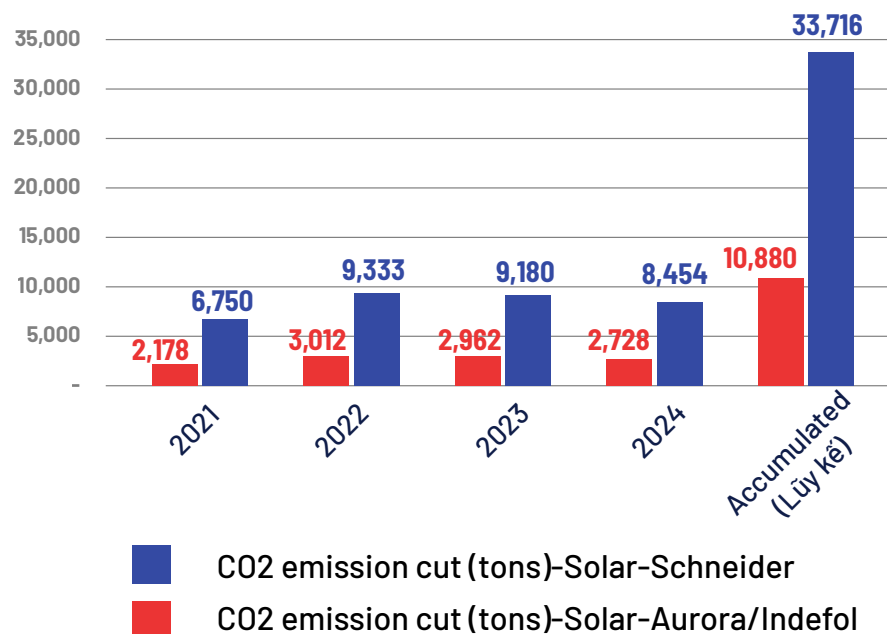
- Trong năm 2024, lượng phát thải phạm vi 2 giảm đáng kể, đặc biệt là nhà máy Củ Chi giảm từ hơn 14.832 tấn CO2e trong năm 2023 xuống còn 3.565 tấn CO2e. Nguyên nhân chính là việc Công ty giảm quy mô sản xuất ở nhà máy Củ Chi trong năm 2024 dẫn đến lượng điện sử dụng thấp hơn so với năm trước. Điện năng tiêu thụ giảm là nguyên nhân làm phát thải phạm vi 2 của nhà máy Củ Chi giảm mạnh.
- Lượng phát thải tại nhà máy Trảng Bàng đã giảm đáng kể, từ hơn 52.904 tấn CO2e trong năm 2023 xuống còn 44.426 tấn CO2e trong năm 2024, phản ánh nỗ lực cắt giảm khí thải và tối ưu hóa sản xuất của Công ty.
- Bên cạnh đó, trong những năm qua STK đã thực hiện những biện pháp góp phần cắt giảm KNK như: các sáng kiến tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng hạt nhựa tái chế.

LƯỢNG PHÁT THẢI THEO PHẠM VI 1 VÀ PHẠM VI 2 NHÀ MÁY TRẢNG BÀNG



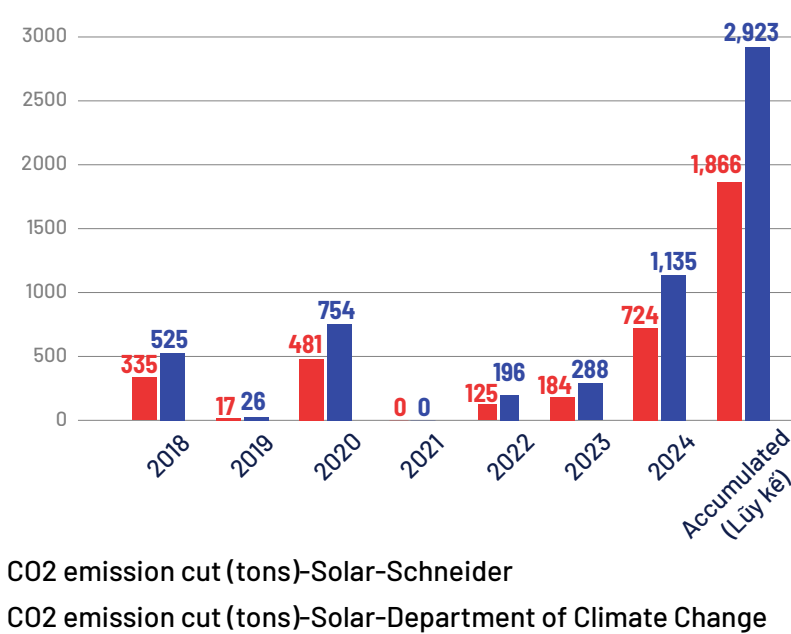
Chi tiết scope 2: Lượng carbon footprint cắt giảm do các biện pháp tiết kiệm điện và cắt giảm do sử dụng điện tái tạo.

CARBON FOOTPRINT CẮT GIẢM NHỜ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO (TẤN)



Lượng **Carbon footprint cắt giảm lũy kế đến năm 2024** nhờ sử dụng **năng lượng tái tạo** là **10.880 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Schneider**¹⁰ và **33.716 tấn** tính theo hệ số phát thải của **NCC Indefol/Aurora**.¹¹

CARBON FOOTPRINT CẮT GIẢM NHỜ
CÁC SÁNG KIẾN (TẤN)



Lượng **Carbon footprint cắt giảm lũy kế đến năm 2024** nhờ **các sáng kiến tiết kiệm điện** là **1.866 tấn** tính theo hệ số phát thải của **Schneider** và **2.923 tấn** tính theo hệ số phát thải của **cục BDKH**¹²

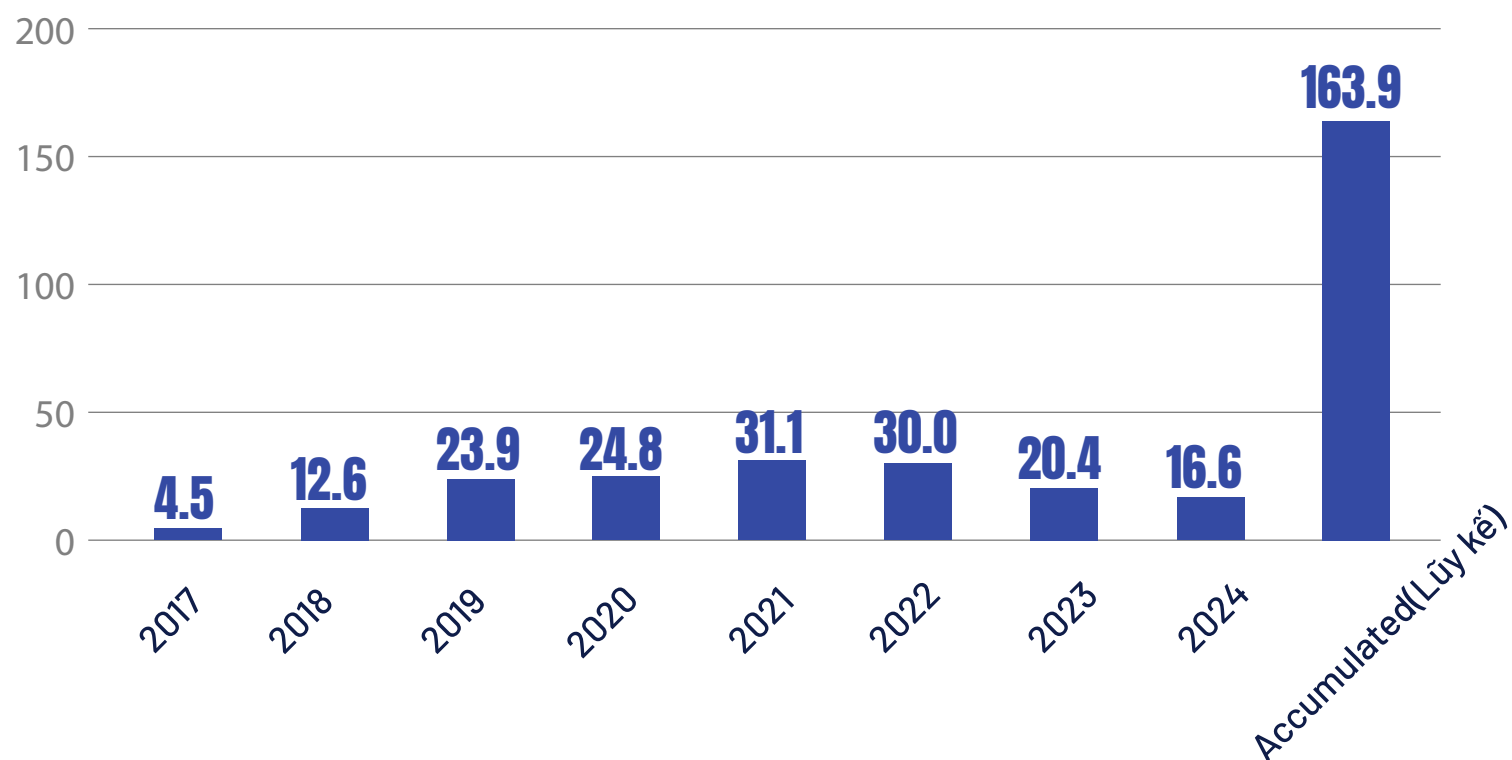
¹⁰Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric: 0,432 tấn CO₂/Mwh.

¹¹Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1,3387 ton CO₂e/Mwh

¹²Hệ số phát thải tính toán cho lưới điện Việt Nam năm 2022 là 0,6766 tCO₂/ MWh theo công văn số 327/BĐKH-PTCBT của Cục Biến đổi khí hậu.

Chi tiết scope 3: carbon footprint cắt giảm do sử dụng hạt nhựa tái chế.

CARBON FOOTPRINT CẮT GIẢM DO SỬ DỤNG HẠT NHỰA TÁI CHẾ (Ngàn tấn)



Lưu ý: Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO₂e/tấn chip và 2,36 tấn CO₂e/tấn chip

Lượng carbon footprint cắt giảm lũy kế từ năm 2017 đến năm 2024 do sử dụng hạt nhựa tái chế là **163,9 ngàn tấn**

SỐ LIỆU CARBON FOOTPRINT VỀ ĐIỆN CỦA STK TRONG NĂM 2024 NHƯ SAU:

Phát thải CO2 (Schneider Electric)

	Lượng tiêu thụ 2024	Hệ số phát thải CO2 (Schneider Electric)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Tăng/giảm % 2024/2023
Điện năng (Điện lưới)	77.509 MWh/year	0,432 (tCO2e/MWh)	54.904 (tCO2e/ year)	53.266 (tCO2e/ year)	42.853 (tCO2e/ year)	33.484 (tCO2e/ year)	-22%
Trong đó, phát thải cacbon Phạm vi 2 (Scope 2) trên 1kg sợi							
DTY	1,96 kwh/kg	0,432 (kgCO2e/kWh)	0,67 (kgCO2e/kg)	0,69 (kgCO2e/kg)	0,79 (kgCO2e/kg)	0,85 (kgCO2e/kg)	+7,7
FDY	1,11 kwh/kg	0,432 (kgCO2e/kWh)	0,45 (kgCO2e/kg)	0,45 (kgCO2e/kg)	0,48 (kgCO2e/kg)	0,48 (kgCO2e/kg)	-0,8%
POY	1,05 kwh/kg	0,432 (kgCO2e/kWh)	0,39 (kgCO2e/kg)	0,40 (kgCO2e/kg)	0,44 (kgCO2e/kg)	0,45 (kgCO2e/kg)	+4,2%

Ghi chú: Phát thải Phạm vi 2 chỉ dựa trên mức tiêu thụ điện từ EVN tính trên mỗi kilogram sợi (và không bao gồm điện mặt trời vì hệ số phát thải của điện mặt trời là 0).

Phát thải CO2(Cục BDKH)

	Lượng tiêu thụ 2024	Hệ số phát thải CO2 (Schneider Electric)	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Tăng/giảm % 2024/2023
Điện năng (Điện lưới)	77.509 MWh/year	0,6592 (tCO2e/MWh)	89.402 (tCO2e/ year)	88.587 (tCO2e/ year)	71.756 (tCO2e/ year)	51.093 (tCO2e/ year)	-22%
Trong đó, phát thải cacbon Phạm vi 2 (Scope 2) trên 1kg sợi							
DTY	1,96 kwh/kg	0,6592 (tCO2e/MWh)	1,02 (kgCO2e/kg)	1,05 (kgCO2e/kg)	1,20 (kgCO2e/kg)	1,29 (kgCO2e/kg)	+7,7
FDY	1,11 kwh/kg	0,6592 (tCO2e/MWh)	0,69 (kgCO2e/kg)	0,69 (kgCO2e/kg)	0,74 (kgCO2e/kg)	0,73 (kgCO2e/kg)	-0,8%
POY	1,05 kwh/kg	0,6592 (tCO2e/MWh)	0,59 (kgCO2e/kg)	0,62 (kgCO2e/kg)	0,67 (kgCO2e/kg)	0,69 (kgCO2e/kg)	+4,2%

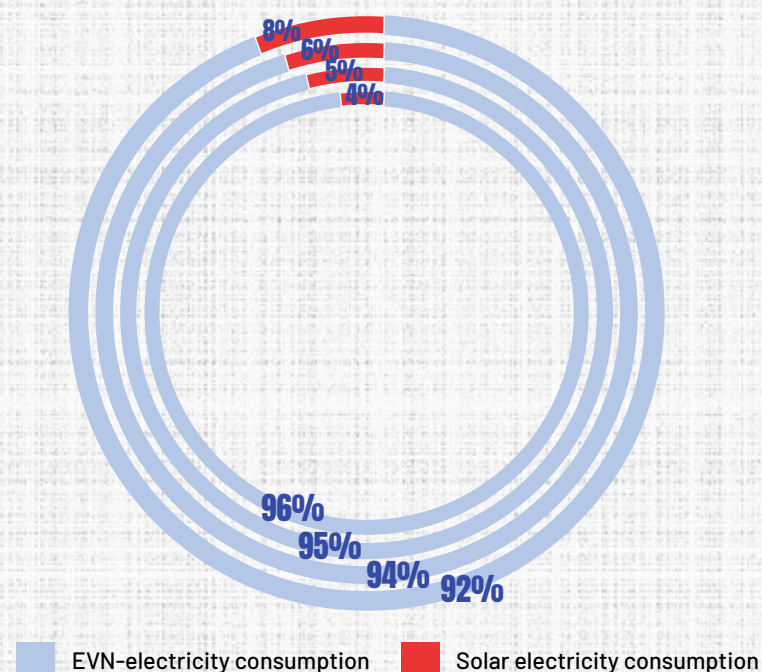
Ghi chú: Điện tiêu thụ/kg sợi (Lượng điện tiêu thụ không bao gồm điện mặt trời do hệ số phát thải của điện mặt trời bằng 0), (2) hệ số phát thải được dùng để tính toán phát thải carbon trong năm 2024 là 0,6592 theo Công văn số 1726/BĐKH-PTCBT về việc tính toán hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2023.

Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi POY, DTY, FDY nhìn chung đã tăng so với năm 2023 (POY tăng 4,2%, DTY tăng 7,7%; FDY giảm 0,8%), chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt trong năm, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn trên một đơn vị sợi.

MỤC TIÊU GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CARBON FOOTPRINT:

1. THÔNG QUA SỬ DỤNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO- NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI:

CƠ CẤU TIÊU THỤ ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2024



Ghi chú: Từ vòng trong ra ngoài tương ứng với năm 2021-2024

DPPA (Direct Power Purchase Agreement)- là thỏa thuận trực tiếp giữa bên sản xuất điện bên và có nhu cầu mua điện về việc mua bán điện mà KHÔNG thông qua các công ty điện lực của EVN. Hợp đồng này có tính chất song phương giá điện và thời hạn được cả hai bên thỏa thuận. Vì vậy, các doanh nghiệp có thể quản lý được sự biến động giá điện, giảm hóa đơn điện và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7,4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.

Từ đầu dự án đến cuối năm 2024

Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	33.716
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	25.186

Từ năm 2025 đến hết vòng đời dự án nhờ hệ thống Solar (Trảng Bàng và Củ Chi)

Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	502.440
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	375.319

Nâng tổng công suất hệ thống Solar lên 75Mwp (2025-2026)

Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar hết vòng đời dự án.	3.686.760
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	2.753.985

Note: Indefol/Aurora emission factor: 1.3387ton CO2e/Mwh

Lưu ý: Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1,3387 ton CO2e/Mwh

2. THÔNG QUA MỤC TIÊU NÂNG TỶ TRỌNG SỢI TÁI CHẾ TRONG TỔNG DOANH THU ĐẾN NĂM 2026-2027:

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” trong tổng doanh thu từ 44,5% năm 2024 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy Củ Chi, Trảng Bàng và Unitek

	2024	2026-2027
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	44,5%	60%-70%
Lượng CO2 (triệu tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	21,04 ngàn tấn	Khoảng 123,05 ngàn tấn

3. THAM GIA VÀO CÁC NỀN TẢNG SÁNG KIẾN ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO DỮ LIỆU CARBON



Nhằm cải thiện và giám sát các hoạt động có liên quan đến việc tác động môi trường, Công ty đã tham gia vào chương trình theo dõi và công bố Carbon tại doanh nghiệp (Carbon Disclose Project-CDP) trong năm 2022. Công ty thực hiện cung cấp thông tin và số liệu liên quan thông qua bảng câu hỏi chi tiết về các chủ đề biến đổi khí hậu (dữ liệu phát thải scope 1,2,3), công bố về phương pháp quản trị hệ thống nhận diện rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp, cơ chế quản

trị doanh nghiệp, các vấn đề về sử dụng năng lượng và chiến lược phát triển của Công ty.

Nhờ vậy, Công ty nhận diện được các lĩnh vực mình cần cải thiện trong thời gian tới: tăng tính tin cậy của số liệu phát thải carbon footprint scope 1,2 và 3 thông qua việc đánh giá và xác nhận của các tổ chức uy tín, tăng cường triển khai lập kế hoạch sử dụng năng lượng và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng tại tổ chức, tăng cường huy động sự tham gia của chuỗi cung ứng trong cam kết giảm phát thải carbon và chiến lược chống biến đổi khí hậu.

Việc công bố định kỳ và được chấm điểm bởi CDP sẽ giúp Công ty nhận diện được tình trạng hiện tại của các lĩnh vực, khuyến khích Công ty đo lường và quản lý tác động môi trường từ đó giúp Công ty đề ra những chiến lược tích hợp cả về kinh tế và bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu chung Net-Zero năm 2050.



4. KÍ CAM KẾT SBTi VỚI MỘT KHÁCH HÀNG THƯƠNG HIỆU.



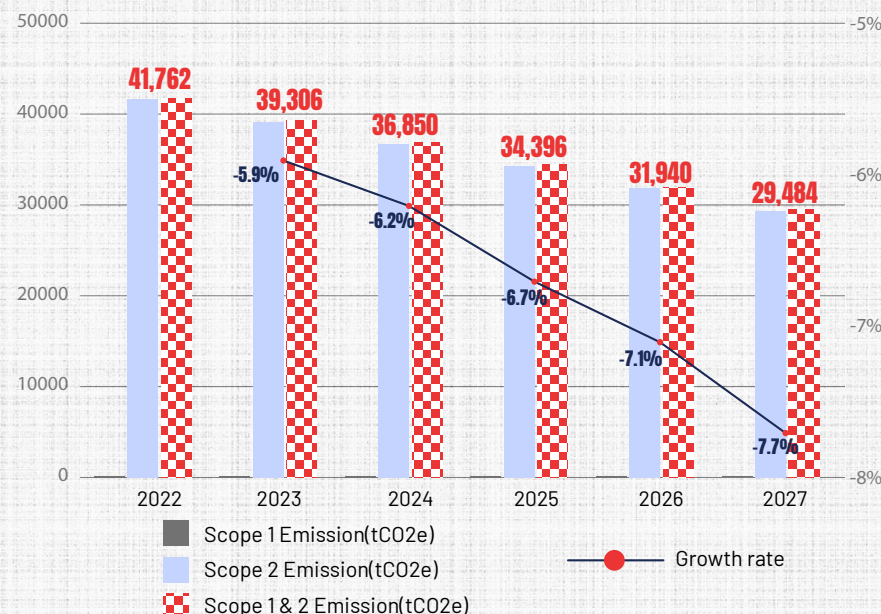
SCIENCE
BASED
TARGETS

DRIVING AMBITIOUS CORPORATE CLIMATE ACTION

Bên cạnh đó, Nhà máy Trảng Bàng của Công ty đã cùng khách hàng Decathlon cam kết SBTi trong năm 2023, đồng hành với thương hiệu này trong việc thiết lập các mục tiêu về cắt giảm khí nhà kính. STK nhận thấy vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp trong việc giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra cho tương lai của hành tinh. Chi tiết cam kết SBTi với Decathlon của nhà máy Trảng Bàng. Năm cơ sở và mục tiêu cắt giảm khí thải nhà kính đến năm 2027.

Năm cơ sở 2022		Năm mục tiêu 2027	
Scope 1 Emission(tCO2e)	150	Scope 1 Emission (tCO2e)	106
Scope 2 Emission(tCO2e)	46.612	Scope 2 Emission(tCO2e)	29.378

CAM KẾT CẮT GIẢM KNK CỦA STK CHI NHÁNH TRẢNG BÀNG



Các thông tin về tiêu thụ năng lượng của nhà máy Trảng Bàng được Công ty cung cấp lên platform "Resource Advisor" nhằm phục vụ cho mục đích xác minh kết quả cắt giảm khí nhà kính tại nhà máy có đang phù hợp với lộ trình cam kết từ đó giúp Công ty có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp để đạt được cam kết cắt giảm khí thải đã đề ra ban đầu.

SBTi là viết tắt của "Science Based Targets initiative". Mục tiêu của SBTi là đảm bảo rằng các doanh nghiệp, tổ chức và chính phủ thiết lập mục tiêu giảm lượng khí nhà kính của họ dựa trên cơ sở khoa học về biến đổi khí hậu

Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2024:
(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng không khí tại Phụ Lục 1)

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (GRI 306)

TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM (GRI 306-1)

		Đvt	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Lượng nước thải	Củ Chi	m ³	6.137	6.188	6.173	8.304	5.843	8.607	5.541	4.885	322
	Trảng Bàng 1,2	m ³	9.462	12.988	11.222	9.496	14.907	11.802	13.744	12.481	9.166
	Trảng Bàng 3	m ³	17.724	12.786	9.537	8.817	13.520	8.224	13.807	11.015	12.393
	Unitex	m ³									15.466
	Tổng cộng	m ³	33.323	31.961	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092	28.380	37.347

Tổng lượng nước thải trên toàn hệ thống tăng từ 28.380 m³ năm 2023 lên 37.347 m³ năm 2024, tương ứng mức tăng 31,6%. Nguyên nhân chính là do nhà máy Unitex bước vào giai đoạn chạy thử vận hành giai đoạn 1, dẫn đến lưu lượng nước thải gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách tiết kiệm nước hằng năm, không chỉ giúp giảm lượng nước tiêu thụ mà còn góp phần cắt giảm đáng kể lượng nước thải phát sinh.

Các thông số và kết quả quan trắc nước thải trong năm 2024:

(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại Phụ Lục 2)

TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-2)

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại – đơn vị đảm trách Cty CP Môi Trường Xanh VN.
- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: Công ty TNHH MTV Nguyễn Ngọc Hạnh, Công ty TNHH Môi Trường Xanh Vĩnh Long Việt Nam và Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Tây Ninh.
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

SỰ CỐ TRẦN ĐÁNG KÊ (GRI 306-3)

- Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải trong năm 2024.
- Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành.

VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI (GRI 306-4)

- Công ty trang bị nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định.
- Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải.
- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (Cty CP Môi Trường Xanh VN) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này – Xem thêm mục **Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý (GRI 306-2).**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRẢNG BÀNG:			
Dầu nhiên liệu	170601	15.226	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Dầu Diesel thải	170601	2.297	
Chất hấp thụ vật liệu lọc	180201	1.170	
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	24.995	
Màng khô	070109	0	
Bùn thải	180201	9.950	
Bóng đèn thải	160106	0	
Hộp mực in thải	080204	0	
Tổng số lượng		53.638	
CỦ CHI:			
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	810	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Tổng số lượng		810	

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307)

KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307-1)

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Ban QLKC và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0 có trường hợp.

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

Mục tiêu nước
sử dụng m³/kg
sợi: 0.0021;

Tỷ lệ tái sử
dụng ống giấy
POY đạt 3,0 lần;

Tỷ lệ sợi recycle
đóng góp trên tổng
doanh thu chiếm
60,8%;

Tỷ lệ sử dụng nước
tuần hoàn chiếm
2% trên tổng lượng
nước sử dụng;

Mục tiêu điện tiêu thụ
Kw/kg sợi: POY: 1,09kw/
kg sợi; DTY: 1,49 kw/kg
sợi; FDY: 1,55 kw/kg sợi;

Tỷ lệ năng lượng tái tạo
trên tổng năng lượng
sử dụng chiếm 10%;

Xảy ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và
Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ
quan nhà nước đến kiểm tra công ty:
0 lần;

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG ỨNG (GRI 308)

CÁC NHÀ CUNG CẤP MỚI ĐƯỢC SÀNG LỌC DỰA TRÊN CÁC TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG (GRI 308-1)

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TIÊU CỰC TRONG CHUỖI CUNG ỨNG VÀ HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (GRI 308-2)

Đánh giá Tác động Môi trường từ Các Nhà Cung Cấp

- Hoạt động của các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Đánh giá tác động này giúp STK lựa chọn đối tác phù hợp, giảm thiểu rủi ro và thực hiện chiến lược phát triển bền vững.
- Sau đây là những tác động đến môi trường mà các nhà cung ứng của STK có thể gây ra.

STT	Tác động đến môi trường	Chi tiết
1	Phát thải khí nhà kính (GHG) và ô nhiễm không khí	• Hoạt động sản xuất của nhà cung cấp có thể tạo ra CO2, CH4 và N2O – các khí gây hiệu ứng nhà kính. • Quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, làm tăng phát thải CO2 và NOx • Sử dụng lò hơi, máy phát điện, hóa chất trong sản xuất có thể phát sinh khí thải độc hại như SO2 và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi khác, ảnh hưởng đến chất lượng không khí.
2	Ô nhiễm nước và tiêu hao tài nguyên nước	• Xả thải nước thải chưa qua xử lý từ hoạt động sản xuất chứa kim loại nặng, hóa chất độc hại, gây ô nhiễm nguồn nước. • Sử dụng quá mức nguồn nước ngầm và nước mặt trong quá trình sản xuất có thể làm suy giảm tài nguyên nước và ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương. • Nước thải từ quy trình nhuộm, tẩy rửa, chế biến có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng nếu không được xử lý đúng tiêu chuẩn.
3	Ô nhiễm đất và chất thải rắn	• Chất thải công nghiệp như bao bì nhựa, kim loại, hóa chất tồn dư, bùn thải từ xử lý nước có thể gây ô nhiễm môi trường đất nếu không được xử lý đúng cách. • Rò rỉ hóa chất, dầu nhớt hoặc nhiên liệu trong quá trình lưu trữ và vận hành có thể làm ô nhiễm đất, ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh. • Chất thải rắn từ quá trình sản xuất (bao bì, phế liệu, sản phẩm lỗi) nếu không được tái chế có thể gia tăng gánh nặng chất thải.

STT	Tác động đến môi trường	Chi tiết
4	Ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái	- Khai thác nguyên liệu đầu vào (bông, gỗ, khoáng sản, dầu mỏ...) có thể phá hủy môi trường tự nhiên và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. - Hoạt động sản xuất không bền vững có thể gây mất cân bằng sinh thái, tác động tiêu cực đến hệ động thực vật. - Chuyển đổi mục đích sử dụng đất để mở rộng nhà máy có thể ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài động thực vật bản địa.
5	Sử dụng tài nguyên thiên nhiên và vòng đời sản phẩm	- Nhà cung cấp tiêu hao nhiều năng lượng và nguyên liệu đầu vào, làm gia tăng dấu chân carbon (carbon footprint). - Sử dụng nguyên liệu không bền vững như nhựa nguyên sinh, bông không hữu cơ, giấy từ rừng không được quản lý bền vững. - Sản phẩm không dễ tái chế hoặc tái sử dụng, dẫn đến gia tăng rác thải sau sử dụng.
6	Quản lý chất thải và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất	- Nhà cung cấp không có chính sách tái chế hoặc xử lý chất thải hiệu quả có thể gây ô nhiễm môi trường và vi phạm quy định pháp luật. - Thiếu trách nhiệm trong việc thu hồi sản phẩm sau sử dụng có thể làm tăng lượng rác thải ra môi trường.

STK ưu tiên phân tích nhóm nhà cung cấp hạt nhựa, vì đây là nguồn nguyên liệu cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong quy trình sản xuất sản phẩm cuối cùng của STK. Nhà cung ứng hạt nhựa có thể gây ra nhiều tác động đến môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm, từ khai thác nguyên liệu, sản xuất, vận chuyển đến xử lý cuối vòng đời. Việc đánh giá các tác động này giúp STK xác định rủi ro và thúc đẩy các giải pháp bền vững hơn trong chuỗi cung ứng.

STT	Tác động đến môi trường	Chi tiết
1	Phát thải khí nhà kính (GHG)	- Quá trình sản xuất hạt nhựa, đặc biệt từ nguyên liệu hóa thạch (dầu mỏ, khí đốt), tiêu tốn năng lượng lớn và phát sinh lượng khí CO2 đáng kể. - Vận chuyển hạt nhựa cũng góp phần gia tăng phát thải, đặc biệt khi nhập khẩu từ các nhà cung ứng ở xa.
2	Tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên	- Nguyên liệu đầu vào: Hạt nhựa nguyên sinh được sản xuất từ các phế phẩm dầu mỏ – nguồn tài nguyên không tái tạo. - Nước: Quá trình sản xuất nhựa sử dụng một lượng nước lớn, có thể gây khan hiếm nước tại các khu vực sản xuất.

STT	Tác động đến môi trường	Chi tiết
3	Ô nhiễm môi trường	- Ô nhiễm nước: Nước thải từ quá trình sản xuất hạt nhựa có thể chứa hóa chất độc hại, ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm và sinh vật. - Ô nhiễm không khí: Hoạt động sản xuất có thể phát sinh khí thải độc hại như SO₂ và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và các chất gây ô nhiễm khác. - Ô nhiễm vi nhựa: Các hạt nhựa nhỏ có thể rò rỉ vào môi trường trong quá trình sản xuất, vận chuyển và xử lý, gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và sức khỏe con người.
4	Tác động đến đa dạng sinh học	- Rủi ro mất rừng hoặc suy thoái đất nếu các nhà máy sản xuất hạt nhựa mở rộng mà không có biện pháp kiểm soát. - Rò rỉ vi nhựa vào môi trường có thể xâm nhập vào chuỗi thức ăn, ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển và động vật hoang dã.
5	Quản lý chất thải và khả năng tái chế chưa hiệu quả	- Hạt nhựa từ nguyên liệu tái chế giúp giảm tác động môi trường so với nhựa nguyên sinh. - Một số nhà cung cấp hạt nhựa có thể chưa quản lý chất thải và quy trình tái chế một cách hiệu quả do chưa áp dụng công nghệ tái chế tiên tiến. Điều này dẫn đến việc nhựa sau sử dụng không được tái chế thành nguyên liệu mới mà trở thành rác thải, gây lãng phí tài nguyên và tác động tiêu cực đến môi trường.

Định kỳ mỗi 6 tháng, công ty tiến hành đánh giá nhà cung cấp không chỉ dựa trên yếu tố giá cả mà còn ưu tiên lựa chọn các đối tác có chứng nhận môi trường uy tín như ISO 14001, GRS... Đồng thời, công ty khuyến khích sử dụng hạt nhựa tái chế nhằm giảm phát thải carbon và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Bên cạnh đó, công ty thiết lập bộ tiêu chí đánh giá nhà cung ứng dựa trên các tiêu chuẩn phát triển bền vững và chính sách môi trường - xã hội, đảm bảo sự lựa chọn phù hợp với cam kết trách nhiệm doanh nghiệp và mục tiêu phát triển dài hạn.



**Dưới đây là các đánh giá của STK về nhóm nhà cung ứng
(đánh giá gần nhất 6 tháng cuối năm 2024)**

BẢNG TỔNG HỢP XẾP HẠNG NHÀ CUNG ỨNG TỪ THÁNG 07/2024 ĐẾN THÁNG 12/2024

STT	Nhóm hàng	Số nhà Cung ứng được đánh giá	Điểm đánh giá trung bình (điểm)
1	Băng keo	3	55,5
2	Thùng Carton	8	54,7
3	Chip	3	59,6
4	Dầu nhập khẩu	4	57,5
5	Gia công	5	57,1
6	Hóa chất nước ngoài	2	59,0
7	Hóa chất trong nước	6	60,8
8	Linh kiện nước ngoài	10	56,1
9	Linh kiện trong nước	14	59,2
10	Nylon	3	53,8
11	Ống giấy	4	56,0
12	Pallet	3	56,6
13	Tem mực	2	56,9

Ghi chú: Các nhà cung ứng đạt trên 50 điểm đánh giá sẽ tiếp tục được xem xét, duy trì hợp tác và thực hiện giao dịch trong các đơn hàng tiếp theo.

BẢNG TỔNG HỢP XẾP HẠNG TNXH NHÀ CUNG ỨNG TỪ THÁNG 07/2024 ĐẾN THÁNG 12/2024

STT	Nhóm hàng	Số nhà Cung ứng được đánh giá	Điểm đánh giá trung bình (điểm)
1	Ống giấy	3	90
2	Thùng Carton	5	91
3	Chip	1	97
4	Dầu nhập khẩu	1	97

Ghi chú: Thang điểm tối đa là 100, và các nhà cung ứng đạt từ 90 điểm trở lên, khi được đánh giá theo các tiêu chí TNXH, sẽ được ưu tiên mua số lượng lớn hoặc ký kết hợp đồng phụ.

Các nhà cung ứng sẽ được tiếp tục hợp tác nếu đạt điểm đánh giá tối thiểu theo quy định của Công ty, tùy theo từng nhóm nhà cung ứng. Trong trường hợp nhà cung ứng gây tác động tiêu cực đến môi trường, STK có thể triển khai các biện pháp khắc phục sau:

- **Yêu cầu cải thiện:** STK sẽ làm việc trực tiếp với nhà cung ứng để xác định vấn đề và yêu cầu họ thực hiện các biện pháp khắc phục, bao gồm nâng cấp quy trình sản xuất, cải thiện hệ thống xử lý chất thải hoặc áp dụng các chứng nhận môi trường như ISO 14001, GRS...
- **Tăng cường giám sát và đánh giá:** Nhà cung ứng vi phạm sẽ được đưa vào danh sách theo dõi đặc biệt, với tần suất đánh giá cao hơn nhằm đảm bảo họ thực hiện đúng cam kết về bảo vệ môi trường và tuân thủ các tiêu chuẩn của Công ty.

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (GRI 400)

“Liên tục cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động, Công ty tập trung thu hút và duy trì lượng lao động ổn định cho các hoạt động sản xuất”



MỤC TIÊU 2024

- Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; giảm tỷ lệ biến động nhân sự;
- Tăng số giờ đào tạo trung bình; xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động; giảm số vụ tại nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;
- Phát triển cộng đồng địa phương; đảm bảo chống tham nhũng;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- Quản lý Ngân sách lương 97%;

KẾT QUẢ 2024

- Thưởng Tết Nguyên Đán hơn 1 tháng lương cho người lao động;
- Tỷ lệ biến động nhân sự trong năm 2024 là 40,99% so với năm 2023 là 46,7%; số giờ đào tạo trung bình giảm nhẹ 2,2%% so với năm trước;
- Tổ chức hơn 40 khóa đào tạo nâng cao tay nghề; tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 90%;
- Số vụ tại nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ; tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;
- Không có vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;
- Số vụ tham nhũng: 0 vụ;
- Tỷ lệ biến động Nhân sự 40,99%;
- Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 25,01%;
- Đáp ứng nhu cầu nhân sự 65,92%;
- Quản lý Ngân sách lương 99,02%;

Phương pháp quản trị (GRI 2-12)

Nhằm duy trì và phát triển các tiêu chí của chính sách tuyển dụng lao động, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho các hoạt động sản xuất của Công ty. Sợi Thế Kỳ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp; tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan. Ngoài ra, Công ty cũng luôn cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng địa phương và xã hội nơi nhà máy hoạt động.

CHÍNH SÁCH	• Chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty; • Quy chế khen thưởng năm 2024; • Kế hoạch đào tạo năm 2024; • Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4.0; • Quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; • Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4.0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100; • Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4.0;
CAM KẾT	• Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển; • Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động; • Cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng; • Cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương;
MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	• Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty; • Phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao; • Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động; • Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường; • Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương;
TRÁCH NHIỆM	• Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	• Ban Điều Hành, phòng Nhân sự, bộ phận Tuyển dụng, bộ phận Đào tạo, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, công đoàn.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	• Phòng Nhân sự, Phòng Tổng Quản Lý;

Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 2-18)

- Năm 2024, dù hoạt động kinh doanh chưa đạt kỳ vọng do nhu cầu thị trường suy yếu và áp lực cạnh tranh về giá, dẫn đến đơn hàng sụt giảm, sản lượng sản xuất giảm và doanh thu thấp, công ty vẫn chú trọng đến đời sống nhân viên. Để khích lệ tinh thần làm việc, công ty đã thực hiện chính sách tăng lương cho CBCNV trong năm 2024 với mức tăng bình quân 9,9% so với năm 2023. Trong đó, riêng khối công nhân mức thu thập bình quân đã tăng 16,7% so với năm 2023. Công ty luôn tạo điều kiện, khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.
- Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2024 đạt 40,99%, giảm so với 46,73% của năm 2023, cho thấy xu hướng ổn định hơn dù vẫn cao hơn mục tiêu 25%. Nguyên nhân chính là do sự điều chỉnh quy mô sản xuất tại nhà máy Củ Chi do ảnh hưởng của biến động kinh tế và nhu cầu thị trường là một trong những yếu tố tác động đến tình hình nhân sự trong năm 2024. Dù vậy, công ty vẫn nỗ lực giữ chân nhân tài và tiếp tục điều chỉnh chiến lược nhân sự nhằm đảm bảo sự ổn định trong dài hạn.
- Các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức góp phần gia tăng hiệu suất làm việc của người lao động thông qua hoàn thành mục tiêu KPIs chung của Công ty theo kế hoạch đặt ra.
- Không ghi nhận các vụ tai nạn lao động trong các năm qua và ghi nhận số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể.
- Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

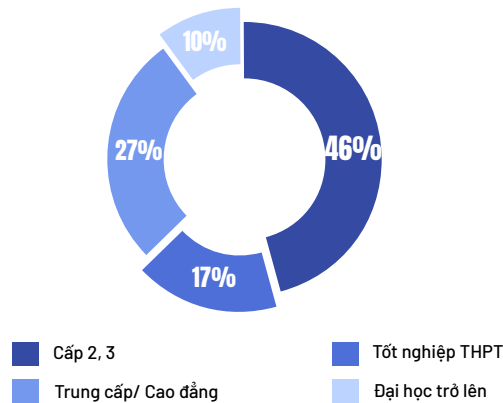
VIỆC LÀM (GRI 401)

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC (GRI 401-1)

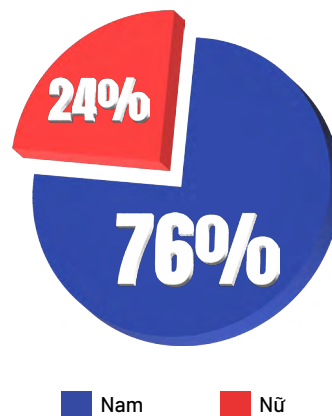
Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2024 là **999** nhân viên

Trong năm 2024, ngành dệt may Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực, tuy nhiên ngành sợi trong nước vẫn đang trong quá trình thích ứng với những thách thức thị trường. Trước bối cảnh nhu cầu chưa ổn định và áp lực cạnh tranh về giá, Công ty đã chủ động tối ưu hóa hoạt động sản xuất, bao gồm điều chỉnh quy mô tại nhà máy Củ Chi từ quý 2 đến hết quý 3/2024 và linh hoạt điều tiết hoạt động tại nhà máy Trảng Bàng. Những điều chỉnh này giúp Công ty nâng cao hiệu quả vận hành, kiểm soát chi phí và sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường khởi sắc

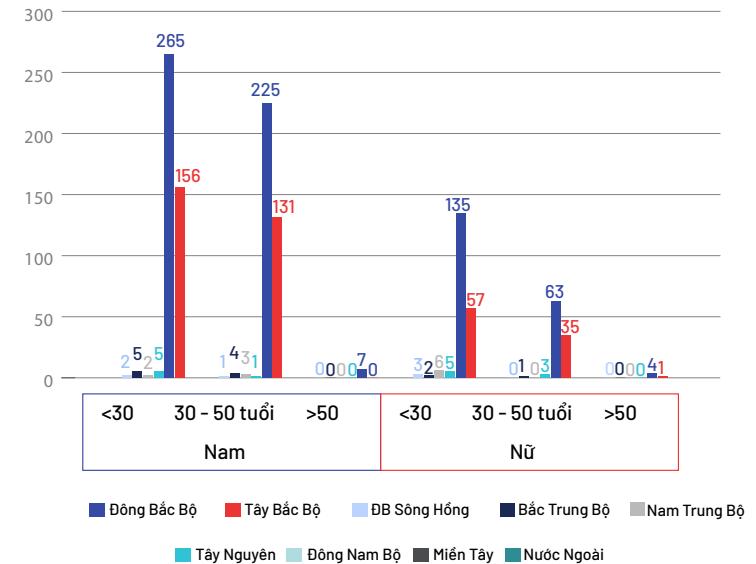
TRÌNH ĐỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG



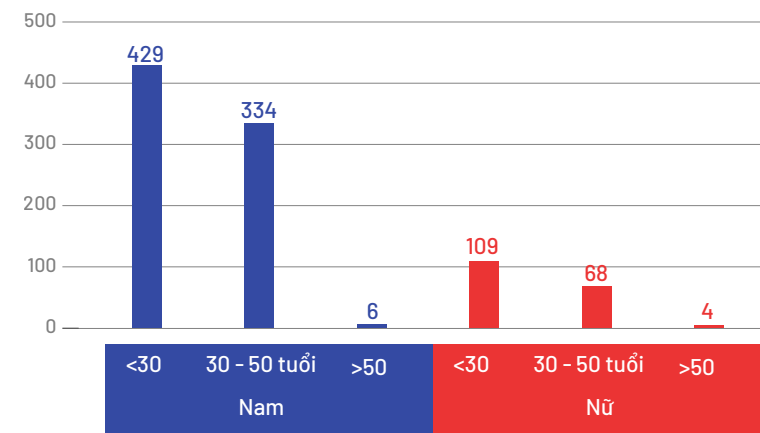
GIỚI TÍNH



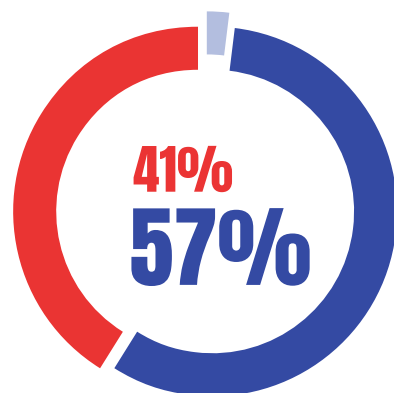
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI TRONG KỲ BÁO CÁO



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN BỎ VIỆC TRONG KỲ BÁO CÁO

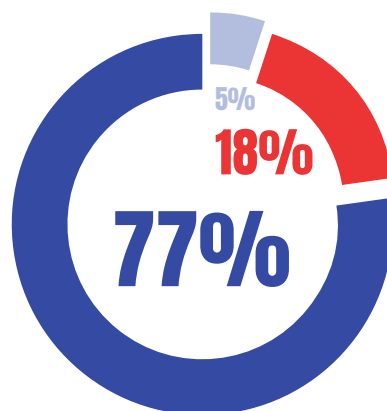


CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI



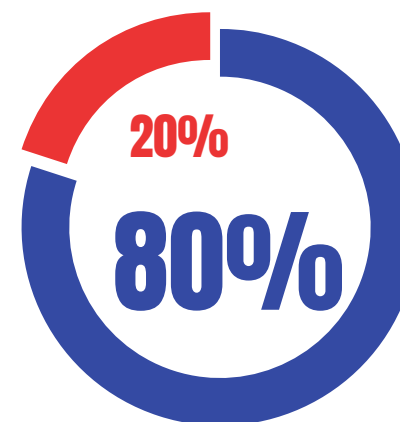
■ 18 - 30 tuổi ■ 30 - 50 tuổi ■ 50 tuổi

THEO CẤP BẬC



■ Quản lý ■ NVVP ■ Công nhân

KHỐI CHỨC NĂNG



■ Sản xuất ■ Văn phòng



PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

CHÍNH SÁCH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC	CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN
• Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời. • Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty. • Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7. • Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca. • Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/ tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.	• Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. • Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty. • Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước. • Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.
CHÍNH SÁCH VỀ THƯỞNG	CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM
Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau: • Thưởng Kỹ thuật viên vận hành; • Thưởng chấp hành nội quy; • Thưởng hoàn thành nhiệm vụ; • Thưởng bậc tay nghề; • Thưởng theo doanh số bán hàng; • Thưởng hiệu quả mua hàng; • Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng; • Thưởng các ngày Lễ; Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV: • Thưởng Tết; • Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;	• Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là 100%. • Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

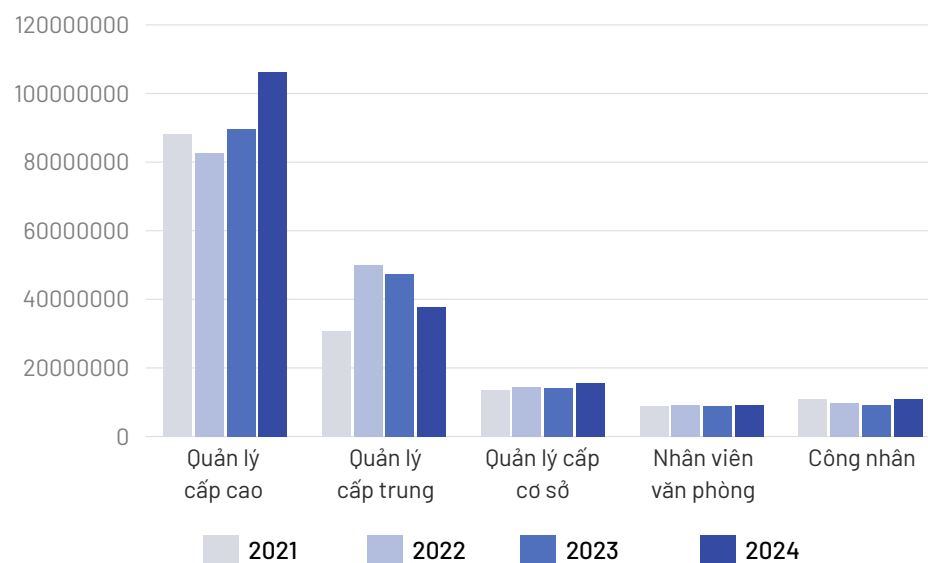
CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- Đài thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.

LƯƠNG THỰC LÃNH

- Khối văn phòng: Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.
- Khối sản xuất: Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

THEO CẤP BẬC



Năm 2024, thu nhập bình quân của nhân viên văn phòng và khối sản xuất tăng hơn 9,9% so với năm 2023. Mặc dù hoạt động kinh doanh chưa đạt kỳ vọng do nhu cầu thị trường suy yếu, áp lực cạnh tranh về giá khiến đơn hàng giảm, sản lượng sụt giảm và doanh thu thấp, Công ty vẫn đặt trọng tâm vào đời sống người lao động. Để khích lệ tinh thần làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách tăng lương cho CBCNV với mức tăng bình quân 9,9% (tùy theo cấp bậc và thâm niên).

Dù đối mặt với nhiều thách thức, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho những cơ hội mới vào năm 2025, khi ngành dệt may được dự báo sẽ phục hồi tích cực. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo chi trả lương, thưởng đúng hạn, giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

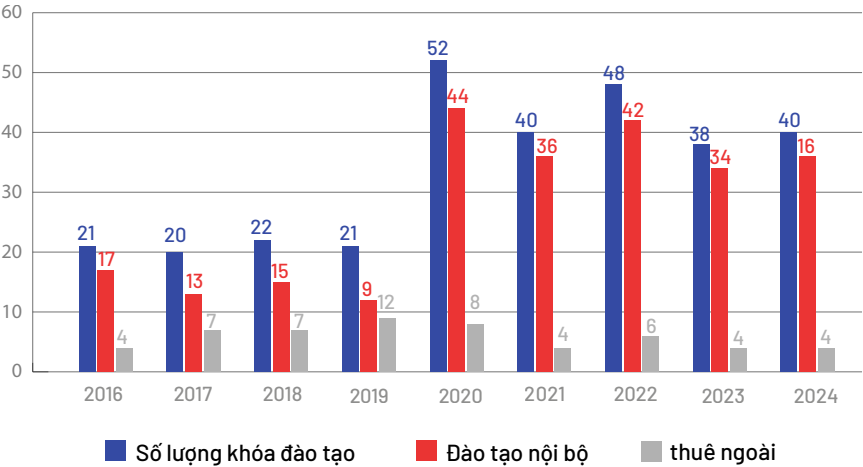
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	Nam	30
	Nữ	14
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	Nam	30
	Nữ	14
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	Nam	30
	Nữ	9
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng	Nam	23
	Nữ	7
Tỷ lệ quay lại làm việc hay tỷ lệ giữ chân nhân viên	Nam	88,3%
	Nữ	57,1%

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 400)

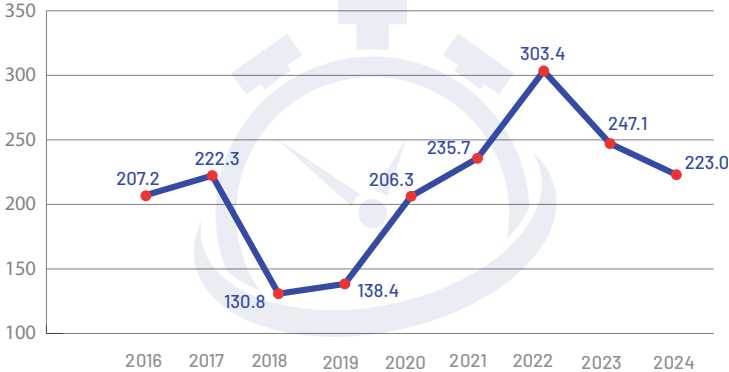
SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

SỐ LƯỢNG KHÓA ĐÀO TẠO



SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH (giờ người/năm)



CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP (GRI 404-2)

Công ty tổ chức các chương trình đào tạo với khung nội dung liên quan đến kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2024 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo tay nghề người mới khối sản xuất	Sản xuất	268.54					796	213,760	1	
Đào tạo NQCT, ATLĐ, ATHC, PCCC, 5S, TTSP cho người mới.	CB-CNV	2.0	20	40	169	338	796	1,592	30	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Chính sách xã hội.	CB-CNV	0.25			116	29	558	139.5	4	
Huấn luyện PCCC.	CB-CNV	8					60	480		1
Huấn luyện Sơ cấp cứu.	CB-CNV	8					60	480		1
Huấn luyện ATLĐ các nhóm 1 - 4	CB-CNV	8					660	5280		1
Đào tạo về An toàn hóa chất	CB-CNV	16					30	480	1	
Đào tạo về hóa chất, các thiết bị nghiêm ngặt, làm việc trên cao.	CB-CNV	24					12	288		1

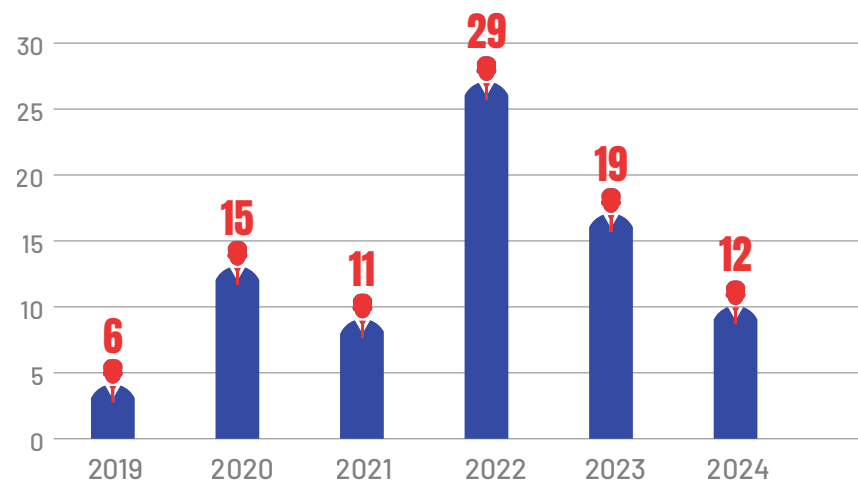
TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP (GRI 404-3)

Về chính sách để bạt:

- Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách để bạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.
- Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.
- Trong năm 2024 số lượng nhân viên được để bạt lên các vị trí cao hơn là 12 người với 5 người ở nhà máy Củ Chi, 4 người ở nhà máy Trảng Bàng và 3 người ở Unitex

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: 90%

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN ĐỂ BẠT QUA CÁC NĂM (NGƯỜI)



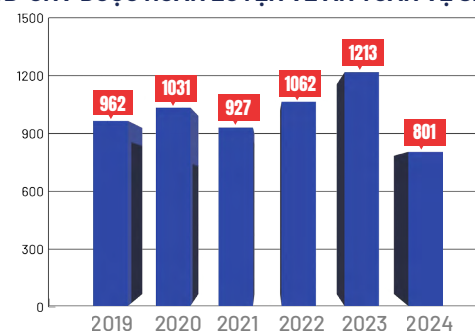
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)

ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 403-1)

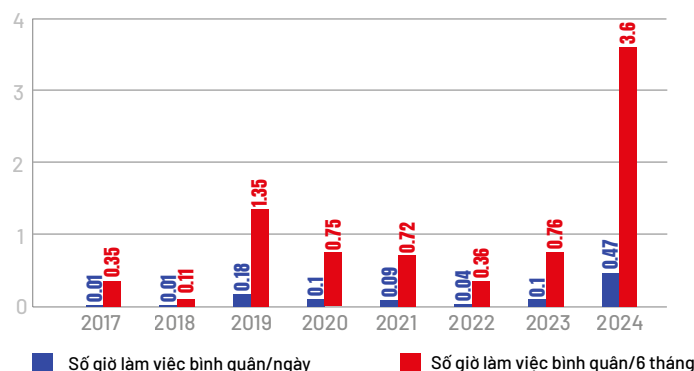
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên.
 - Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động.
 - Định kỳ ban an toàn - vệ sinh - lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn - lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tai nạn lao động tại Công ty.
- + Mạng lưới an toàn vệ sinh viên: 38 người (nam: 32 người, nữ: 6 người)
- + Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: **100%**.

LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC (GRI 403-2)

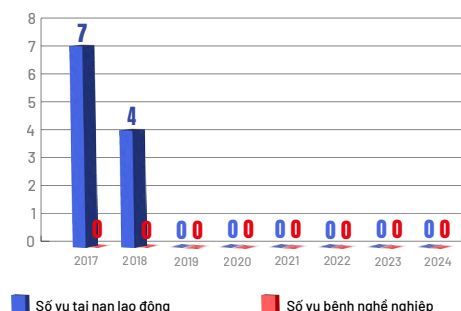
TỔNG SỐ CB-CNV ĐƯỢC HUẤN LUYỆN VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



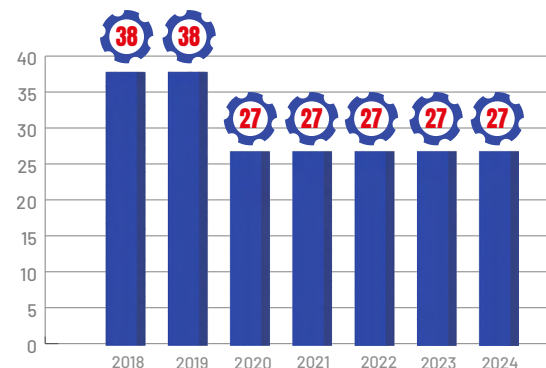
THỜI GIAN LÀM VIỆC TRUNG BÌNH



SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ SỐ VỤ BỆNH NGHỀ NGHIỆP



MÁY MÓC THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AT-VSLĐ



Số lượng máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ năm 2024 không thay đổi so với 2023. Công ty không bổ sung mới các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về quản lý ATVSLĐ trong năm 2024, Trong đó:

Số vụ tại nạn lao động 2024		Loại thương tích, tỷ lệ thương tích	Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	Tỷ lệ ngày công bị mất	Tỷ lệ vắng mặt	Tử vong liên quan đến công việc
0 vụ	Nam	Không có	0%	0%	0%	0
	Nữ	Không có	0%	0%	0%	0

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2024 gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP,HCM và Tây Ninh-ngày 31-12-2024).

ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

- STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Năm 2024, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

Phương pháp đo kiểm môi trường: Thực hiện đo đạt các chỉ số **vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc** tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc
- Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2024 ghi nhận:

(Xem thêm kết quả đo kiểm môi trường lao động – nồng độ bụi-vi khí hậu- ánh sáng- tiếng ồn- hơi khí độc bụi tại phụ lục 3)

CÁC CHỦ ĐỀ VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THỎA THUẬN CHÍNH THỨC VỚI CÔNG ĐOÀN (GRI 403-4)

Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE **KHÁCH HÀNG** (GRI 416)

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-1)

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU

ĐỐI VỚI NHÀ MÁY, CƠ ĐIỆN, BẢO TRÌ

Thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.

BỘ PHẬN THU MUA

Loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).

BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

(QC- Quality Control) với vai trò thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

THÔNG QUA VIỆC ĐẦU TƯ MÁY MÓC HIỆN ĐẠI VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ SẢN XUẤT (POC)



Các nhà máy của STK được trang bị máy móc từ Oerlikon Barmag, Đức. Chất lượng sản xuất về sức căng và hiện tượng đứt sợi được giám sát bởi Unitens và sản lượng thực tế được kiểm soát bởi Trung tâm Điều hành Nhà máy (“POC”). Hệ thống POC và Unitens là tiền đề để nâng cấp các nhà máy hiện tại của STK trở thành nhà máy thông minh, giúp bộ phận sản xuất đạt hiệu quả sản xuất cao thông qua việc loại bỏ sai sót ngay trong quá trình sản xuất.

Việc thu thập dữ liệu sản xuất theo thời gian từ Unitens và POC sẽ được tích hợp và dẫn chuyển sang chức năng AI tại nhà máy “Smart factory”, hệ thống sẽ học hỏi kinh nghiệm sản xuất dựa trên đó có thể biết chính xác loại lỗi sản xuất nào và cách khắc phục mà không cần chuyên gia kỹ thuật trực tiếp, hơn thế nữa, Smart factory với chức năng AI có thể giúp Công ty đáng kể trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bằng cách ghi nhớ dữ liệu sản xuất theo thời gian, có thể biết chính xác thông số cài đặt sản xuất nào là tốt nhất cho sản phẩm sản xuất nào, giúp Công ty giữ được chất lượng ổn định cao trong sản phẩm.

THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KHÁC

OEKO-TEX 100



GRS



REACH 168

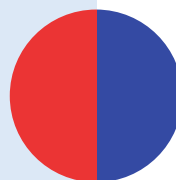


Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: **100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.**

CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-2)

Trong năm 2024, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: **không có**;
1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: **không có**;
2. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: **không có**;



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (GRI 413)

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (GRI 413-1)

1. Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng:

Người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty.

2. Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục:

- Định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty,
- Công ty chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.

3. Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội:

- Các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững.
- Các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.

4. Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương:

- Tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty.

5. Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

- Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra.
- Đồng thời, TGD là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:
 - ♦ Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;
 - ♦ Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
 - ♦ Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
 - ♦ Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;
 - ♦ Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
 - ♦ Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
 - ♦ Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi;



CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc.
- Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động,
- Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Công ty cam kết không có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương và địa bàn nơi Công ty đang hoạt động.

VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK

Đánh giá kết quả 2024

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình tôn chỉ 2024 ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện tuyên ngôn công việc của từng phòng ban mình, các đơn vị còn có cơ hội thuyết trình chia sẻ thêm chủ đề về các đức tính tốt và cần cải thiện của người Việt Nam, từ đó vận dụng các thông tin hữu ích nhằm cải thiện môi trường làm việc thực tế của doanh nghiệp.

TINH THẦN TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI

Mục tiêu 2024

- Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại Công ty;
- Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

Kết quả 2024

- Tặng quà công đoàn cho nhân viên Công ty: thưởng Tết và tặng quà Tết cho CBCNV;
- Gây quỹ ủng hộ một số nhân viên có hoàn cảnh khó khăn gặp tai trong giao thông.
- Chung tay hướng về miền núi phía Bắc sau bão Yagi, tập thể STK đã quyên góp gần 15 triệu đồng để hỗ trợ đồng bào khắc phục khó khăn sau thiên tai.
- San sẻ yêu thương, công ty đã ủng hộ hơn 10 triệu đồng giúp đỡ người thân của một nhân viên (bộ phận Cung ứng) đang đối diện với chi phí điều trị bệnh cao.
- Sẻ chia kịp thời, tập thể STK đã cùng nhau đóng góp hơn 27,9 triệu đồng để hỗ trợ một đồng nghiệp không may bị đột quỵ khi đang trực Tết.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI NĂM 2025

Tỷ lệ biến động
Nhân sự **25%**

Tỷ lệ tuyển dụng bất
thành **20%**

Đáp ứng nhu cầu nhân
sự **95%**

Quản lý Ngân sách
lương **97%**

Tăng lương bình quân
5% cho người lao động

CÁC DỰ ÁN XANH TẠI CÔNG TY

Để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK đã mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng tăng trưởng xanh, góp phần nâng cao giá trị phát triển kinh tế và bảo vệ và giảm tác động tới môi trường, Cụ thể:

DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020, hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất thực tế là 7,4 Mwp/năm. Đến năm 2024, hệ thống điện mặt trời áp mái đã đáp ứng khoảng 8% nhu cầu điện của Công ty. Công ty dự kiến mở rộng công suất năng lượng mặt thêm 15Mwp/năm cho nhà máy Trảng Bàng và 15 Mwp/năm với nhà máy Unitex thông qua dự án DPPA với đối tác chiến lược.

DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢ PHẾ

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1,500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường, Tỷ lệ tái chế lại phế phẩm chiếm hơn 74,5% tổng phế phẩm tạo ra.

DỰ ÁN SỢ MÀU

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy (doanh thu sợi màu đã tăng vượt bậc chiếm 4,4% trên tổng doanh thu 2024, từ mức 0,83% trong năm 2023, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu, Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường, Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DỰ ÁN SỢ TÁI CHẾ

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016, Trong năm 2024, tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu đạt 44,5%. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 5,01 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được bảo động khẩn cấp trên toàn cầu.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.

BHXXH:	BẢO HIỂM XÃ HỘI	SPINNING:	MÁY KÉO SỢI
BHYT:	BẢO HIỂM Y TẾ	SSR:	ĐIỆN TRỞ
BKS:	BAN KIỂM SOÁT	STK, CENTURY:	CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
BTNMT:	BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	SXKD:	SẢN XUẤT KINH DOANH
CBCNV:	CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN	TB:	TRẮNG BÀNG
CC:	CỦ CHI	TCVN:	TIÊU CHUẨN VIỆT NAM
TB:	TRẮNG BÀNG	TCVS:	TIÊU CHUẨN VỆ SINH
CTCP:	CÔNG TY CỔ PHẦN	TCVSLĐ:	TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG
AT-VS-LĐ:	AN TOÀN, VỆ SINH, LAO ĐỘNG	TGD:	TỔNG GIÁM ĐỐC
DTY:	SỢI XƠ DÀI	BOD:	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
FDY:	SỢI KÉO DUỖI HOÀN TOÀN,	BOS:	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
FTA:	HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO	TNCN:	THU NHẬP CÁ NHÂN
GTGT:	GIÁ TRỊ GIA TĂNG	TNDN:	THU NHẬP DOANH NGHIỆP
HĐQT:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TNHH:	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
INVERTER:	MÁY BIẾN ÁP	DOPE DYE:	SỢI MÀU
KCN:	KHU CÔNG NGHIỆP	CARBON FOOTPRINT:	PHÁT THẢI KHÍ CO2
LEAN:	SẢN XUẤT TINH GỌN	WINDER:	MÁY CUỐN SỢI
POY:	SỢI NGUYÊN LIỆU	SGDCK:	SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
QCVN:	QUY CHUẨN VIỆT NAM	HOSE:	SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP, HCM
QĐ-BYT:	QUY ĐỊNH BỘ Y TẾ	QC:	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
SX POY:	NHÀ MÁY POY	SOP:	QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CHUẨN
SX DTY:	NHÀ MÁY DTY	PDCA:	CHU TRÌNH CẢI TIẾN LIÊN TỤC
QLCL:	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	ESOP:	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI
NVTD:	NHÂN VIÊN TUYỂN DỤNG	XLNT:	XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NVVP:	NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG		
QL:	QUẢN LÝ		

BẢNG THAM CHIẾU

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
2-1	Thông tin chi tiết về Tổ chức	
2-2	Các Đơn vị được bao gồm trong báo cáo Phát triển bền vững	
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	
2-4	Trình bày lại thông tin	
2-5	Đảm bảo số liệu từ Đơn vị bên ngoài	
2-6	Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	
2-7	Nhân viên	
2-8	Người lao động không phải là nhân viên công ty	
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị	
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/ giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty	
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	
2-15	Xung đột lợi ích	
2-16	Truyền đạt các mối quan tâm chính	
2-17	Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất	
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	
2-19	Chính sách thù lao	
2-20	Quy trình xác định thù lao	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	THÔNG ĐIẾP PTBV CỦA MD
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	
2-23	Cam kết chính sách	
2-24	Triển khai cam kết chính sách	
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định	
2-28	Hiệp hội thành viên	
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	
2-30	Thỏa ước lao động tập thể	
GRI 3 LĨNH VỰC TRỌNG YẾU		
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ		
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	
GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẮM		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 301: VẬT LIỆU		
301-1w	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	
GRI 303: NƯỚC		
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	
303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	
GRI 305: PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	Không áp dụng
305-7	Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác	
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	
306-3	Sự cố tràn đáng kể	Không có trường hợp ghi nhận
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định	
GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	Không có trường hợp ghi nhận
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	Không có
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
GRI 417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
GRI 417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
GRI 418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
GRI 419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không có trường hợp ghi nhận

Phụ Lục 1: Kết quả quan trắc không khí tại Công ty

Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2024
A CỬ CHI					
1	Nhiệt độ	-		OC	31,5
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	56,2
3	Bụi	0,3		mg/m3	0,15
4	NO2	0,2		mg/m3	0,058
5	SO2	0,35		mg/m3	0,069
6	CO	30		mg/m3	KHÔNG PHÁT HIỆN
B TRẢNG BÀNG 1,2					
1	Nhiệt độ	-		OC	31,2
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	59,5
3	Bụi	0,3		mg/m3	0,16
4	NO2	0,2		mg/m3	0,065
5	SO2	0,35		mg/m3	0,071
6	CO	30		mg/m3	KHÔNG PHÁT HIỆN

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2024
B		TRẢNG BÀNG 3			
1	Nhiệt độ	-		OC	31,5
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	58,1
3	Bụi	0,3		mg/m3	0,16
4	NO2	0,2		mg/m3	0,069
5	SO2	0,35		mg/m3	0,075
6	CO	30		mg/m3	KHÔNG PHÁT HIỆN

⇒ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

STT	Thông số	Mức quy định	Đơn vị	2024	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
CỦ CHI					
1	Nhiệt độ	18-32 QCVN 26:2016/BYT	C	30,7	31,5
				31,4	31,3
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	69,8	69,5
				78,6	80,5
3	Bụi	8 QCVN 02:2019/BYT	mg/m3	0,349	0,362
				0,355	0,396

STT	Thông số	Mức quy định	Đơn vị	2024	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
4	NO2	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	0,057	0,055
				0,058	0,067
5	SO2	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	0,049	0,056
				0,055	0,044
6	CO	40 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	4,42	4,63
				4,12	4,45
7	Toluen	300	mg/m3	2,9	3,4
				2,5	3,1
TRẢNG BẢNG 1,2					
1	Nhiệt độ	18-32 QCVN 26:2016/BYT	OC	29,9	30,5
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	83,1	73,9
3	Bụi	8	mg/m3	0,24	0,31
4	NO2	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	0,081	0,062
5	SO2	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	0,088	0,073
6	CO	40 QCVN 03:2019/BYT	mg/m3	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN
7	VOC	1000	mg/m3	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN
TRẢNG BẢNG 3,4					
1	Nhiệt độ	18-32 QCVN 26:2016/BYT	OC	29,8	30,1
2	Độ ồn	≤85 QCVN 24:2016/BYT	dBA	80,9	75,1

STT	Thông số	Mức quy định	Đơn vị	2024	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
3	Bụi	8 QCVN 02:2019/BYT	mg/m ³	0,32	0,27
4	NO ₂	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,098	0,082
5	SO ₂	10 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	0,101	0,095
6	CO	40 QCVN 03:2019/BYT	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN
7	VOC	1000	mg/m ³	KHÔNG PHÁT HIỆN	KHÔNG PHÁT HIỆN

⇒ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt các QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT10

Phụ Lục 2: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải Công ty 2024

STT	Tên chỉ tiêu	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ
				2024
CỦ CHI				
1	pH	5,5-9	-	6,75
2	BOD5	50	mg/l	23
3	COD	150	mg/l	69
4	TSS	100	mg/l	28
5	Đồng (Cu)	2		KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng Nito	40	mg/l	25,8
7	Tổng Photpho	6	mg/l	2,27
8	Tổng Coliform/100ml	5.000	MPN/100 ml	4.900
TRẮNG BÀNG 1,2				
1	pH	5,5-9	-	6,72
2	BOD5	50	mg/l	26
3	COD	150	mg/l	74
4	TSS	100	mg/l	30
5	Đồng (Cu)	2		KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng Nito	40	mg/l	26,9
7	Tổng Photpho	6	mg/l	1,62
8	Tổng Coliform/100ml	5.000	MPN/100 ml	4.100
TRẮNG BÀNG 3,4				

STT	Tên chỉ tiêu	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ
				2024
1	pH	5,5-9	-	6,83
2	BOD5	50	mg/l	43
3	COD	150	mg/l	136
4	TSS	100	mg/l	57
5	Đồng (Cu)	2		KHÔNG PHÁT HIỆN
6	Tổng Nito	40	mg/l	34,7
7	Tổng Photpho	6	mg/l	5,87
8	Tổng Coliform/100ml	5.000	MPN/100 ml	2.300

⇒ Kết quả tham số đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.

**Phụ lục 3: kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2024 -
nồng độ bụi- vi khí hậu- ánh sáng- tiếng ồn-hơi khí độc.**

Nồng độ bụi

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ									
STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m3)							
		CỦ CHI		TRẮNG BÀNG 1,2		TRẮNG BÀNG 3,4		TRẮNG BÀNG 5	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
Nhà máy DTY KV 1									
1	KV đầu xưởng	0,22		0,31		0,27		0,31	
2	KV cuối xưởng	0,362		0,352		0,339		0,342	
Nhà máy DTY KV 2									
3	KV đầu xưởng	0,396		0,327		0,335		0,337	
4	KV giữa xưởng	0,412		0,327		0,335		0,337	
5	KV cuối xưởng	0,21							
Nhà máy POY KV1									
6	KV đầu xưởng	0,26		0,24		0,32			
7	KV cuối xưởng	0,349		0,350		0,349			
Nhà máy POY KV2									
8	KV đầu xưởng	0,355		0,318		0,338			
9	KV cuối xưởng	0,361		0,318		0,338			

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ									
STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m3)							
		CỦ CHI		TRẮNG BÀN 1,2		TRẮNG BÀN 3,4		TRẮNG BÀN 5	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
KV trung kiểm									
10	KV đầu xưởng	0,351						0,317	
11	KV giữa xưởng	0,367						0,28	
12	KV cuối xưởng	0,373						0,320	
KV Quản lý chất lượng									
13	KV đầu xưởng	0,321						0,320	
14	KV giữa xưởng	0,333							
15	KV cuối xưởng	0,341							
	Tổng cộng	15		08		08		08	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic		8,0							

Vi khí hậu

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C) 18-32		ĐỘ ẨM (Hr %) 40-80		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) 0,2-1,5	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
	Mùa thời điểm đo: 08h40 Ngày 24/12/2024							
CỦ CHI								
	Ngoài trời		29,5		54,0		0,4-0,6	
Xưởng Spinning								
1	Chuyển 2		29,9		51,4		0,2-0,3	
2	Chuyển 1		29,7		50,3		0,2-0,3	
Xưởng Winder								
3	Chuyển 5		29,0		55,8		0,2-0,3	
4	Chuyển 6		29,3		55,3		0,2-0,3	
Xưởng DTY								
Chuyển 3								
5	Máy 15		31,5		48,5		0,2-0,3	
6	Máy 13		31,4		48,6		0,2-0,3	
Chuyển 1 + 2								
7	Máy 10		31,5		48,0		0,2-0,3	
8	Máy 9		31,7		48,5		0,2-0,3	
9	Máy 6		30,7		50,5		0,2-0,3	

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C) 18-32		ĐỘ ẨM (Hr %) 40-80		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) 0,2-1,5	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
10	Văn phòng lab		28,5		55,0		0,1-0,2	
11	Phòng nhuộm thử nghiệm		29,7		51,4		0,1-0,2	
	TỔNG CỘNG		11	0	11	0	11	0
TRẢNG BÀNG 1,2								
	Ngoài trời 10h00		30,4	47,4	0,4-0,6			
Xưởng Winder								
1	Chuyển 11		30,1		50,0		0,2-0,3	
2	Chuyển 17		31,2		48,5		0,2-0,3	
3	Chuyển 13		29,6		53,4		0,2-0,3	
Xưởng Spinning								
4	Chuyển 17		31,6		52,8		0,2-0,3	
5	Chuyển 13		31,2		54,1		0,2-0,3	
6	Chuyển 11		31,7		51,6		0,2-0,3	
Xưởng DTY								
7	Máy 22		27,7		67,2		0,2-0,3	
8	Máy 19		27,9		66,1		0,2-0,3	
9	Máy 26		28,1		65,9		0,2-0,3	
10	Văn phòng lab		28,5		60,8		0,2-0,3	

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C) 18-32		ĐỘ ẨM (Hr %) 40-80		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) 0,2-1,5	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
11	Phòng nhuộm thử nghiệm		29,5		56,8		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		11		11		11	
TRẢNG BÀNG 3,4								
	Ngoài trời							
Xưởng DTY								
1	Máy 42		31,5		53,2		0,2-0,3	
2	Máy 48		29,7		53,0		0,2-0,3	
3	Máy 53		31,5		50,6		0,2-0,3	
Xưởng Winder								
4	Chuyển 22		27,3		61,5		0,2-0,3	
5	Chuyển 20		27,5		54,1		0,2-0,3	
6	Chuyển 18		27,6		48,1		0,2-0,3	
Xưởng Spinning								
7	Chuyển 19		28,5		53,0		0,2-0,3	
8	Chuyển 21		28,8		56,5		0,2-0,3	
9	Chuyển 18		29,1		46,9		0,2-0,3	
10	Văn phòng lab		28,6		51,7		0,1-0,2	
11	Phòng nhuộm thử nghiệm		28,6		56,6		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		11		11		11	
TRẢNG BÀNG 5								
	Ngoài trời							

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C) 18-32		ĐỘ ẨM (Hr %) 40-80		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) 0,2-1,5	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
XưởngDTY								
1	Máy 54		27,9		69,0		0,2-0,3	
2	Máy 57		27,9		66,8		0,2-0,3	
3	Máy 55		28,0		67,1		0,2-0,3	
KV kiểm phẩm								
4	Khu vực máy dệt 4		28,6		63,9		0,2-0,3	
5	Khu vực kiểm phẩm		28,5		63,8		0,2-0,3	
Khu vực đóng gói								
6	Khu vực chờ đóng gói		28,9		65,6		0,2-0,3	
7	Khu vực đóng gói		29,5		62,2		0,2-0,3	
8	Kho thành phẩm		29,3		57,7		0,2-0,3	
Khu vực tái chế								
9	Đầu khu vực		28,9		57,6		0,2-0,3	
10	Cuối khu vực		28,8		57,4		0,2-0,3	
	TỔNG CỘNG		10	0	10	0	10	0
TCVN 3733:2002 Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí ở vị trí làm việc			18-32		40-80		0,2-1,5	

Ánh sáng

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép ≥300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
CỦ CHI				
Xưởng Spinning				
1	Chuyển 2	332		
2	Chuyển 1	327		
Xưởng Winder				
3	Chuyển 5	365		
4	Chuyển 6	388		
Xưởng DTY				
Chuyển 3				
5	Máy 15	376		
6	Máy 13	309		
Chuyển 1 + 2				
7	Máy 10	352		
8	Máy 9	348		
9	Máy 6	330		
10	Văn phòng lab	375		
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	532		
Tổng cộng		11		0

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép ≥300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BẢNG 1,2				
Xưởng Winder				
1	Chuyển 11	358		
2	Chuyển 17	335		
3	Chuyển 13	970		
Xưởng Spinning				
4	Chuyển 17	310		
5	Chuyển 13	398		
6	Chuyển 11	498		
Xưởng DTY				
7	Máy 22	308		
8	Máy 19	316		
9	Máy 26	341		
10	Văn phòng lab	359		
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	535		
	Tổng cộng	11		
TRẢNG BẢNG 3,4				
Xưởng DTY				
1	Máy 42	313		
2	Máy 48	324		
3	Máy 53	337		

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép ≥300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
Xưởng Winder				
4	Chuyển 22	391		
5	Chuyển 20	389		
6	Chuyển 18	387		
Xưởng Spinning				
7	Chuyển 19	374		
8	Chuyển 21	330		
9	Chuyển 18	301		
10	Văn phòng lab	310		
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	555		
	Tổng cộng	11		
TRẢNG BẢNG 5				
Xưởng DTY				
1	Máy 54	380		
2	Máy 57	339		
3	Máy 55	345		
KV kiểm phẩm				
4	Khu vực máy dệt 4	561		
5	Khu vực kiểm phẩm	1041		

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		Giới hạn cho phép >=300
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
Khu vực đóng gói				
6	Khu vực chờ đóng gói	316		
7	Khu vực đóng gói	309		
8	Kho thành phẩm	121		
Khu vực tái chế				
9	Đầu khu vực	325		
10	Cuối khu vực	310		
TỔNG CỘNG		10		
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG				
Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT				
*Tiếng ồn				
-Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy				
*Ánh sáng				
- Công nghiệp dệt				
+ Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm				

Hơi khí độc

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m3)	Ethylen (mg/m3)
		<=7031	<=898,44
CỦ CHI			
	Nhà máy DTY		
1	Đầu khu vực	932	
2	Cuối khu vực	925	
	KV xưởng Spinning		
3	KV đầu xưởng	954	
4	KV cuối xưởng	963	
	KV Xưởng Winder		
5	Đầu khu vực	925	
6	Cuối khu vực	943	
	KV phòng lap	961	6,41
	KV phòng nhuộm thử nghiệm	945	7,33
	TỔNG CỘNG	08	02
TRẮNG BÀN 1,2			
1	Giữa xưởng DTY	866	
2	KV giữa xưởng Winder	902	
3	KV giữa xưởng Spinning	1244	
4	KV phòng lap	1101	9,85
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	921	3,55
	TỔNG CỘNG	05	02

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m3)	Ethylen (mg/m3)
		<=7031	<=898,44
TRẮNG BẢNG 3,4			
1	Giữa xưởng DTY	885	
2	KV giữa xưởng Winder	921	
3	KV giữa xưởng Spinning	1524	
4	KV phòng nhuộm thử nghiệm	905	4,12
5	Văn phòng lab	1114	14,66
	TỔNG CỘNG	05	02
TRẮNG BẢNG 5			
1	Giữa xưởng DTY	873	
2	KV kiểm phẩm	961	
3	KV đóng gói	984	
4	KV thành phẩm	936	
5	KV tái chế	996	
	TỔNG CỘNG	05	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc: -Trung bình 8 giờ (TWA) -Từng lần tối đa (STEL)		<= 7031	898,44

Tiếng ồn

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1000	2000	4000	8000
CỦ CHI										
	Xưởng Spinning									
1	Chuyển 2	85,5	68	71	76	79	81	79	75	69
2	Chuyển 1	86,6	69	72	77	80	82	80	76	70
	Xưởng Winder									
3	Chuyển 5	93,5	71	74	79	82	85	82	78	72
4	Chuyển 6	91,2	69	72	77	80	84	80	76	70
	KV xưởng DTY									
	Chuyển 3									
5	Máy 15	90,9	68	71	76	79	83	79	75	69
6	Máy 13	97,7	73	76	81	84	86	84	80	74
	Chuyển 1 + 2									
4	Máy 10	95,4	72	75	80	83	85	83	79	73
8	Máy 9	92,4	70	73	78	81	84	81	77	71
9	Máy 6	86,3	67	70	75	78	81	78	74	68
10	Văn phòng lab	67,3	49	52	57	60	62	60	56	50
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	84,1	63	66	71	74	76	74	70	64

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1000	2000	4000	8000
TRẮNG BẢNG 1,2										
	Xưởng Winder									
1	Chuyển 11	86,0	68	71	76	79	81	79	75	69
2	Chuyển 17	91,7	70	73	78	81	83	81	77	71
3	Chuyển 13	90,7	71	74	79	82	84	82	78	72
	Xưởng Spinning									
4	Chuyển 17	75,1	57	60	65	68	70	68	64	58
5	Chuyển 13	75,2	57	60	65	68	70	68	64	58
6	Chuyển 11	77,8	59	62	67	70	72	70	66	60
	Xưởng DTY									
7	Máy 22	88,5	70	73	78	81	83	81	77	71
8	Máy 19	92,1	71	74	79	82	84	82	78	72
9	Máy 26	91,7	70	73	78	81	83	81	77	71
10	Văn phòng lab	74,5	56	59	64	67	69	67	63	57
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	71,1	53	56	61	64	66	64	60	54
TRẮNG BẢNG 3,4										
	Xưởng DTY									
1	KV máy 42	92,2	71	74	79	82	84	82	78	72
2	KV máy 48	88,2	69	72	77	80	82	80	76	70
3	KV máy 53	91,5	70	73	78	81	83	81	77	71
	Xưởng Winder									

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1000	2000	4000	8000
4	Chuyển 22	86,2	68	71	76	79	81	79	75	69
5	Chuyển 20	94,1	73	76	81	84	86	84	80	74
6	Chuyển 18	93,3	72	75	80	83	85	83	79	73
	Xưởng Spinning									
7	Chuyển 19	72,2	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chuyển 21	73,5	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Chuyển 18	75,4	57	60	65	68	70	68	64	58
10	Văn phòng lab	64,1	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Phòng nhuộm thử nghiệm	70,6	52	55	60	63	65	63	59	53
TRẮNG BẢNG 5										
	Xưởng DTY									
1	Máy 54	94,8	73	76	81	84	86	84	80	74
2	Máy 57	83,3	65	68	73	76	78	76	72	66
3	Máy 55	86,4	68	71	76	79	81	79	75	69
	Khu vực Kiểm Phẩm									
4	Khu vực máy dệt 4	69,3	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Khu vực kiểm phẩm	68,8	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khu vực đóng gói									
6	Khu vực chờ đóng gói	63,9	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Khu vực đóng gói	75,9	57	60	65	68	70	68	64	58
8	Kho thành phẩm	61,2	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1000	2000	4000	8000
	Khu vực văn phòng									
9	Đầu khu vực	75,4	57	60	65	68	70	68	64	58
10	Cuối khu vực	84,5	66	69	74	77	79	77	73	67
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động QĐ 3733/2002/QĐ-BYT *Tiếng ồn -Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy										

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	VỊ TRÍ ĐO	CỦ CHI			TRẢNG BÀNG		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu						
2	Nhiệt độ	11	11	0	32	32	0
3	Độ ẩm	11	11	0	32	32	0
4	Tốc độ gió	11	11	0	32	32	0
5	Ánh sáng	11	11	0	32	32	0
6	Tiếng ồn chung	11	0	11	32	16	16
7	Tiếng ồn phân tích dải tần	11	0	11	25	9	16
8	Bụi toàn phần	11	11	0	26	26	0
9	Hơi khí độc						
10	-Cacbon đioxit	08	08	0	15	15	0
11	-Etylen	02	02	0	04	04	0